



PGS.TS NGUYỄN VIỆT SỰ (Chủ biên)

Tuổi trẻ với nghề truyền thống Việt Nam



THANH NIÊN



PGS. TS NGUYỄN VIỆT SỰ

Tuổi trẻ với nghề truyền thống Việt Nam

(In lần thứ hai)



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO

- GS.TS PHẠM TẮT DONG,
nguyên Phó Trưởng Ban
Khoa giáo Trung ương Đảng;
Chủ tịch Hội đồng.

- Đ/c VŨ VĂN TÁM, nguyên
Bí thư Trung ương Đoàn,
Phó Chủ tịch.

- Đ/c NGUYỄN VĂN VỌNG,
Thứ trưởng Bộ GD&ĐT;
Phó Chủ tịch.

- Đ/c MAI THỜI CHÍNH,
Q.Giám, đốc NXB Thanh Niên;
Phó Chủ tịch thường trực.

- Đ/c NGUYỄN HÙNG,
Phó Giám đốc Trung tâm
Lao động – Hướng nghiệp,
Bộ GD&ĐT: Ủy viên.

- Đ/c NGHIÊM TRỌNG QUÝ,
Trưởng Ban Tiêu chuẩn nghề,
Tổng cục dạy nghề: Ủy viên.

- Đ/c PHẠM HUY THỤ, Phó
Chủ tịch kiêm Tổng thư ký
Hội Giáo dục Hướng nghiệp;
Ủy viên.

CÁC TÁC GIẢ:

PGS. TS. NGUYỄN VIỆT SỰ
(Chủ biên)

ThS. NGUYỄN VĂN TRỌNG
ThS. HOÀNG THỊ MINH ANH
CN. ĐỖ THỊ HOÀ
Nhà báo PHẠM THỊ CẨM HÀ

● PGS.TS NGUYỄN VIỆT SỰ,
nguyên Giám đốc Trung
tâm GDTHCN và Dạy nghề,
Viện nghiên cứu KHGD, Bộ
GD&ĐT: Ủy viên.

● PGS.TS NGUYỄN ĐỨC TRÍ,
Trưởng Ban Giáo dục chuyên
nghiệp, Viện nghiên cứu
phát triển GD, Bộ GD&ĐT:
Ủy viên.

● GS.TS VŨ VĂN TẢO,
Nguyên Vụ trưởng - Trợ lý Bộ
trưởng Bộ GD-ĐT: Ủy viên.

● TS. NGUYỄN NHƯ ẮT:
Ủy viên thường trực.

● Đ/c NGUYỄN THIỀU HOA,
Trưởng Ban Biên tập sách
Khoa học - Đời sống, NXB
Thanh Niên: Ủy viên.

LỜI GIỚI THIỆU

Bước vào thế kỷ XXI, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước được đặt trước yêu cầu bức thiết: rút ngắn thời gian bằng những bước nhảy vọt. Con đường đó chỉ có thể thực hiện bằng một nguồn nhân lực đủ năng lực nội sinh để thực hiện mục tiêu xây dựng thành công đất nước công nghiệp sau vài ba thập kỷ.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã khẳng định phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát huy tư duy khoa học và năng lực nghiên cứu, tự học, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề của thanh niên, coi trọng công tác hướng nghiệp và chuẩn bị lao động nghề nghiệp đối với những thế hệ học sinh, sinh viên cho phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương.

Theo phương hướng chuẩn bị cho thanh niên - học sinh vào đời trên đây, trong những năm tới, Nhà nước sẽ tăng ngân sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo theo nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Nhờ đó, các loại hình trường trung học, nhất là hệ thống dạy nghề sẽ trở nên đa dạng hơn và hiện đại hơn, thanh niên sẽ được trang bị hơn về kiến thức sản xuất và nghề nghiệp, kỹ năng lao động và năng lực tiếp thu công nghệ mới để tự tạo việc làm, chủ động tìm kiếm cơ hội lập thân, lập nghiệp.

Quán triệt tư tưởng giáo dục - hướng nghiệp của Đảng, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã có sáng kiến phối hợp với Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, biên soạn, phát hành bộ sách "Hướng nghiệp cho thanh niên".

Nhiều Bộ, ngành cùng nhiều Tổng Công ty và doanh nghiệp lớn đã tích cực ủng hộ cho sự ra mắt bộ sách này thông qua việc tự giới thiệu về lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ... của mình bằng những thông tin chủ yếu sau đây:

- Chiến lược phát triển 2001-2010 và tầm nhìn 2020;
- Nhu cầu tuyển dụng nhân lực từng thời kỳ;
- Hệ thống ngành nghề cơ bản thuộc lĩnh vực mình quản lý;

- Những điều kiện lao động nghề nghiệp cụ thể;

- Yêu cầu đào tạo, hướng giải quyết việc làm, lập thân, lập nghiệp.

Trước yêu cầu có tính cấp thiết của công tác hướng nghiệp, bộ sách được tổ chức, biên soạn trong một thời gian rất ngắn. Do đó, việc hoàn thiện trong giai đoạn tiếp theo là cần thiết. Rất mong trong quá trình hướng dẫn thanh niên, học sinh làm theo những chỉ dẫn của bộ sách này, các thầy cô giáo, các nhà báo, nhà hoạt động xã hội, nhà khoa học... sẽ cho ý kiến cụ thể về những thiếu sót trong nội dung để chúng tôi thấy được hướng bổ sung, sửa chữa.

Ý kiến đóng góp xin gửi về địa chỉ:

Ban biên tập bộ sách

“Hướng nghiệp cho thanh niên”

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu - Hà Nội

ĐT: (04) 8229077; Fax: (04) 9436024

T/M HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

NGUYỄN PHÓ TRƯỜNG BAN

KHOA GIÁO T.W

GS.TS PHẠM TẮT DONG

LỜI MỞ

Thế giới nghề nghiệp hết sức phong phú và đa dạng, đáp ứng sự phát triển của kinh tế - xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định của đất nước. Hơn lúc nào hết, tuổi trẻ Việt Nam đang ra sức học tập và rèn luyện để xứng đáng là những chủ nhân trong tương lai của thập kỷ đầu thế kỷ XXI, trên chặng đường CNH, HĐH nước ta. Một trong những mục tiêu thiết thực và trực tiếp là thanh niên tìm kiếm cho mình một ngành nghề phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện phát triển của bản thân và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội ở địa phương mình và trong cả nước. Các hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho thanh, thiếu niên sẽ giúp cho họ đạt được nguyện vọng trên, để tuổi trẻ lập thân, lập nghiệp.

Cuốn sách Tuổi trẻ với nghề truyền thống Việt Nam là một trong nhiều tài liệu sẽ góp phần trong các hoạt động hướng nghiệp cho thanh niên. Các tác giả cuốn sách đề cập tới ý nghĩa, vai trò và giá trị của các nghề truyền thống Việt Nam trong thế giới nghề nghiệp phong phú hiện nay. Bạn đọc sẽ tìm hiểu rõ các loại nghề truyền thống đã và đang tồn tại ở Việt Nam; những yêu cầu và đặc trưng của nghề nói chung và cụ thể từng nghề truyền thống nói riêng với số liệu hình ảnh, cách mô tả khái quát, chính xác về kỹ thuật công nghệ để làm ra các sản phẩm nghề truyền thống độc đáo, tinh vi với trình độ kỹ thuật cao. Các bạn trẻ cũng tìm thấy trong sách những địa chỉ đào tạo và nghề nhân giỏi của các nghề truyền thống ở địa phương, vùng miền nổi tiếng. Đặc biệt, các bạn sẽ nhận được những lời tư vấn, lời khuyên sâu sắc trên cơ sở lý luận và thực tiễn về việc chọn nghề tương lai cho mình.

*Cuốn sách đã được sự phối hợp chỉ đạo của Hội đồng chỉ đạo bộ sách “**Hướng nghiệp cho thanh niên**” và sự lãnh đạo của Trung ương Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Để hoàn thành cuốn sách này, chúng tôi đã tiếp nhận nhiều thông tin về các nghề*

truyền thống từ các cơ sở sản xuất, trường nghề và trung tâm dạy nghề. Chúng tôi cũng thừa kế nhiều sản phẩm nghiên cứu khoa học của các đề tài được tiến hành ở các Viện nghiên cứu khoa học và các trường.

Sách được hoàn thành với sự cộng tác của 5 tác giả:

Phần một: Nghề truyền thống Việt Nam trong đời sống xã hội. Tác giả: PGS. TS Nguyễn Viết Sự.

Phần hai: Tìm hiểu một số nghề truyền thống thuộc lĩnh vực mỹ nghệ. Tác giả: Cử nhân Đỗ Thị Hoà (Nghề khắc trai, nghề chạm khắc gỗ) và Thạc sĩ Hoàng Thị Minh Anh (nghề làm hoa nghệ thuật, nghề kim hoàn, nghề thêu, nghề gốm; nghề đan mây, tre, nứa; nghề dệt truyền thống).

Phần ba: Định hướng khôi phục và phát triển ngành, nghề thủ công truyền thống. Tác giả: Thạc sĩ Nguyễn Văn Trọng.

Phần bốn: Sôi động làng nghề trong cơ chế thị trường. Tác giả: Nhà báo Phạm Thị Cẩm Hà.

Trong điều kiện hạn chế về thời gian và năng lực tiếp cận vấn đề, cuốn sách lại

nhằm phục vụ các bạn đọc ở nhiều lứa tuổi, nhiều đối tượng: học sinh phổ thông, các nhà giáo và các nhà quản lý cùng phụ huynh học sinh và đông đảo tuổi trẻ trong cả nước, nên chắc hẳn cuốn sách còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Chúng tôi trân trọng tiếp nhận những ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn chỉnh tiếp vào lần tái bản sau. Tập thể tác giả xin trân trọng cảm ơn các đồng nghiệp và bạn đọc của cuốn sách này.

Phần I

NGHỀ TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Đời sống xã hội phát triển theo dòng thời gian với những yêu cầu ngày càng cao trong ăn, ở, sinh hoạt và lao động thể hiện qua thế giới nghề nghiệp phong phú và đa dạng. Mỗi con người sinh ra, lớn lên và trưởng thành đều hướng tới một hay vài nghề nhất định để học tập, lao động kiếm sống theo các nghề đó. Trong thế giới nghề nghiệp có hàng vạn nghề, từ nghề hiện đại đến nghề thủ công truyền thống. Tuy nhiên, theo các nhà tâm lý học, nếu căn cứ vào đối tượng lao động của nghề để phân loại nghề giúp cho hoạt động hướng nghiệp, có thể nhận thấy 5 loại sau đây:

- *Loại nghề thể hiện quan hệ Người – Người*, trong đó đối tượng hành nghề là Người. Ví dụ: Nghề Y, nghề Thầy giáo...

- *Loại nghề thể hiện quan hệ Người - Kỹ thuật*, trong đó đối tượng hành nghề là trang thiết bị kỹ thuật. Ví dụ: Nghề điện, nghề đúc đồng...

- *Loại nghề thể hiện quan hệ Người - Tín hiệu*, trong đó đối tượng hành nghề là các tín hiệu bằng số, âm thanh hoặc qui ước mật mã. Ví dụ: Nghề kế toán, nghề tin học...

- *Loại nghề thể hiện quan hệ Người - Tự nhiên*, trong đó đối tượng hành nghề là cây trồng, vật nuôi tự nhiên. Ví dụ: Nghề trồng lúa, nghề nuôi ong...

- *Loại nghề thể hiện quan hệ Người - Nghệ thuật*, trong đó đối tượng hành nghề là các hình ảnh nghệ thuật. Ví dụ: Nghề vẽ tranh Đông Hồ, nghề điêu khắc...

I. TÌM HIỂU CHUNG VỀ NGHỀ TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Nghề là khái niệm để chỉ công việc chuyên làm theo đòi hỏi của đời sống xã hội hoặc theo sự phân công của xã hội. Giá trị xã hội của mỗi người được thông qua kết quả lao động nghề nghiệp mà người đó tạo ra cho xã hội và bản thân. Bởi vậy như Bác Hồ đã dạy: “Nghề nào cũng vinh quang”.

Nghề truyền thống Việt Nam chiếm tỉ trọng không nhỏ trong thế giới nghề nghiệp và đã có lịch sử lâu đời. Nhiều làng nghề với các cụ tổ nghề được dân gian thờ cúng hàng ngàn năm với sự biết ơn sâu sắc về đức độ và công lao truyền nghề trong làng xã, vùng quê và cả nước và từ đời này sang đời khác.

Nghề truyền thống Việt Nam xuất hiện trong điều kiện trang thiết bị kỹ thuật thô sơ và lao động chủ yếu bằng tay nên thường gọi là nghề thủ công truyền thống. Ngày nay, với tiến bộ mạnh mẽ của khoa học, công nghệ nên các trang thiết bị, dụng cụ hành nghề được hiện đại hoá nên tính chất thủ công giảm dần và nhường chỗ cho hoạt động tinh vi, tinh xảo của công nghệ, thiết bị mới nhằm đạt chất lượng sản phẩm cao. Tuy vậy, những tinh hoa đặc thù của nghề truyền thống vẫn phải đảm bảo bởi những bàn tay vàng khéo léo, tư duy sáng tạo mang đậm bản sắc dân tộc của người thợ mà chỉ ở những nghề truyền thống mới có được.

Lịch sử phát triển nghề truyền thống Việt Nam đã ghi nhận nhiều loại nghề từ Bắc - Trung - Nam với các bước thăng trầm trong từng giai đoạn và những sản phẩm bất hủ do nghề tạo ra còn truyền lại nhiều đời trong đời sống xã hội thường nhật hoặc trong các cung điện, đền đài, lăng tẩm hoặc trong các lễ hội dân gian Việt Nam.

Chúng ta có thể nhận rõ một số loại nghề truyền thống Việt Nam tiêu biểu sau đây:

** Điều khắc:*

- + Điều khắc tượng, điều khắc gỗ trang trí đồ thờ cúng trong các đình chùa.
- + Điều khắc gỗ dân dụng (Sập gụ, tủ chè...)
- + Khắc tranh (trên đá, trên gỗ...).

** Đan lát mỹ nghệ:*

+ Đan mây, tre, nứa, lá (bàn ghế, vật dụng...)

** Thêu ren:*

+ Thêu phong cảnh

+ Thêu truyền thần

+ Làm đăng ten, ren

** Chạm khảm:*

+ Chạm sừng, xương ngà voi, đồi mồi (các vật dụng)

+ Khảm xà cừ, trai và các loại khác (các vật dụng)

** Trang trí kim loại:*

+ Làm đồ trang sức vàng, bạc

+ Chạm mỹ thuật kim loại màu

** Nghề gốm, sứ, thủy tinh:*

+ Sản xuất thủy tinh mỹ nghệ

+ Gốm, sứ (các vật dụng)

** Đúc mỹ thuật:*

Đúc các loại chuông, tượng, lư hương...

** Nghề dệt:*

+ Dệt chiếu cói và dệt màn (Màn tắm, màn trúc,...)

+ Dệt tơ, lụa, lĩnh, gấm, sa tanh,...

+ Dệt thổ cẩm.

+ Dệt thảm len, bẹ ngô, sơ dừa...

Đến nay vẫn còn tồn tại trong trí nhớ mọi người

về một số nghề truyền thống qua nhiều câu ca dao, dân ca hay, ví như:

Chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng

Vải tơ Nam Định, lụa vàng Hà Đông

II. VAI TRÒ, Ý NGHĨA CỦA NGHỀ TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM:

Sản phẩm của các nghề truyền thống Việt Nam được nhìn nhận, đánh giá từ nhiều góc độ của kinh tế - xã hội với những giá trị hết sức to lớn và độc đáo từ ngàn đời xưa cho tới nay. Cũng cần nhận thấy rằng ở thời đại của các công nghệ tin học và công nghệ cao khác, ngày nay dần có phát triển tới đâu cũng không thể thay thế được sự sáng tạo của các nghệ nhân nghề truyền thống và giá trị của nhiều nghề truyền thống vẫn còn mãi với thời gian.

- *Về giá trị kinh tế:* Nghề truyền thống đã làm ra các sản phẩm hết sức thiết dụng, độc đáo, từ đồ vật dụng trong gia đình hàng ngày tới các mặt hàng tinh xảo trong các lễ hội, trong các chùa và cung đình. Hàng vạn các thợ giỏi và nghệ nhân đã tạo nên công ăn việc làm trong xã hội và các nghề được truyền lại trong dòng họ, làng xóm hoặc vùng miền, trở thành “bí quyết” nghề nghiệp qua nhiều đời.

Sản phẩm nghề truyền thống không chỉ đem lại giá trị kinh tế trong nước mà còn đem lại giá trị ngoại tệ khi được xuất khẩu ra nước ngoài. Những năm trở lại đây, nhiều sản phẩm truyền thống như sập gụ, bộ ghế xa

lông chạm khảm có giá trị tới vài ngàn đô la Mi và ngoại tệ thu từ hàng xuất khẩu lên tới hàng trăm triệu đô la.

- *Về giá trị văn hoá - xã hội*: Sản phẩm của nhiều nghề truyền thống Việt Nam đã thể hiện rõ và bảo tồn được những nét, những sắc thái độc đáo của dân tộc. Những giá trị văn hoá của dân tộc thể hiện tư duy, triết lí Á Đông; phong tục tập quán đẹp; truyền thống dân tộc Việt Nam; phong cách sống Việt Nam... đều có thể biểu hiện qua nét vẽ, hình mẫu, cách trang trí và cấu trúc của sản phẩm mà chỉ ở nghề truyền thống mới lột tả hết giá trị nhân văn, giá trị văn hoá. Đây cũng chính là ưu thế của các sản phẩm nghề truyền thống Việt Nam khi rộng mở giao lưu trên thị trường quốc tế và mở rộng quan hệ văn hoá, nghệ thuật với các nước trên thế giới.

Nước ta là một nước nông nghiệp với gần 80% lao động ở các vùng nông thôn rộng lớn trong cả nước. Do đó, việc tạo ra việc làm tại chỗ có giá trị hết sức to lớn cả về kinh tế và xã hội. Các nghề truyền thống Việt Nam phát triển từ các làng quê đến vùng núi xa xôi hoặc thị trấn, thành phố, đã thu hút nguồn nhân lực lớn của xã hội và đã trực tiếp tạo ra việc làm, tạo ra nguồn thu nhập thường xuyên, to lớn cho dân chúng sinh sống.

III. ĐẶC TRƯNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Nếu xét về lịch sử ra đời của nghề truyền thống Việt Nam có thể khẳng định đã có từ lâu đời và gắn

liên với “các thời kỳ xây dựng và phát triển văn hoá của đất nước trong hơn 4000 năm lịch sử”. Nghề truyền thống thường bắt nguồn từ các ông tổ của làng nghề, sống ở các địa phương khác nhau, đã truyền nghề và phát triển nghề để các địa danh đó có tiếng tăm về sản phẩm của mình và chính tên tuổi của họ còn để lại là niềm tự hào cho con cháu theo nghề đó. Tên tuổi các nghệ nhân tài ba của đất nước còn mãi với thời gian như cụ Song Hỷ (nghề thêu) cụ Nguyễn Văn Tổ (nghề khảm), cụ Dương Văn Tu (nghề chạm gỗ), cụ Bùi Văn Vệ (nghề sơn mài), cụ Đoàn Thị Thái (nghề hoa lụa) và còn nhiều cụ tổ ở các làng nghề truyền thống Việt Nam.

Nghề truyền thống Việt Nam có một số đặc trưng nổi bật sau đây:

- Ra đời, phát triển trên cơ sở kỹ thuật tinh xảo và tài hoa của đôi tay và trí óc của các nghệ nhân được truyền từ đời này sang đời khác, được mọi lứa tuổi tiếp thu và có thể hành nghề.

- Nghề truyền thống đáp ứng nhu cầu của xã hội ở các địa phương và trong cả nước nên giá trị và giá trị sử dụng khá cao. Nét nổi bật là nguyên vật liệu được khai thác tại chỗ, nhiều nghề đã tạo nên danh tiếng về sản xuất của một làng, một vùng quê mà nhiều nơi biết đến.

- Nghề truyền thống Việt Nam kết tinh được nhiều truyền thống, tinh hoa của dân tộc, tạo nên đặc thù phản ánh thói quen của nhân dân bao đời. Trong

đó, nổi bật là các thói quen sử dụng nguyên vật liệu; thói quen sử dụng công cụ lao động tinh xảo; thói quen về tạo hình sản phẩm; thói quen về trang trí thông qua dùng màu sắc, hình thể; thói quen về thể hiện kỹ năng, kỹ xảo trong các thao tác trên cơ sở sử dụng linh hoạt, mềm dẻo các công cụ lao động một cách tinh tế với sự cảm nhận khác nhau. Tính đặc thù này đã tạo nên các sản phẩm phong phú, tinh tế, với độ kỳ công cao, khiến sản phẩm trở nên độc đáo, quyến rũ người sử dụng.

Nghề truyền thống Việt Nam tạo ra các sản phẩm chứa đựng trong đó sự tích hợp các kiến thức về tự nhiên, xã hội, môi trường; về văn hoá, khoa học kỹ thuật và tinh hoa văn hoá dân tộc; về truyền thống đẹp trong đời sống xã hội qua nhiều thời đại. Tuy buổi đầu chỉ xuất phát từ công cụ thủ công nhưng với tài khéo léo và sự cảm thụ sâu sắc của các nghệ nhân đã tạo nên các sản phẩm thiết dụng, độc đáo. Ngày nay, nếu kết hợp khéo léo với các trang thiết bị hiện đại và công nghệ cao, chắc chắn sẽ tạo bước phát triển mới của các nghề truyền thống với chất lượng, hiệu quả cao mà vẫn thể hiện được tài hoa của nghệ nhân và tính độc đáo của sản phẩm nghề truyền thống Việt Nam.

Những nét đặc trưng trên cho ta niềm tự hào, niềm tin về sự phát triển nghề truyền thống Việt Nam trong tương lai, dẫu rằng ngày nay, chúng ta đang phải khôi phục lại một số nghề đã bị mai một. Mặt khác, cũng thấy vị trí và giá trị của một số sản

phẩm nghệ truyền thống Việt Nam khá cao trên thị trường các nước ngoài, chẳng hạn như những mặt hàng về thêu ren, gốm sứ, sơn mài, dệt thảm v.v... được nhiều nước Đông Âu ưa thích.

Thế hệ trẻ Việt Nam có trách nhiệm và có khả năng góp phần mình, làm cho các ngành nghề truyền thống nước ta ngày càng phát triển và cùng với các ngành nghề hiện đại khác góp phần phát triển mạnh mẽ nền kinh tế - xã hội tiến mạnh theo hướng CNH-HĐH trong những thập kỷ tới.

IV. NHỮNG YÊU CẦU VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ VÀ HÀNH NGHỀ TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Do tính phong phú và đặc trưng của nghề truyền thống mà các yêu cầu về đào tạo, học nghề hết sức khác nhau giữa các nghề. Nghề với kỹ thuật đơn giản và sản phẩm đơn giản có thể chỉ cần học nghề ngắn hạn và yêu cầu về tâm, sinh lý nghề nghiệp ít đặc biệt và không cao. Tuy nhiên, phần lớn các nghề truyền thống đều đòi hỏi các phẩm chất về tính cần cù, kiên trì, tỉ mỉ và lòng say mê nghề nghiệp. Một số nghề còn đòi hỏi cả năng khiếu, tài năng của người học nghề và hành nghề.

Từ xa xưa, việc truyền nghề trong từng gia đình, dòng họ, là con đường chủ yếu để học nghề truyền thống. Điều đó không tính đến thời gian và diễn ra một cách tự nhiên theo kiểu “ông truyền nghề cho cha” và “cha truyền nghề cho con”. Ưu điểm của cách

truyền nghề là tay nghề và bí quyết nghề được hình thành vững chắc và khi trưởng thành có thể hành nghề đạt sản phẩm chất lượng cao đồng thời có thể phát triển tiếp nghề của cha ông. Tuy nhiên, học theo cách truyền nghề thì thời gian học nghề quá dài, số người được học nghề ít và sự phát triển toàn diện nhân cách lao động kỹ thuật hạn chế. Đặc biệt trong điều kiện giao lưu rộng mở thị trường lao động trong và ngoài nước thì cách truyền nghề tỏ ra không phù hợp.

Ngày nay, đang tồn tại ba hình thức đào tạo nghề truyền thống, đó là:

- Đào tạo chính quy trong các trường dạy nghề với các chương trình đào tạo toàn diện người thợ (thời gian từ 12 đến 30 tháng, tùy thuộc nghề cụ thể).

- Đào tạo tại các trung tâm dạy nghề thuộc quận, huyện, hoặc các tổ chức xã hội thành lập. Thời gian đào tạo khoảng 3 tháng trở lên với chương trình đào tạo linh hoạt và ngắn hạn, tập trung vào tay nghề và theo yêu cầu, mục tiêu học nghề để tìm việc làm.

- Đào tạo tại các lớp bên cạnh các xí nghiệp, hợp tác xã sản xuất, hoặc các lớp dạy nghề tư nhân, với chương trình đào tạo ngắn hạn và mục tiêu hành nghề cụ thể, do đơn vị hoặc cá nhân yêu cầu. Việc đào tạo nghề khá linh hoạt và thiết thực.

Mỗi hình thức đào tạo nghề truyền thống Việt Nam nêu trên đều có mặt ưu điểm và nhược điểm nên cần được áp dụng một cách linh hoạt, phù hợp và luôn phải

điều chỉnh để đảm bảo chất lượng đào tạo cao, đáp ứng kịp thời yêu cầu của thị trường lao động. Chúng ta có thể nhận thấy tính phát triển và khả năng mở rộng của nghề truyền thống cho mọi đối tượng ở các lứa tuổi khác nhau ở các địa phương cả nước.

Đội ngũ nhân lực kĩ thuật làm việc trong lĩnh vực nghề truyền thống ngày nay thường bao gồm các thợ giỏi và nghệ nhân làm nòng cốt cùng với đội ngũ thợ thủ công đông đảo trực tiếp sản xuất; ngoài ra còn gồm các nhà quản lí, kinh doanh giỏi trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tùy thuộc vào loại ngành nghề mà đặt ra yêu cầu về mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo cho phù hợp với mỗi đối tượng hoạt động trong ngành nghề. Tuy nhiên, mục tiêu tổng quát cho mỗi loại lao động như sau: .

- *Đối với người thợ trực tiếp sản xuất:* Yêu cầu phải có hiểu biết về công nghệ sản xuất ra sản phẩm của nghề; có thể tính toán và hạch toán sơ bộ về sản phẩm làm ra; hiểu biết về mặt mỹ thuật và giá trị của sản phẩm.

Đặc biệt phải có kĩ năng hành nghề thành thạo trong lựa chọn nguyên vật liệu, sử dụng công cụ lao động, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm. Người thợ cần có lòng say mê nghề nghiệp và tác phong lao động cần cù, sáng tạo với đạo đức nghề nghiệp cao, thể hiện ở sự chân thực và đề cao chữ *Tín*.

- *Đối với thợ giỏi bậc cao và nghệ nhân:* Ngoài các yêu cầu như người thợ sản xuất còn phải yêu cầu cao

hơn về hiểu biết công nghệ sản xuất kết hợp truyền thống với hiện đại; chú trọng đến phát huy tài năng của thợ giỏi và nghệ nhân trong sản xuất bình thường và làm ra những sản phẩm, những công trình lớn, ghi dấu ấn độc đáo của nghề của người nghệ nhân, có khi phải bỏ ra nhiều năm với đầu tư kinh phí lớn, để thể hiện hết tài hoa nghệ thuật của nghề như những bức thêu, bức tranh sơn khắc, bức tượng đồng với qui mô lớn v.v...

Ngoài ra còn coi trọng cả khả năng đào tạo, bồi dưỡng lớp thợ trẻ kế cận trong tương lai. Những kinh nghiệm trong hoạt động nghề truyền thống của thợ giỏi bậc cao và nghệ nhân là vô giá.

- *Đối với các nhà kinh doanh, quản lý trong lĩnh vực nghề truyền thống:* Trong điều kiện mới của nền kinh tế hàng hoá với sự hợp tác cạnh tranh cùng tồn tại, đòi hỏi đội ngũ nhà kinh doanh, quản lý phải hết sức am hiểu nghề, am hiểu luật pháp trong sản xuất, kinh doanh. Đặc biệt cần có sự nhanh nhạy, sáng tạo, mạnh dạn trong quá trình tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nghề truyền thống ở trong và ngoài nước. Bởi vậy, họ cần phải được đào tạo, bồi dưỡng về nghề nghiệp và các lĩnh vực hoạt động liên quan. Đồng thời cần được tạo điều kiện liên kết, liên doanh ở trong và ngoài nước để mở rộng tầm hiểu biết cũng như phát huy năng lực sáng tạo của họ trong lĩnh vực mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nghề truyền thống Việt Nam ra nước ngoài.

Những định hướng về mục tiêu, nội dung đào tạo nghề truyền thống nêu trên sẽ phát huy hiệu quả khi những điều kiện về cơ sở vật chất đào tạo được tăng cường; đội ngũ giáo viên dạy nghề bồi dưỡng, nâng cao trình độ cũng như nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho họ, trên cơ sở các chính sách và sự đầu tư mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước vào lĩnh vực phát triển nghề truyền thống của nước ta.

V. HƯỚNG TỚI NGHỀ TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Thế giới nghề nghiệp ngày càng phong phú với trình độ kỹ thuật cao do công nghệ cao đưa tới, xuất hiện nhiều nghề mới trong các lĩnh vực tin học, công nghệ sinh học, cơ khí chính xác, hoá dầu, kiến trúc và xây dựng, giao thông thương mại và dịch vụ v.v... trong đó, vai trò của các nghề truyền thống ngày càng được nâng cao và chú trọng phát triển, bởi vì những giá trị kinh tế, văn hoá, tinh thần của chúng trong xã hội văn minh, giao lưu rộng mở được đề cao.

Các bạn trẻ trong quá trình học tập ở các lớp phổ thông, nhằm hình thành và phát triển nhân cách của mình, thể hiện ở tiếp thu tri thức khoa học cơ bản, kỹ thuật cơ sở và những hiểu biết về kỹ thuật, về nghề phổ thông, đồng thời rèn luyện phát triển các phẩm chất đạo đức của con người mới với tác phong: “Sống, học tập, làm việc theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Mặt khác, trong thời gian học tập ở phổ thông, các bạn

cũng dần hình thành khuynh hướng, nguyện vọng tham gia vào ngành nghề nhất định để lập nghiệp, lập thân.

Câu hỏi thường trực của bạn phải chăng sẽ là:

- Mình sẽ vào học ngành nghề gì đây?
- Làm thế nào để đạt nguyện vọng đó?
- Nếu không thì có giải pháp tiếp theo thế nào?

Để có thể giải đáp được các câu hỏi trên, theo chúng tôi các bạn hãy tham gia tìm hiểu và cùng thực hiện các hoạt động giáo dục hướng nghiệp đang diễn ra ở trong nhà trường và ngoài xã hội.

Các bạn hãy tìm hiểu thế giới nghề nghiệp phong phú thông qua sách báo, truyền hình, truyền thanh và qua thăm quan các cơ sở sản xuất dịch vụ ở địa phương mình và nơi khác khi có điều kiện.

Các bạn hãy dành thời gian sinh hoạt các câu lạc bộ nghề nghiệp hoặc gặp gỡ trao đổi với các nhà sản xuất dịch vụ và đặc biệt là các thợ giỏi, các nghệ nhân nghề truyền thống Việt Nam.

Các bạn hãy học tốt môn Công nghệ ở phổ thông, học nghề phổ thông để bước đầu hình thành kỹ năng cơ bản lao động nghề nghiệp và tạo sự say mê, thích thú với nghề nghiệp.

Các hoạt động phong phú ấy sẽ giúp bạn giải đáp câu hỏi về tương lai mình sẽ học ngành nghề gì là phù hợp với năng lực, sở trường, năng khiếu của bản thân

và phù hợp với điều kiện học chuyên nghiệp của bản thân, đáp ứng đòi hỏi phát triển ngành nghề của địa phương và xã hội. Đồng thời cũng giải đáp được câu hỏi tiếp theo mà bạn cần tìm hiểu.

Việc thử chọn nghề, học nghề, thích ứng nghề nghiệp là các quá trình hết sức quan trọng đối với các bạn, dù bạn học ở cấp đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hay dạy nghề và ở bất kì lĩnh vực ngành nghề nào trong thế giới nghề nghiệp.

Hướng tới tương lai với nhiều hoài bão, ước mơ, trong đó có vấn đề nghề nghiệp. Các bạn trẻ hãy mạnh dạn phát huy trí tuệ sáng tạo và độc lập để chọn ngành nghề cho mình. Chúng tôi tin rằng dù bạn vào các ngành nghề mới như điện tử, tin học hay các ngành nghề truyền thống như sơn mài, mây tre đan, chạm khắc v.v... các bạn vẫn có cơ hội để thể hiện mình và phát huy khả năng bản thân, đóng góp phần mình vào dựng xây nước Việt Nam tươi đẹp, phồn vinh theo con đường CNH, HĐH mà Đảng và Nhà nước đã định ra. Tương lai của các bạn và của dân tộc ta đang nằm trong tay các bạn với chí hướng tiến thủ không ngừng, với sức trẻ dồi dào và sáng tạo.

TÌM HIỂU VỀ MỘT SỐ NGHỀ TRUYỀN THỐNG THUỘC LĨNH VỰC MỸ NGHỆ

I. NGHỀ KHẮM TRAI

Khảm trai là một trong những nghề thủ công mỹ nghệ cổ truyền của dân tộc Việt Nam. Về lịch sử, khảm trai ra đời tại Trung Quốc vào thời kỳ phong kiến hưng thịnh. Sau đó ít lâu, nó bắt đầu xuất hiện ở nước ta. Từ thời xa xưa, cha ông ta đã làm ra những vật phẩm khảm trai đa dạng và rất tinh xảo như tranh khảm trai, lọ hoa khảm trai, bình phong – câu đối khảm trai, bàn ghế khảm trai, tràng kỷ, giường khảm trai, tủ khảm trai... Nhưng, thời kì đó, kết quả lao động nghệ thuật công phu của những người thợ

khảm trai chỉ để phục vụ nhu cầu trang trí và sinh hoạt của giai cấp phong kiến thống trị.

Ngày nay, khi xã hội đã phát triển qua một chặng đường dài và đạt tới đỉnh cao văn minh nhân loại, đời sống vật chất và tinh thần của con người ngày càng được quan tâm thích đáng thì nhu cầu thẩm mỹ những giá trị lao động nghệ thuật truyền thống, trong đó có các sản phẩm khảm trai, của con người càng được nâng cao. Hiện nay trong nước nhân dân ta dùng nhiều đồ khảm trai để trang trí, bày biện nội thất. Các đồ vật khảm trai có vẻ đẹp tinh tế, kì công của nghệ thuật khảm hoạ tiết, đồng thời lại toát lên tính danh chắc của chất vỏ trai nên tuy là những sản phẩm thủ công truyền thống, chúng lại rất phù hợp với kiến trúc nội thất nhà ở hiện đại đang phát triển ở nước ta. Bạn có thể chọn mua hàng khảm trai ở các cửa hàng đồ gỗ mỹ nghệ hiện có rất nhiều ở tất cả các địa phương trên mọi miền đất nước. Ở thủ đô Hà Nội, các cửa hàng đồ gỗ mỹ nghệ khảm trai tập trung ở đường Lê Duẩn.

Đặc biệt, việc xuất khẩu khảm trai của ta rất phát triển. Nhiều nước châu Á, nhất là Thái Lan, Singapo, Đài Loan, Nhật Bản, Triều Tiên... và nhiều nước châu Âu, đáng kể hơn là Pháp rất ưa thích dùng hàng khảm trai của ta. Vì vậy, nghề khảm trai, cụ thể là khảm trai xuất khẩu mang lại lợi ích to lớn đối với nền kinh tế quốc dân, đảm bảo tốt đời sống người thợ, đặc biệt là những người thợ giỏi.

Để làm các sản phẩm khảm trai trước hết người thợ phải chuẩn bị hình mẫu, dụng cụ và vật liệu.

Hình mẫu khảm trai thường do các họa sĩ, các nghệ nhân, hoặc có khi là các thợ giỏi thực hiện. Phần lớn, các đề tài khảm trai thể hiện vẻ đẹp của phong cảnh thiên nhiên đất nước và các phong tục, tập quán của dân tộc.

Dụng cụ cần thiết để sản xuất khảm trai gồm có: cửa có lưỡi bằng thép để cửa gỗ, cửa có lưỡi bằng dây cốt đồng hồ để cửa vỏ trai, bào, đục, lưỡi nạo, cái kẹp để gấp mảnh trai, dao tách trai, giấy ráp...

Vật liệu dùng làm khảm trai gồm: gỗ làm nền, vỏ trai để khảm các họa tiết, keo dính, sơn ta... Gỗ thường được dùng là các loại gỗ gụ, gỗ trắc, gỗ cẩm lai. Gỗ có thể được tạo thành hình khối, hình tấm có mặt phẳng hay mặt cong tùy thuộc vào yêu cầu của hình mẫu sản phẩm. Bề mặt gỗ để chuẩn bị làm nền phải được bào phẳng, nhẵn và đánh giấy ráp cho bóng.

Quy trình sản xuất khảm trai bao gồm 5 công đoạn như sau:

Công đoạn 1. Chuẩn bị vỏ trai.

Vỏ trai đem ép phẳng trên hơi nóng của nước sôi (có thể dùng vỏ ốc, vỏ sáo hoặc ngọc lũ để khảm).

Công đoạn 2, Khuôn hình mẫu lên mảnh vỏ trai và cửa trai.

Cần lưu ý một điều là trên mảnh vỏ trai có các mảng màu sắc khác nhau, cho nên khi can hình mẫu,

tuỳ thuộc vào yêu cầu về màu sắc của hình mẫu mà chọn vị trí của các mảnh trai trên vỏ trai cho phù hợp. Nếu mảnh trai nhỏ hơn họa tiết trên hình mẫu thì can từng phần của hình mẫu. Can xong hình mẫu lên mảnh trai thì dùng cửa có lưới bằng dây cốt đồng hồ cửa theo nét vẽ đường viền ngoài cùng của hình trên mảnh trai. Sau đó dùng dũa để làm nhẵn đường cửa.

Công đoạn 3. *Đục khuôn hình mẫu lên mặt gỗ và ghép dính các mảnh trai lên mặt gỗ vừa được đục.*

Trước khi đục, dùng bút chì vẽ lại hình mẫu lên mặt gỗ (cần đục sao cho sát với kích thước hình mẫu và chiều sâu phù hợp với độ dày của mảnh trai để khi đặt ghép các mảnh trai theo hình mẫu xuống sẽ vừa vặn và bằng phẳng theo mặt gỗ). Tiếp đó, gấp những mảnh trai đặt ghép thử xuống lòng khuôn vừa được đục xong. Nếu thấy vừa vặn thì nhấc các mảnh trai lên rồi rải đều keo dính xuống khắp bề mặt của lòng khuôn và lại đặt ghép dính các mảnh trai xuống mặt lòng khuôn theo hình mẫu. Lúc này, cần lưu ý ghép dính các mảnh trai sao cho toàn bộ bề mặt mảnh trai lớn được tạo thành thật bằng phẳng để sau khi hoàn thiện mảnh trai khảm mới đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật.

Công đoạn 4: *Làm nhẵn mặt trai khảm.*

Đợi khoảng 2 giờ cho mảnh trai vừa được ghép dính khô vết gắn, dùng đá ráp hoặc giấy ráp nước mài mặt mảnh trai khảm thật phẳng, cho đến khi lộ rõ

ánh sao của mảnh trai mà làm mất đi đường ranh giới giữa mảnh trai khảm và mép gỗ. Dùng tay xoa trên mặt mảnh trai và mép gấn, nếu thấy thật phẳng, nhẵn là được.

Công đoạn 5. Tách trai và hoàn thiện sản phẩm.

Để tách trai, người ta dùng dao nhỏ có lưỡi bằng thép, rất sắc và cứng để tạo những đường nét họa tiết nhỏ theo hình mẫu trên mặt mảnh trai đã được khảm trên gỗ. Sau đó rải mực đen hoặc bột màu đen lên các vết tách cho các đường nét họa tiết thêm nổi và đẹp hơn.

Cuối cùng, dùng véc-ni (dầu bóng) đánh cho mặt gỗ của sản phẩm thêm bóng, đẹp.

Tất cả các sản phẩm khảm trai sau khâu hoàn thiện đều được kiểm tra kỹ lưỡng. Nếu sản phẩm có mép gấn phẳng, nhẵn; mặt nền và mặt trai khảm cùng phẳng, nhẵn, bóng và đường nét họa tiết trên mặt mảnh trai khảm nổi rõ, đẹp thì sản phẩm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật.

Các bạn nam nữ thanh niên đều có thể học nghề khảm trai. Tuy nhiên, với những bạn có một số khả năng và phẩm chất phù hợp và nghề như dưới đây thì việc học và hành nghề sẽ thuận lợi.

Cùng như một số nghề thủ công mỹ nghệ độc đáo khác, nghề khảm trai rất cần những người học, hành nghề có óc thẩm mỹ nghệ thuật. Óc thẩm mỹ nghệ thuật của người thợ khảm trai không chỉ là khả năng cảm nhận được cái đẹp của nghệ thuật, mà còn bao

gồm cả kỹ năng thể hiện cái đẹp trong các sản phẩm của mình.

Đặc biệt, khả năng phân tích, tổng hợp trực quan (tức tư duy hình ảnh trong trường hợp cụ thể của quá trình sản xuất khảm trai) là yêu cầu đặc thù của nghề khảm trai đối với con người. Khả năng này rất cần thiết cho những khâu chủ yếu, quan trọng nhất của qui trình sản xuất. Chẳng hạn, trong khâu thứ hai là can khuôn hình mẫu lên mảnh vỏ trai: vì mảnh trai thường nhỏ hơn nhiều so với kích thước của hình mẫu nên người thợ phải phân chia hình mẫu thành các bộ phận cấu thành. Khả năng phân tích trực quan giúp người thợ phân tách hình mẫu thành các mảng hoạ tiết một cách nhanh chóng và hợp lí nhất...

Khả năng tổng hợp trực quan có vai trò ngược lại với khả năng phân tích trực quan. Khi liên kết các mảnh trai theo hình mẫu (khâu thứ ba), khả năng tổng hợp trực quan giúp người thợ chọn nhanh và chính xác những mảnh trai bộ phận phù hợp về hình dạng, kích thước và màu sắc theo thứ tự cần ghép dính để cuối cùng tạo thành mảnh trai khảm đúng theo hình mẫu.

Khả năng hình hoạ là khả năng thể hiện sự vật trong thiên nhiên bằng nét vẽ. Nghề khảm trai chỉ cần người thợ có khả năng hình hoạ ở mức độ tái tạo. Khả năng này cần cho người thợ khi tách trai - tạo các đường nét hoạ tiết nhỏ trên mảnh trai khảm theo hình mẫu đẹp, sinh động, giống với thực tế.

Qui trình sản xuất đồ khảm trai đòi hỏi những thao tác, động tác khéo léo, chính xác, tinh vi của con người. Mọi đường nét, mọi chi tiết của sản phẩm có được đều là kết quả của sự trau chuốt tỉ mỉ rất công phu của người thợ. Như vậy, người hành nghề phải có khả năng tập trung chú ý lâu dài, đức tính kiên trì, tỉ mỉ, cẩn thận và đôi tay khéo léo.

Các bạn thanh niên có nguyện vọng học nghề khảm trai hãy liên hệ trực tiếp với các cơ sở đào tạo, sản xuất có ở nhiều địa phương trên đất nước. Những nơi có cơ sở điển hình về hoạt động nghề khảm trai là: Trường Dạy nghề Công nghiệp – Thủ công Mỹ nghệ Hà Đông, tỉnh Hà Tây; Trường Thủ công Mỹ nghệ Hà Nội; Trường Dạy nghề Xây dựng và Thủ công Mỹ nghệ (thuộc Bộ Xây dựng), Thành phố Nam Định; Trường Công nhân Kỹ thuật chế biến gỗ Trung ương (thuộc Bộ NN&PTNT), Thanh Liêm, Hà Nam; Trường Công nhân Kỹ thuật (thuộc Bộ NN&PTNT); và nhiều hợp tác xã thủ công mỹ nghệ cũng như các cơ sở tư nhân có dạy nghề và sản xuất khảm trai.

Thời gian đào tạo nghề khảm trai từ 6 tháng đến 2 năm tùy theo nhu cầu, mục tiêu học tập của người học và khả năng phù hợp với nghề của người học.

Từ nhiều năm trước đây, đặc biệt là hiện nay, hàng khảm trai của ta được nhân dân trong nước cũng như nước ngoài rất ưa chuộng. Trong tương lai, nghề khảm trai, đặc biệt là khảm trai xuất khẩu sẽ ngày càng phát triển. Chắc chắn, người thợ khảm trai

sẽ phát huy được tài năng nghệ thuật của mình và có một cuộc sống vật chất, tinh thần tốt đẹp.

II. NGHỀ CHẠM KHẮC GỖ

Nghề chạm khắc gỗ ở nước ta có từ lâu đời (vào khoảng từ thế kỷ X - XI). Bạn có thể nhìn thấy những dấu tích về nghề chạm khắc gỗ của người xưa như những hình người, hình những con thú hay chữ Nho.... được chạm khắc trước hết ở các di vật cổ như sập gụ, tủ chè, bàn ghế, hoành phi, câu đối... ở các cung vua, đình chùa, miếu mạo. Ngoài ra, người xưa còn hay chạm khắc trên các chuôi dao, đầu gậy gỗ. Những đồ gỗ được chạm khắc trở nên có giá trị hơn không chỉ ở vẻ đẹp tinh xảo của nghệ thuật chạm khắc, mà chính từ vẻ đẹp của nghệ thuật truyền thống, chúng đồng thời trở nên trang trọng hơn.

Ngày nay, nghề chạm khắc gỗ ở nước ta khá phát triển với sự đa dạng của các chủng loại sản phẩm. Chẳng hạn như: tượng thờ gồm có: tượng gỗ sơn son thếp vàng, tượng gỗ sơn, tượng thô mộc mạc (như tượng nhà mồ Tây Nguyên), tượng mỹ nghệ trau chuốt tinh xảo dựa theo tích cổ Việt Nam (như tượng Phật Di Lặc và dựa theo tích cổ Trung Quốc như tượng Bát Tiên, tượng Phúc - Lộc - Thọ...); tượng về các con rối, các con vật trên các bức phù điêu, hoành phi, câu đối,... Ngoài việc thờ cúng, nhân dân ta còn

dùng các sản phẩm chạm khắc gỗ với khối lượng lớn để trang trí nội thất. Đồ gỗ chạm khắc của ta vừa có vẻ đẹp nghệ thuật tinh xảo, vừa bền chắc, không chỉ được đánh giá cao trong nước, mà cả ở nước ngoài. Việc xuất khẩu sản phẩm chạm khắc gỗ đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn cho Nhà nước và các cơ sở sản xuất, trong đó có những người thợ tài hoa và cần mẫn.

Nguyên vật liệu của nghề chạm khắc gỗ là gỗ. Các loại gỗ thường được dùng để chạm khắc là gỗ mít, gỗ de, gỗ dổi, gỗ gụ, gỗ pơ - mu,...

Dụng cụ để chạm khắc gỗ gồm có:

a) Một bộ cưa gồm những chiếc cưa khác nhau về cỡ và hình dạng của lưỡi.

b) Một bộ đục gồm 3 loại đục khác nhau:

- Loại đục phẳng (còn gọi là đục bẹt).
- Loại đục cong (vũm).
- Loại đục tỉa.

Mỗi loại đục trên bao gồm nhiều chiếc đục khác nhau về cỡ lưỡi. Thường một bộ đục chạm khắc gỗ có cả thảy khoảng 20 chiếc.

c) Một chiếc dao để gọt.

d) Một chiếc nạo.

d) Giấy ráp các loại để đánh bóng.

Quy trình chạm khắc gỗ được hình thành theo trình tự 9 công đoạn như sau:

Công đoạn 1. Nghiên cứu mẫu.

Mẫu đề tài chạm khắc gỗ thường được làm từ vật liệu gỗ hoặc thạch cao. Mẫu thường do các nghệ nhân, thợ giỏi ở các cơ sở sản xuất hoặc các giáo viên có kinh nghiệm ở các trường lớp dạy nghề sáng tác ra. Kích thước của mẫu thường bằng (hoặc có khi nhỏ hơn) sản phẩm cần làm. Chiều cao của mẫu thường không quá 50 cm.

Trong khâu nghiên cứu mẫu, trước hết người thợ chạm khắc gỗ cần xem xét hình dạng, cấu tạo của mẫu. Ngoài việc xác định hình dáng của mẫu, người thợ cần nắm được bố cục tổng thể cũng như từng bộ phận cấu thành mẫu để nắm định được cách thức chạm khắc sản phẩm ở những khâu tiếp theo.

Công đoạn 2. Vẽ đường.

Dường là một thuật ngữ chuyên môn của nghề chạm khắc gỗ. Đối với người thợ chạm khắc gỗ, đường là toàn bộ chu vi của diện (mặt) trước và hai diện bên của mẫu.

Để vẽ đường, người thợ dùng một miếng bìa cứng áp sát bao quanh 3 diện trên của mẫu rồi dùng bút vẽ theo chu vi nổi trên của mẫu. Sau đó, cắt bỏ phần thừa thì người thợ được cái đường.

Công đoạn 3. Chọn gỗ.

Tuỳ thuộc vào thể loại sản phẩm cũng như yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật đối với chúng mà người ta chọn loại gỗ cho phù hợp. Ví dụ: để làm loại tượng thô, mộc mạc, có giá trị nghệ thuật không cao, người ta chọn gỗ

mít, gỗ de, gỗ dổi. Khi cần làm loại tượng mỹ nghệ trau chuốt, có giá trị nghệ thuật cao hơn thì người ta phải chọn các loại gỗ quý như gỗ gụ, gỗ pơ-mu.

Công đoạn 4. Pha phôi gỗ.

Cưa gỗ thành các tấm gỗ theo hình dáng, kích thước của mẫu. Những tấm gỗ được tạo ra được gọi là các phôi gỗ.

Công đoạn 5. Can dưỡng lên phôi gỗ.

Đặt dưỡng áp sát vào phôi gỗ rồi dùng bút chì mềm vẽ can hình dưỡng (chu vi mẫu) lên từng diện của phôi. Một yêu cầu kỹ thuật rất cơ bản của khâu can dưỡng lên phôi gỗ là can diện chính trước, sau đó mới can các diện phụ sau.

Công đoạn 6. Đục phá các diện đã được can dưỡng mẫu của phôi.

Đục phá tức là dùng đục bẹt có móng (lưỡi) to đục bỏ phần gỗ thừa trên phôi theo chu vi hình mẫu (dưỡng) đã được can trên phôi. Nghĩa là, chỉ đục phá các diện đã được can dưỡng mẫu. Đặc biệt, cần lưu ý là ở khâu này không được đục chi tiết vội.

Công đoạn 7. Đục các mảng lớn của phôi theo dưỡng đã được can dưỡng mẫu.

Để đục tạo hình sản phẩm theo dưỡng mẫu đã được can trên phôi, người thợ chạm khắc gỗ phân tách hình mẫu thành các mảng lớn căn cứ vào cấu tạo của vật trên hình mẫu hay bố cục của mẫu nói chung. Ví dụ: tượng người, tượng các con vật hay các con rối

thường được phân chia thành mảng đầu, mảng mình và mảng chân. Và, người thợ lần lượt đục từng mảng theo dưỡng mẫu trên các diện của phôi cho đến khi hình dạng của sản phẩm được hiện rõ trên phôi.

Công đoạn 8. Đục chi tiết.

Khi đã tạo được hình dáng sản phẩm, người thợ chuyển sang khâu đục chi tiết. Với những chiếc đục nhỏ hơn, có hình dạng, cỡ lưỡi và chức năng khác nhau, người thợ bắt đầu tạo các chi tiết cho sản phẩm. Ví dụ: tạo nếp quần áo, mũ,... cho tượng người; tạo sừng, đuôi, chân,... cho các tượng thú vật.

Đến cuối công đoạn này, ta thấy phần gỗ được chọn ban đầu đã trở thành một sản phẩm tượng gỗ sinh động.

Công đoạn 9. Hoàn thiện sản phẩm.

Trong khâu này, ta cần gọt tỉa những chi tiết cần trau chuốt của sản phẩm, ví dụ như râu, tóc, móng tay, móng chân,... của tượng người; lông, móng, vuốt... của tượng thú vật. Tiếp đó, nạo rồi đánh bằng giấy ráp cho thật nhẵn. Sau cùng, dùng lá chuối khô đánh bóng hoặc có thể đánh vi, nhuận tùy theo yêu cầu đối với mỗi loại sản phẩm.

Các sản phẩm chạm khắc gỗ sau khi được hoàn thành đều phải qua kiểm tra chất lượng. Nếu thành phẩm giống hệt hình mẫu và nhẵn, bóng đều, đẹp thì được chấp nhận đáp ứng yêu cầu kỹ - mỹ thuật và được lưu thông trên thị trường.

Nghe chạm khắc gỗ phù hợp hơn với các bạn nam thanh niên. Các bạn nam có trình độ văn hoá từ trung học cơ sở yêu thích nghề chạm khắc gỗ và có nguyện vọng học nghề chạm khắc gỗ đều có thể theo học, hành nghề này. Và các bạn sẽ học, hành nghề thuận lợi, có kết quả tốt hơn, thành đạt hơn nếu có một số khả năng và phẩm chất phù hợp với nghề như dưới đây.

Trước hết, người học làm nghề chạm khắc gỗ cần có khả năng tư duy hình khối (tư duy không gian). Khả năng tư duy hình khối giúp người thợ nắm được bố cục (hay cấu tạo) của đề tài (mẫu) chạm khắc gỗ, phân tích phối thành các mảng khối là tương ứng với các bộ phận chính cấu thành hình mẫu, trên cơ sở đó đục chạm phối tạo thành hình dáng sản phẩm đẹp và cân đối.

Một số khả năng nữa rất cần đối với người thợ chạm khắc gỗ là sự tinh nhạy của đôi mắt, sự khéo léo của đôi tay và khả năng tập trung chú ý lâu dài. Từ khâu đục mảng khối, đặc biệt là đến khâu đục chi tiết - người thợ bắt đầu tiến hành đục chạm những đường nét chi tiết cho sản phẩm (như mặt, mũi, nếp áo quần, khăn, mũ,... của tượng người; mặt, đầu, đuôi chân,... của tượng thú vật). Nếu không có thị giác nhạy cảm, đôi tay khéo léo và sự tập trung chú ý thì người thợ khó có thể tạo ra những chi tiết đẹp và sinh động cho sản phẩm của mình. Đặc biệt, thị giác tinh tế và đôi tay khéo léo rất cần để thực hiện những thao tác, động tác tinh xảo trong chạm khắc các tượng mỹ nghệ trau chuốt mang giá trị nghệ thuật cao.

Ngoài ra, cùng với óc thẩm mỹ và tình cảm đối với nghệ thuật truyền thống, người học làm nghề chạm khắc gỗ còn cần có đức tính kiên trì, chịu khó trong công việc. Trong quá trình sản xuất mặt hàng chạm khắc gỗ, có những công việc khá vất vả như khâu cửa gỗ làm phôi, khâu đục phá và đục các mảng lớn tạo hình sản phẩm, nếu ngại khó thì dễ chán nản, không thể làm tốt được; thêm nữa, các khâu đục chi tiết, hoàn thiện sản phẩm lại bao gồm những thao, động tác tỉ mỉ, tinh vi để trau chuốt sản phẩm, nếu thiếu kiên trì, chịu khó thì không thể tạo ra những sản phẩm đáp ứng yêu cầu chất lượng.

Các bạn có nguyện vọng học nghề chạm khắc gỗ có thể liên hệ trực tiếp với các cơ sở đào tạo - sản xuất của nghề có ở hầu hết các địa phương trên cả nước. Một số cơ sở điển hình chuyên đào tạo, sản xuất chạm khắc gỗ là: Trường Thủ công Mỹ nghệ - 27 Hàng Chuối, Hà Nội; Trường Trung học Kỹ thuật Xây dựng Hà Nội; Trường Dạy nghề Công nghiệp - Thủ công Mỹ nghệ Hà Đông, Hà Tây; Cơ sở Thủ công Mỹ nghệ Chương Mĩ, Phú Xuyên, Hà Tây; Trường Công nhân Kỹ thuật (thuộc Bộ NN&PTNT) - Hạp Lĩnh, Tiên Sơn, Bắc Ninh; Trường Công nhân Kỹ thuật Chế biến gỗ Trung ương (thuộc Bộ NN&PTNT) - Thanh Tuyển, Thanh Liêm, Hà Nam; Trường Dạy nghề Xây dựng và Thủ công Mỹ nghệ (thuộc Bộ Xây dựng) - 262 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định; Trường Công nhân Kỹ thuật Lâm nghiệp (thuộc Bộ NN&PTNT) - Bình An, Thuận An, Bình Dương...

Thời gian đào tạo nghề chạm khắc gỗ là 2 năm với hình thức dạy nghề chủ yếu là kèm cặp.

Với sức tiêu thụ sản phẩm mạnh mẽ trong nước, đặc biệt với thị trường xuất khẩu rộng lớn, nghề chạm khắc gỗ đã và đang góp phần đáng kể vào việc nâng cao thu nhập quốc dân, đảm bảo cuộc sống tốt đẹp cho người thợ. Trong tương lai, nghề chạm khắc gỗ sẽ phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

Các bạn quan tâm đến nghề chạm khắc gỗ cũng cần biết rằng, một trong những hướng phát triển của nghề chạm khắc gỗ hiện nay là chuyên môn hóa theo khu vực. Ví dụ: ở Hà Nội chuyên về chạm khắc tượng người và các con vật; ở Hà Tây chuyên về các loại tượng thờ (chủ yếu là tượng thờ sơn son và sơn son thếp vàng); còn ở Nam Định lại chuyên về chạm lọng (làm lều tử để trang trí tử, trang trí ban thờ) và phù điêu (để trang trí hoành phi, câu đối);...

Các bạn có thể tiếp cận với các nghệ nhân chạm khắc gỗ để tìm hiểu thêm những thông tin cần thiết và học hỏi kinh nghiệm nghề nghiệp. Quanh vùng Hà Nội có nghệ nhân Đồng Thế Hiến và nghệ nhân Đào Văn Bôi ở Văn Hà, Đông Anh; ở Hà Tây (Chương Mỹ, Phú Xuyên) có nghệ nhân Vũ Chi; còn ở Hà Bắc có nghệ nhân Nguyễn Kim,...

Hãy đến với nghề chạm khắc gỗ. Bạn sẽ hài lòng với những gì nghề nghiệp sẽ đem lại cho các bạn.

III. NGHỀ LÀM HOA NGHỆ THUẬT

Ai đã từng tới Thanh Tiên Phú Mậu ở hạ lưu sông Hương cố đô Huế mới biết nơi đây quả là một làng nghề làm hoa nghệ thuật “độc nhất vô nhị” ở nước ta. Hoa được dùng ở những nơi trang nghiêm, tôn kính, nơi thờ cúng gia tiên, Thành hoàng, Táo quân...

Người Huế gọi hoa là bông. Tương truyền rằng nghề làm hoa có từ đời vua Minh Mạng năm 1820. Gần ngày ông táo lên trời (ngày 23 tháng chạp âm lịch), đường làng Thanh Tiên Phú Mậu từ tỉnh sương đã trở thành những dòng sông hoa giấy nhấp nhô dồn ra bến đò Bao Vinh theo đường sông, đường bộ toả đi khắp các vùng.

Ở Hà Nội cũng có các nhà nghệ nhân làm hoa gia truyền, họ truyền nghề từ đời này sang đời khác cho con cháu như nhà làm hoa số 5 phố Chả Cá, Trường nữ công Tinh Hoa ở phố Bà Triệu... Có rất nhiều người được nhà nước phong tặng danh hiệu nghệ nhân bàn tay vàng như: Trịnh Thục Bằng, Nguyễn Mai Hạnh, Nguyễn Thị Kim Hoè, Kim Bình ở Hà Nội và Triệu Thị Chơi ở thành phố Hồ Chí Minh...

Vài năm gần đây cũng xuất hiện những phố làm hoa, bán hoa như phố Hàm Long, phố Hàng Lược...

Nghề làm hoa ở Hà Nội chủ yếu phát triển là hoa lụa và chịu ảnh hưởng từ cách làm hoa của Nhật Bản, cách trình bày và cắm hoa của phương Tây.

Ngày nay nước ta đang từng bước tiến tới cuộc sống tươi đẹp hơn, kinh tế phát triển, xã hội văn minh, mở cửa giao lưu với thị trường thế giới, vì thế mà thị hiếu chơi hoa của người dân Việt Nam càng ngày càng tăng, nghệ thuật làm hoa đang có đất để phát triển, nhiều cửa hàng cửa hiệu, nhà làm hoa mở cửa, người bán và người mua hoa nhộn nhịp, nhất là các dịp lễ tết, ngày hội.

Trên đà phát triển của đất nước, nghệ thuật trang trí nội thất cũng phát triển theo, một trong những khâu quan trọng nhất của trang trí nội thất là dùng hoa để phối cảnh phối màu và lúc đó người ta hay dùng hoa nghệ thuật để trang trí cho sạch đẹp, hoa tươi mãi mà không phải chăm bón, một năm chỉ cần thay một lần, vừa kinh tế, vừa tiện lợi.

Ở các nước châu Âu, châu Mỹ... nơi mà khí hậu không thuận lợi cho việc trồng hoa thì hoa giả đôi với họ thực sự có giá trị, bên cạnh một cuộc sống hiện đại tất cả các vật dụng là sản phẩm công nghiệp thì các sản phẩm thủ công quả là nhu cầu của nghệ thuật và thẩm mỹ.

Chính xuất phát từ những nhu cầu đó ngành ngoại thương và thủ công mỹ nghệ nước ta đang nghiên cứu sản xuất và xuất khẩu hoa giả sang nhiều nước Âu, Á, Úc để thu ngoại tệ.

Nghề làm hoa rất dễ học, dễ làm mà không đòi hỏi phải có vốn lớn, nguyên liệu dễ kiếm và sẵn có ở Việt

Nam như vải, lụa, sa tanh, voan, nhung..., giấy pơ-luya, giấy nhúng, giấy trắng, màu, nến, tre, giang, nứa, cành khô, hoa phơi khô, rễ tre, rễ cây, lá dừa khô, kim tuyến, xấp mứt, dây đồng, dây thép, hạt cườm, cước... Công cụ dùng để làm hoa nghệ thuật là các dụng cụ rất thô sơ như: chổi quét sơn để hồ vải, bút lông, sơn, màu vẽ để vẽ cánh hoa, kéo để cắt, máy sấy, kim khâu để tạo dáng hoa, máy ủi điện, máy phun sương, máy phun sơn, máy bắn keo, bàn là, dao, kim, búa, đinh, chỉ, hồ dán, dao trổ, bàn trổ, đèn dầu, thước kẻ, bút chì, các loại giỏ hoa, chậu hoa... Tất cả những vật liệu, dụng cụ gắn gũi với cuộc sống xung quanh ta đều có thể dùng để sáng tạo ra hoa nghệ thuật.

Nắm vững kỹ thuật làm hoa giả, chúng ta hoàn toàn chủ động với không gian và thời gian để tạo ra được những lọ hoa, chậu hoa, cành hoa trông giống như thật. Nhưng như thế không phải là sao chép thiên nhiên mà nhà nghệ thuật phải nhìn thiên nhiên qua tâm hồn riêng của mình. Có thể nói mỗi bông hoa mang tâm hồn và tư duy độc đáo, bản sắc riêng của từng tác giả.

1. QUI TRÌNH LÀM HOA NGHỆ THUẬT:

Đặc trưng của nghệ làm hoa nghệ thuật là tập hợp các thao tác thủ công như cắt, vẽ hồ vải, là, buộc, tạo dáng, cắm hoa... một cách khéo léo với óc thẩm mỹ cao, thông thường quy trình làm hoa nghệ thuật phải qua các công đoạn sau:

Công đoạn 1: Chuẩn bị nguyên liệu:

- Nếu là hoa giấy ta chuẩn bị giấy các màu, hoặc nhuộm màu theo ý.

- Nếu là hoa vải, lụa: nhuộm vải, hồ vải, phơi khô, là vải, vẽ lên vải.

- Nếu làm hoa bằng vải xoa, hoặc voan, ta hồ mỏng, phơi.

- Nếu làm hoa khô ta chuẩn bị các loại hoa tươi cần thiết đã phơi khô, nhuộm màu.

- Chuẩn bị các nguyên liệu làm cành, rễ, lá, hạt cườm làm nhĩ...

- Các loại hoá chất cần thiết để làm hoa.

Công đoạn 2: Làm bông, làm nụ hoa, làm nhĩ hoa, làm cành hoa, lá:

- Để thích hợp với từng loại hoa về kích cỡ, màu sắc, kiểu dáng, mỗi cách làm có cùng công đoạn nhưng làm theo các cách khác nhau.

- Nếu làm hoa giấy, lụa, vải, ta phải lần lượt làm theo các bước sau: vẽ cánh hoa, lá, cắt cánh hoa, lá theo mẫu, vẽ trang trí trên cánh hoa tạo gân lá, nếp hoa, dán sống cánh hoa, sống lá, quần cành.

Công đoạn 3. Ghép hoa:

Là công đoạn quan trọng của việc làm nên bông hoa, bông hoa muốn giống thật phải có dáng hình mềm mại, uyển chuyển tự nhiên nên công đoạn này phải dành cho người thợ cả, có nhiều kinh nghiệm lâu

nằm trong nghề thì sản phẩm mới đẹp, mới thật và có nghệ thuật, có hồn.

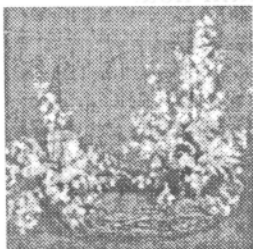
Công đoạn 4: Cắm hoa, tạo thế cây hoa:

Công đoạn này quyết định đề tài của hoa và mục đích sáng tác của người làm nghệ thuật.

Cắm hoa có 2 trường phái cắm hoa: cắm hoa kiểu Nhật Bản và cắm hoa kiểu phương Tây.

*** Cắm hoa kiểu Nhật Bản:**

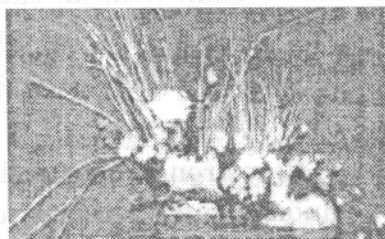
Là dùng ít hoa, nhấn mạnh về đường nét của cành hoa, có bố cục thanh nhã, thoát tục, cành hoa chính thường nghiêng dài về bên trái biểu tượng cho sự may mắn. Có một số kiểu cắm tiêu biểu như sau:



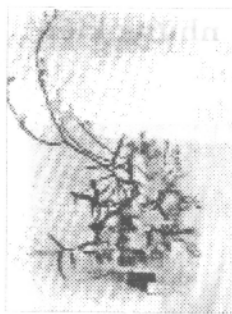
Dạng phản chiếu



Dạng thác đổ



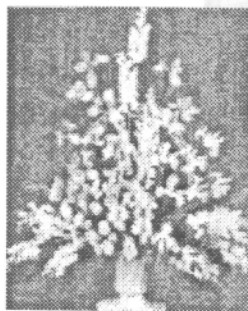
Dạng thiên nhiên



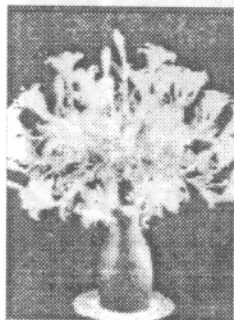
Dạng cắm hoa
theo đường nét



Dạng tạo hình



Dạng tam giác



Dạng vòng cung

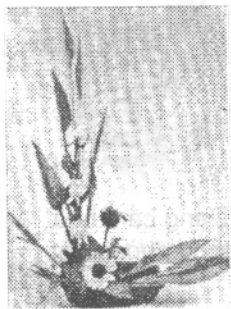


Dạng tròn

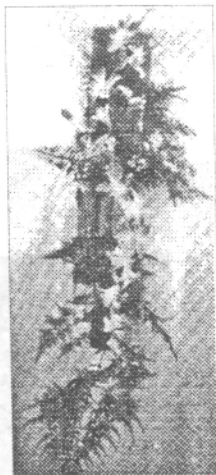
* Cẩm hoa kiểu phương Tây có những kiểu
cắm hoa tiêu biểu sau



Dạng bó đuốc



Dạng chữ L



Dạng chữ S



Dạng lưôi liềm

*** Riêng về hoa khô:**

Công đoạn 2: Sấy nguyên liệu:

Trong công đoạn này người làm phải xây lò sấy hoa, đóng khay đựng hoa bằng gỗ, dùng kẽm để tạo thế của cành hoa sao cho sau khi sấy cành hoa có dáng vẻ hài hoà như thật và đúng với chủ tâm của nhà nghệ thuật, yêu cầu của sản phẩm là hoa không bị gãy ròn, cong queo và héo úa, hoa phải giữ được màu sắc của tự nhiên.

Công đoạn 3. Nhuộm nguyên liệu:

Pha màu, vẽ lên cánh hoa, nhuộm màu cho hoa khô.

Công đoạn 4: Tạo dáng sản phẩm:

Trong công đoạn này ta có thể cảm theo các trường phái như đã nói ở trên hoặc dán hoa khô lên giấy làm thành tranh, bưu thiếp...

Nghề làm hoa rất dễ học, dễ làm mà không đòi hỏi phải có vốn lớn, mọi người nam cũng như nữ từ 12 tuổi trở lên, ở nông thôn cũng như ở thành thị đều có thể học làm hoa. Chỉ cần có lòng yêu nghề và say mê công việc là có thể tạo dựng một nghề để kiếm sống, hoặc trở thành công việc kiếm thêm thu nhập cho mình sau những giờ sản xuất chính và có thể dạy nghề cấp tốc cho những người chưa có công ăn việc làm.

2. MUỐN TRỞ THÀNH NGƯỜI THỰC SỰ CÓ TÀI LÀM HOA NGHỆ THUẬT, NGƯỜI THỢ PHẢI ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG ĐIỀU KIỆN GÌ?

1. Có lòng hăng say nồng nhiệt với nghệ thuật mà mình theo đuổi.

2. Phải dày công nghiên cứu thiên nhiên, kiên trì, sáng tạo

Ví dụ khi làm xong một bông hoa bạn nên đem nó so với hoa thật, tất nhiên cánh hoa giả sẽ cứng hơn hoa thật, cánh hoa thật uyển chuyển, mềm mại, có chỗ nở ra khép vào, có chỗ nứt ra một vết rách nhỏ... những cái đó làm cho bông hoa thật sống động. Nhận ra những điểm giống như hoa thật, hoa giả mới trở nên mềm mại và mang tính nghệ thuật hơn.

3. Do bản chất nguyên liệu của nghề là các vật dụng gần gũi trong cuộc sống nên phải biết cách thu nhặt nguyên liệu, dày công tích lũy, sáng tạo, ngăn nắp, nghiêm túc, cẩn thận.

4. Các sản phẩm ngoài yêu cầu kỹ thuật phải đáp ứng được nhu cầu về mỹ thuật và phải đáp ứng được nhu cầu về nghệ thuật. Điều đó đòi hỏi người thợ phải có tính tỉ mỉ, kiên trì, sự khéo léo và óc quan sát.

5. Không bao giờ tự mãn với vốn hiện có của mình, phải luôn cầu tiến, luôn luôn tìm tòi, sáng tạo.

Ngày nay trên thế giới, máy móc kỹ thuật ngày càng tiến tiến bao nhiêu thì các ngành thủ công mỹ nghệ càng quý bấy nhiêu. Một nhà báo nước ngoài đã nhận xét như sau: “Hoa giả ở các nước châu Âu, Trung Quốc được dập khuôn, làm bằng nhựa, sản xuất bằng máy có tinh xảo, đẹp nhưng sản xuất hàng loạt, còn hoa của Việt Nam đơn thuần làm bằng tay nên mỗi bông hoa, mỗi cành lá đều có hồn riêng của nó,

không thể lẫn với nhau được. Vì thế khi trông thấy hoa của Việt Nam nhiều người cứ ngỡ như hoa thật”.

Nếu bạn muốn học nghề làm hoa nghệ thuật bạn có thể học ở Trường Nữ công Tinh hoa 174 Bà Triệu, số 6 Triệu Việt Vương, số 5 Chả Cá; Trường Thủ công Mỹ nghệ 27 Hàng Chuối - Hà Nội; Trường Thủ công Mỹ nghệ Hà Tây; học làm hoa truyền thống ở Phú Mậu Thanh Tiên, Huế; Trường Thủ công Mỹ nghệ thành phố Hồ Chí Minh...

IV. NGHỀ KIM HOÀN

Làng vàng bạc Châu Khê thuộc xã Thúc Kháng, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương), với diện tích đất trồng trọt quá ít so với mật độ dân số hiện có nên người Châu Khê đã xác định rằng muốn làm giàu phải dựa vào nghề phụ. Chính nghề kim hoàn đã đưa làng quê giữa vùng châu thổ sông Hồng, nơi luôn gặp thiên tai, bãi lụt, vỡ đê mất mùa này trở nên một vùng quê giàu có.

Châu Khê có nghề vàng bạc nổi tiếng và có nghề vàng mã được bán rộng rãi ở nhiều nơi. Châu Khê còn là quê hương của Lưu Xuân Tín - người có công khởi dựng nghề đúc bạc nén của làng từ thế kỷ 15, từ đó đến nay, nghề vàng bạc ở đây đã có lịch sử phát triển 500 năm.

Tục truyền rằng ông Lưu Xuân Tín là thượng thư

bộ lại dưới triều nhà Lê, được giao trách nhiệm lập xưởng đúc bạc nén tại kinh thành Thăng Long để làm tiền tệ, lúc đó ông đã dành đặc quyền này cho người Châu Khê lên Thăng Long lập xưởng đúc bạc, dần dần từ đúc bạc người Châu Khê đã tiến tới nghề làm đồ trang sức vàng bạc ngày nay.

Tới đầu thế kỷ 18, nghề đúc bạc nén chuyển vào kinh đô Huế (Thuận Hoá), nhưng phần lớn thợ Châu Khê vẫn ở lại Thăng Long làm nghề kim hoàn. Họ sống và kinh doanh tập trung thành phường – nay là phố Hàng Bạc. Lúc này ở phố Hàng Bạc có cả thợ vàng Định Công, thợ bạc Đồng Xâm (Thái Bình) tới làm nghề.

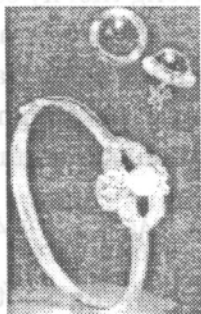
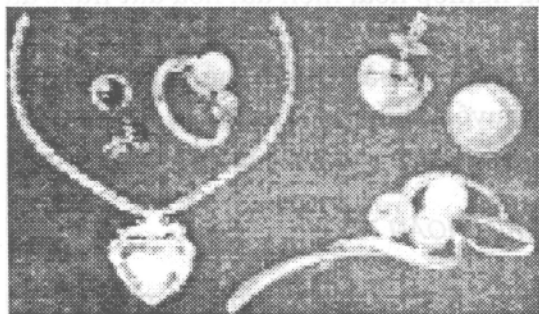
Nếu Châu Khê (Hải Hưng), Định Công (Hà Nội) sản xuất đồ trang sức bằng vàng là chính thì Đồng Xâm (Thái Bình) chuyên nghề chạm bạc.

Nghề vàng bạc ở Đồng Xâm cũng có lịch sử 400 năm và thờ ông tổ nghề Nguyễn Kim Lâu. Ngày nay trong thời kì kinh tế thị trường phát triển, ngoài các làng nghề truyền thống Hà Nội có rất nhiều công ty vàng bạc đá quý lớn như Công ty TNHH Hải Hoàng Gia, Công ty vàng bạc đá quý Bảo Tín Minh Châu, Công ty TNHH Tân Minh, Công ty TNHH Kim Quy, cơ sở hợp tác Tân Việt, Hợp tác xã Đồng Tâm...; có những phố nghề như phố Hàng Bạc chuyên về vàng bạc trang sức, phố đồ mỹ nghệ như phố Đình Tiên Hoàng chuyên bán các đồ chạm bạc, Trung tâm chạm bạc Phú Lợi chuyên sản xuất các đồ bạc mỹ nghệ và đồng mạ bạc xuất khẩu ở xã Lê Lợi, Kiến Xương, Thái Bình, ở thành

này có tính chất rất độc đáo, làm bằng tay và không sản xuất hàng loạt, khách hàng - đặc biệt là những người nước ngoài hết sức thích thú sưu tầm và coi chúng như đồ cổ quý giá.

*** Đồ trang sức:**

Bao gồm rất nhiều loại: dây chuyền, nhẫn, xà tích, hoa tai, vòng xuyến, trâm, lắc, khánh, thánh giá... mỗi loại có rất nhiều kiểu dáng khác nhau. Riêng về hoa tai đã có nhiều kiểu khác nhau: lòng máng, mặt đá, mặt ngọc, phay...



*** Đồ mỹ nghệ:**

Đây là mặt hàng đem lại nhiều nguồn thu nhập nhất cho người Đồng Xâm.

Các sản phẩm của nghề kim hoàn còn bao gồm các kiểu lọ hoa, ly rượu, bình trà, nậm, ấm, chén, bát, đĩa, đũa, gạt tàn, khay, tranh, phù điêu, con giống, tranh khắc, hộp thuốc lá... những sản phẩm này đều có giá trị sử dụng như các vật dụng và còn để trang trí trong nhà.

Đối với mặt hàng này khách hàng trong và ngoài nước đều rất thích chơi và thân phục các tài năng Việt Nam.

Ngoài các loại mặt hàng kim hoàn mỗi mang phong thái phương Tây, đa số các mặt hàng mang tính truyền thống, các hoa văn nghệ thuật trang trí trên đó đều có tính chất đặc trưng cho các triều đại và tuân theo các đề tài khuôn mẫu như:

** Tứ linh:*

Loại mẫu trang trí mang tính phổ biến nhất với 4 vật linh thiêng: long, ly, quy, phượng; các sản phẩm thường gặp như rồng ngậm chữ thọ; long như ý thủy, lưỡng long hầu nguyệt.

** Bát vật:*

Gồm bộ tứ linh với ngư, phúc, lộc, hổ (cá chép, con dơi, chim lạc, hổ) thường được chạm trên hòm, tráp, khay trầu, khay nước bịt bạc, bao và đồ kiếm bịt vàng.

** Bát bảo:*

Là tám vật quý mà người xưa quan niệm gồm: quả bầu, tháp bút, cái quạt, ống tiêu, đàn tì bà, quân cờ, thanh kiếm và cái phất trần. Bát bảo thường được chạm trên các đồ bạc...

** Bát quả:*

Gồm tám quả linh thiêng mà người Việt coi là biểu tượng cho sự sung túc và hạnh phúc, đó là: đào, mận, lê, lựu, phật thủ, nho, bầu, bí, những hình tượng này cũng được khắc chạm trên các đồ vàng, bạc.

Ngoài ra trên các đồ vàng bạc còn có nhiều loại khắc họa khác như trúc, mai, cúc, con người...

2. RIÊNG VỀ VÀNG QUỲ

Khác với việc chế tác vàng bạc kim hoàn thì vàng quỳ là một nghề truyền thống dát vàng thật, bạc thật thành bột vàng, bột bạc (gọi là quỳ) dùng để thiếp trên các đồ sơn thuyề thống như tranh sơn mài, câu đối, để vẽ trên giấy dó, trên tượng phật, tượng thánh, hoành phi, ngai, điện, kiệu, cửa, cột đèn, chùa, miếu...

Có một làng nghề nhỏ gần Hà Nội là nơi duy nhất có nghề sản xuất vàng quỳ, đó là làng Kiêu Kỵ thuộc huyện Gia Lâm. Đây là làng đã có 250 năm nghề, cụ tổ làng nghề là hai cụ Nguyễn Quý Trị và Vũ Danh Thuận.

Vàng quỳ Kiêu Kỵ không chỉ được cả nước biết tới mà còn được xuất khẩu ra thế giới như Hồng Kông, Đài Loan...

- *Nguyên liệu*: là vàng bạc nguyên chất, dùng giấy quỳ và vải sợi bọc lại để dát. Giấy quỳ được làm từ giấy dó, có độ bền dai cao. Dụng cụ chỉ là vật dụng hằng ngày như búa, đe, kéo, kim.

- *Các công đoạn làm vàng quỳ*:

Công đoạn 1. Cắt vàng hoặc bạc nguyên chất đã dát mỏng như giấy thành những miếng vuông khoảng 1,5 cm.

Công đoạn 2. Xếp lần lượt từng miếng vàng hoặc bạc vào một tờ giấy quỳ lót theo lớp, bọc vải sơn bên ngoài cho kín.

Công đoạn 3. Dùng búa nện đều tay tới khi giấy quỳ mỏng thành lớp bột mịn.

Công đoạn 4. Gõ quỳ, lúc này người thợ phải ngồi ở nơi không có gió để tránh bay mất sản phẩm.

Một chỉ vàng làm được hơn một nghìn lá vàng quỳ, tùy theo trình độ điều luyện của người thợ mà số lá vàng quỳ sẽ nhiều hơn.

Nghề dát vàng quỳ ngày một phát triển ở làng Kiêu Ky, đưa mức sống của người dân ngày càng đi lên, nhiều nghệ nhân đã trở thành tỷ phú. Nghề dát vàng dễ làm, với vốn liếng nhỏ. Để làm được nghề mời các bạn hãy đến với làng Kiêu Ky, Gia Lâm, Hà Nội.

3. MUỐN TRỞ THÀNH NGƯỜI THỢ KIM HOÀN CẦN CÓ NHỮNG ĐỨC TÍNH GÌ?

1. Ngăn nắp, sạch sẽ, cẩn thận, tỉ mỉ vì vàng bạc là một thứ hàng rất đắt nên không thể để rơi vãi, lấm lem.

2. Tính trung thực, trọng chữ tín, tác phong lịch thiệp, ăn mặc tươm tất, cởi mở, vui vẻ với khách hàng.

3. Nhạy cảm với thị trường, tinh tế trong kinh doanh, biết học hỏi và sáng tạo...

Xã hội càng phát triển thì nghề vàng bạc càng có chỗ đứng vững chắc trong thị trường. Nếu bạn muốn làm giàu bằng nghề kim hoàn, bạn hãy tới những cơ sở đào tạo nghề kim hoàn nổi tiếng ở Việt Nam hiện nay như: Hợp tác xã Hồng Châu, Hợp tác xã Tinh Hoa ở Thái Bình; Bộ môn Trang sức thuộc khoa Mỹ thuật

truyền thống - trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội, nơi đây sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ được cấp bằng cử nhân nghệ thuật chuyên ngành Thiết kế trang sức; Tổng Công ty vàng bạc đá quý Việt Nam 23b Quang Trung - Hà Nội, ở đó đào tạo kỹ thuật chế tác vàng bạc, huấn luyện nghiệp vụ kinh doanh vàng bạc; Tổ hợp vàng bạc Phạm Hùng chuyên dạy nghề chế tác vàng bạc ở làng Châu Khê, xã Thúc Kháng, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Dương...

Chúc các bạn thành công!

V. NGHỀ THÊU

Thêu là một nghề thủ công mỹ nghệ cổ truyền của nhân dân ta, nó xuất hiện từ thời Hùng Vương cách đây hơn 4.000 năm. Ngay từ thuở xa xưa, người dân Việt Nam - đã ưa chuộng cái đẹp và biết thể hiện sự duyên dáng, sự khéo léo của mình trong các sản phẩm thêu. Nghề thêu chính là một biểu tượng của nền văn hoá lâu đời của dân tộc Việt Nam.

Lúc đầu nghề thêu tồn tại trong các gia đình. Dần dần, xã hội càng phát triển, đời sống vật chất và tinh thần được nâng cao, giao lưu mở rộng, các nghề thủ công được đẩy mạnh, nghề thêu cũng phát triển, và thoát ra ngoài phạm vi gia đình trở thành các làng nghề truyền thống như làng thêu Quất Động, Hà Tây - một trung tâm thêu của cả nước từ giữa thế kỷ 17; làng thêu Xuân Nổ thuộc xã Hưng Đạo, huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải

Dương; làng thêu, ren Văn Lâm trên đất Hoa Lư, Ninh Bình; nghề thêu ở đây đã có từ 600 năm nay còn nghề ren mới chỉ du nhập từ Pháp, Italia sang gần 100 năm. Ngày nay trong nền kinh tế thị trường, các sản phẩm thêu đã, đang được phát triển và tiêu thụ trên khắp thị trường trong nước và xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới. Ở các thành phố lớn xuất hiện nhiều phố chuyên bán đồ thêu như phố Đồng Khởi, thành phố Hồ Chí Minh. Ở Hà Nội cũng có rất nhiều phố sản xuất và bán đồ thêu ren như: ga thêu, gối thêu, áo thêu và các mặt hàng thêu, ren phục vụ khách du lịch ở phố Hàng Gai, Hàng Bông, Hàng Đào; tranh thêu ở phố Nguyễn Thái Học; đồ thêu phục vụ lễ nghi phong tục của người Việt Nam ở phố Hàng Quạt. Ở Huế cũng có không ít nghệ nhân nổi tiếng đặt danh hiệu bàn tay vàng như cụ Lê Văn Khởi, nghệ nhân Nguyễn Quang Hùng, nghệ nhân Bích Đàm chuyên thêu tranh phong cảnh.

Hàng thêu thủ công Việt Nam đã và đang là một nguồn hàng xuất khẩu lớn trên thị trường quốc tế. Hồng Kông, Pháp, Thụy Sĩ, Liên Xô cũ, là những nước nhập khẩu nhiều hàng thêu của Việt Nam nhất. Việc thêu xuất khẩu đã thu nhiều lao động ở thành thị và nông thôn vào sản xuất.

1. DỤNG CỤ LAO ĐỘNG:

Nghề thêu là nghề lao động nhẹ nhàng, sạch sẽ, không đòi hỏi trang bị, đầu tư nhiều, dụng cụ đơn giản, dễ kiếm, dễ làm, bao gồm 3 dụng cụ chính:

- Khung bằng tre hay gỗ, nhựa hoặc bằng sắt, khung có loại khung chữ nhật dùng cho 3 - 5 người, có chiều dài từ 120 đến 250cm, loại khung nhỏ dành cho một người để thêu cái mẫu nhỏ có hình vuông, tròn hoặc elíp.

- Kim thêu.

- Đê: như chiếc nhẫn đeo ngón tay giữa để đẩy kim.

Nguyên liệu dùng trong thêu cũng rất dễ kiếm như: vải, sa tanh, chỉ các màu.

Với những dụng cụ và nguyên liệu sản xuất rất đơn giản như vậy nên nghề thêu có thể được tổ chức ở mọi nơi, có thể làm tập trung thành xưởng, hoặc làm từng nhóm, từng gia đình. Trong sản xuất có thể tận dụng được các loại lao động phụ. Nghề thêu tôi luyện cho con người đức tính kiên trì, bền bỉ, dẻo dai và phát triển óc sáng tạo, thẩm mỹ. Vì có tác dụng trực tiếp đối với đời sống và sinh hoạt của con người cho nên nhiều gia đình đã cho con em mình học nghề thêu.

Do có giá trị xuất khẩu cao và những tính chất ưu việt trên, nghề thêu trong những năm gần đây được nhà nước quan tâm nên phát triển mạnh. Nếu như trước Cách mạng tháng Tám miền Bắc chỉ có 2 thành phố và 2 tỉnh sản xuất hàng thêu (Hà Nội, Hải Phòng, Hà Tây, Bắc Ninh) thì ngày nay nghề thêu được phát triển ở hầu hết các tỉnh trong cả nước. Trung tâm thêu xuất khẩu là thủ đô Hà Nội. Trong thành phố có rất nhiều cơ sở thêu như Thống nhất, Toàn thắng, Hợp lực.... ở ngoại

thành có các cơ sở thêu Trung Gia (Bắc Sơn), Ninh Hiệp, Cự Khối (Gia Lâm), Thanh Liệt (Thanh Trì).

2. CÁC SẢN PHẨM CHÍNH CỦA NGHỆ THUẬT THÊU, REN:

Trải qua nhiều thế hệ, nghề thêu được cải tiến, vẻ đẹp của sản phẩm ngày càng đa dạng, bởi lẽ nhiều lối thêu mới ra đời như thêu truyền thần, thêu trắng, thêu màu, thêu tranh, thêu 2 mặt, thêu các kiểu chữ Nôm, chữ Hán bắt vàng rồng phượng, đính kim sa, chữ hình, trang trí rất lộng lẫy. Ngoài ra còn mấy cách thêu như: chắp dấu nhân, thêu chỉ nổi thường thực hiện để trang điểm trên quần áo, các đồ dùng bằng vải... Lối thêu nào cũng đẹp, cũng tinh xảo, trong đó thêu truyền thần có nhiều tác phẩm nổi tiếng như chân dung Hồ Chủ tịch, phong cảnh có tranh thêu cảnh chùa, cảnh Hồ Tây, cảnh sinh hoạt của người dân Việt Nam, tranh dân gian, hoa lá...

* Các đường thêu cơ bản:



Thêu đường cành cây



Thêu đường xương cá



Thêu đường móc xích



Thêu đường hàng rào

* **Thêu lướt vẩy:** Dùng khi thêu những đường chỉ nhỏ (như cánh mềm sống lá, đường viền, áng mây bay, cánh diều,...).



* **Thêu bạt:** Thêu bạt được áp dụng để thêu các đường viền lớn, hình tròn cánh hoa dài và lá nhỏ...

Theo các họa tiết của đề tài người ta nêu lên 3 kiểu thêu bạt sau:

- **Thêu bạt đoạn thẳng gấp khúc.**

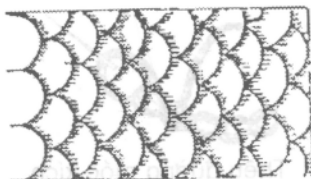
- **Thêu bạt thêu dài hoa.**

- **Thêu bạt đường vành khăn và hình tròn nhỏ.**

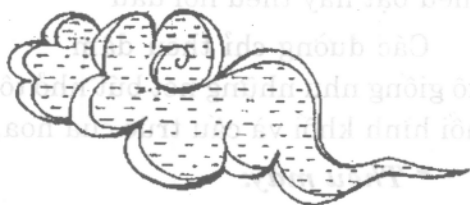
* **Thêu chằng chịt:** Để thêu các hình vẩy cá, vẩy rồng, lông chim, chân chim, thân dừa, thân cau, thêu tượng trưng cho đất, tượng trưng cho nước...

* **Thêu đột:**

Thêu đột có các kiểu sau:

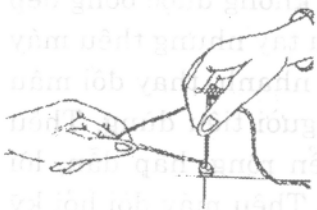
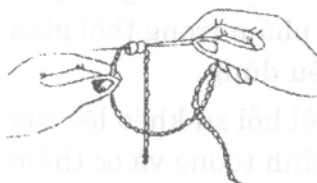


- Thêu đột đoạn thẳng.
- Thêu đột hình quạt.
- Thêu đột tròn xoay...



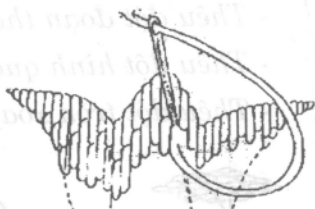
* **Thêu sa hạt (hạt cát):** để tượng trưng những nhị hoa, mào hạc...

Cách thêu sa hạt...



Thêu sa hạt chỉ áp dụng cho các vật phẩm trang trí, ít giặt, ít là, còn đối với vật dùng (khăn trải giường, áo, khăn trải bàn, áo, gối...) thì nhị hoa thêu đột.

* **Thêu đậm xô:** Thêu đậm xô dùng chủ yếu trong thêu màu để thêu áo, hoạ tiết có diện tích lớn mà không thể thêu bạt hay thêu nổi đầu



Các đường chỉ thêu đậm xô giống như những nét bút nhỏ tô bóng đậm nhạt cho nổi hình khối và cấu trúc của hoa, lá, nhân vật.

* **Thêu máy:**

Cùng với nhịp độ phát triển của khoa học và công nghệ ngày nay người ta đã chế tạo được máy may nhiều chức năng sử dụng để thêu và thêu máy công nghiệp hiện đại. Có thể thêu pha màu những mẫu phức tạp theo chương trình điều khiển bằng máy vi tính, sản xuất hàng loạt các sản phẩm trong thời gian ngắn, phục vụ nhu cầu người tiêu dùng.

Thêu máy và thêu tay đều đòi hỏi sự khéo léo của đôi bàn tay kết hợp với đôi mắt tinh tường và óc thẩm mỹ... Thêu máy, đường nét thêu không được bóng đẹp và tinh tế uyển chuyển như thêu tay nhưng thêu máy phục vụ cho may mặc, sản xuất nhanh, thay đổi mẫu mã kịp thị hiếu, sở thích của người tiêu dùng. Thêu máy đã và đang được phát triển rộng, hấp dẫn, lôi cuốn lớp trẻ vào làm nghề thêu. Thêu máy đòi hỏi kỹ thuật thêu và đường nét hài hoà, đòi hỏi người thợ phải tinh nhanh, xử trí linh hoạt mới điều khiển kịp tốc độ của máy.

3. ĐIỀU KIỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI THỢ THÊU:

Nghề thêu trông thật nhẹ nhàng nhưng là một nghề truyền thống khá tinh xảo cả về kỹ thuật và mỹ thuật. Nó đòi hỏi ở người hành nghề nhiều phẩm chất về tâm sinh lý như: cần cù, tỉ mỉ, sáng tạo...

Để thêu được mịn, đẹp, người hành nghề phải có đôi tay thật mềm mại, khéo léo và có đôi mắt tinh tường.

Người mù màu không thể làm nghề thêu. Làm nghề thêu luôn luôn phải nhớ màu sắc của đề tài vì nếu sai sẽ dẫn đến pha nhầm màu chỉ, như vậy thành phẩm sẽ không đúng với yêu cầu đặt ra. Nếu phải tháo chỉ, thêu lại mặt vải sẽ bị sòn, xấu, sản phẩm thêu sẽ trở thành phế phẩm.

Thợ thêu rất cần sự chú ý, liên tục và đức tính cần cù, chịu khó, ngồi lâu được một chỗ. Người có khí chất nóng, thiếu kiên trì học nghề này khó thích hợp. Bởi vì công việc thêu có thể nói là đơn điệu, kết quả không thể đạt được ngay (mỗi tác phẩm phải thêu trong vài ngày, có khi một, hai tuần lễ), nếu nóng vội, làm xấu, làm sai rất tai hại.

Người có mồ hôi tay làm nghề thêu gặp khó khăn vì mồ hôi tay làm kim trơn, khó rút chỉ nhanh và căng nên phải luôn luôn lau tay bằng khăn khô cho sạch mồ hôi.

Người cận thị hành nghề này cũng gặp khó khăn. Mặt khác người thợ thêu nên để phòng bệnh cận thị do nghề nghiệp sinh ra bằng cách tuân theo đúng quy định

ngồi thêu, tránh nhìn quá lâu vào vải thêu (thỉnh thoảng tạo điều kiện cho mắt nghỉ ngơi, thay đổi hướng nhìn và đối tượng: ngẩng lên nhìn xung quanh cho đỡ mệt mỏi)...

Nghề thêu đòi hỏi óc sáng tạo, óc thẩm mỹ tốt. Việc sáng tạo nên những mẫu thêu đa dạng, đẹp, phù hợp với thị hiếu của khách hàng sẽ góp phần làm cho sản phẩm được ưa chuộng và tiêu thụ nhanh chóng.

Xã hội ngày càng văn minh thì vị trí nghề thêu của Việt Nam ta ngày một lên ngôi, nhiều cửa hàng, công ty ra đời để chuyên xuất khẩu và bán các mặt hàng thêu ren. Nếu bạn muốn làm giàu từ nghề thêu thì thật là đơn giản vì chẳng cần đến vốn liếng gì nhiều, bạn có thể đến thăm các làng nghề, các cơ sở sản xuất thêu đã được giới thiệu ở trên hoặc tới một số địa chỉ dưới đây để tham khảo:

- Công ty TNHH Mỹ Hương chuyên sản xuất hàng thêu tay xuất khẩu. Địa chỉ Văn Lâm - Ninh Hải Hoa Lư - Ninh Bình; ĐT: (030) 618021

- Tổ hợp thêu ren Phú Thịnh thôn Trung Lao - Xã Trung Đông - Trục Ninh - Nam Định; ĐT: (0350) 886948

- Thêu áo Kimônô - Tiên Lãng - Hải Phòng

- Tranh thêu Hữu Hạnh, Đà Lạt; ĐT: (063) 824756

Ai đó đã từng nói nghề nào cũng có thể làm cho bạn trở nên nổi tiếng, vậy bạn hãy thử xem nghề thêu có hợp với bạn không?

VI. NGHỀ GỐM

Nói đến nghề gốm không ai có thể quên được làng gốm Bát Tràng lừng danh ở Việt Nam. Bát Tràng thuộc huyện Gia Lâm (ngoại thành Hà Nội). Theo các tích cổ, truyền thuyết thì nghề gốm xuất hiện ở làng này từ thế kỷ 15 dưới thời Trần.

Nghề gốm ở Bát Tràng nổi tiếng đã đi cả vào dân ca Việt Nam:

*Ước gì anh lấy được nàng
Để anh mua gạch Bát Tràng về xây.*

Hầu hết người dân Bát Tràng làm gốm và giàu lên từ gốm. Ngày nay ở Bát Tràng có hơn 200 công ty, xí nghiệp và đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ gốm. Sản xuất mở rộng đã thu hút hàng nghìn người từ các làng khác đến làm công trong các lò gốm Bát Tràng; con số này ngang với con số dân có trong xã. Hiện nay ở Bát Tràng phần lớn các hộ làm gốm có tới vài ba lò gốm trong nhà và sản xuất liên tục cả năm. Mức thu nhập của các hộ cao tới vài trăm triệu/năm. Ở Việt Nam có rất nhiều nghệ nhân và người làm giàu lên từ gốm, điển hình như ông chủ gốm Lê Xuân Phổ ở làng Bát Tràng. Chỉ trong vòng 10 năm ông đã có cơ nghiệp tới mấy ngàn cây vàng. Anh Nguyễn Nhựt Quang người Bát Tràng – chủ doanh nghiệp trẻ mới 40 tuổi đã có một hệ thống cửa hàng trưng bày, bán đồ gốm và 2 xưởng sản xuất đồ gốm tại Bát Tràng - Hà Nội, xuất

khẩu đi Hồng Kông, Đài Loan, Nhật Bản, Malaixia, Pháp, Đức. Nghề nhân gốm men co như: Nguyễn Thanh Hùng, nghệ nhân Đặng Trần Lâm ở Hải Phòng. Chuyên về đồ gốm giả cổ có Vẽ Văn Thụ...

Hàng năm Bát Tràng sản xuất ra hàng triệu sản phẩm gốm các loại, trị giá hàng vài chục tỷ đồng.

Cuộc sống của người dân Bát Tràng nhờ có nghề gốm mà đã trở nên một làng có đời sống cao nhất so với các xã trong huyện, nhà cao tầng với nhiều kiểu dáng mọc lên ngày càng nhiều, mọi người dân trong làng nhà nào cũng có ti-vi, xe máy...

Bát Tràng phát triển kinh tế mạnh đã thúc đẩy các xã Đa Tốn, Văn Đức, Kim Lan, Đông Du, Trâu Quỳ tổ chức sản xuất gốm. Hàng nghìn người đã có việc làm, cả huyện đã có tới gần hai nghìn lò gốm.

Vì gốm là một nghề rất thiết thực đối với đời sống con người, lại không cần có vốn liếng lớn lúc mở nghề lập nghiệp nên nghề gốm đã phát triển và lan rộng trong khắp cả nước.

Ngoài Bát Tràng còn có rất nhiều làng có nghề truyền thống làm nghề gốm, nhưng ở mỗi nơi sản phẩm gốm lại mang một sắc thái riêng.

Làng gốm Hương Canh có nghề sản xuất chum, vại sành nổi tiếng:

*Ai về mua vại Hương Canh
Ai lên mình gửi cho anh với nàng.*

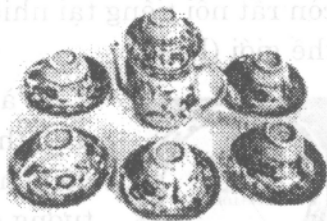
(Tố Hữu)

Làng gốm Chợ Bọng thuộc Yên Thành, tỉnh Nghệ An chuyên sản xuất gốm đất nung, chủ yếu là nổi đất các loại những chiếc nổi Nghệ này đã từng nổi danh khắp nơi (H.1).



H.1

Gốm sành Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (H2).



H.2

Làng gốm sứ Cây thuộc xã Long Xuyên, huyện Cẩm Bình (Hải Dương), ở đây có nghệ nhân tạo hình gốm nổi tiếng Vũ Thế Cửu. Sản phẩm của gốm sứ Cây là đồ dân dụng (ấm, chén, bát, đĩa), mỹ nghệ và hàng chục mặt hàng gốm giả cổ (chân đèn, lư hương, tam đa, tượng điển tích) (H.3).



H.3

Hợp tác xã Đông Thành, huyện Đông Triều, thành phố Hạ Long thuộc Quảng Ninh chuyên sản xuất các loại sứ mỹ nghệ xuất khẩu đi các nước châu Âu và châu Á (H.4).



H.4

Làng gốm Biên Hoà, làng gốm Lái Thiêu, làng gốm Vân Sơn, làng gốm Muồng Chanh (Sơn La), làng

gốm Krông Gô trên đất Lâm Đồng, gốm Chu Đậu (Hải Dương), đặc biệt là gốm hoa lam cực kỳ tinh xảo, từ dáng vẻ đến nước men gốm Chu Đậu không chỉ nổi tiếng trong nước mà còn rất nổi tiếng tại nhiều nước trên thế giới (H.5).



H.5



H.6

Vài năm gần đây thị trường gốm sứ Hà Nội sôi động hẳn lên với sự xuất hiện rất ấn tượng của các sản phẩm gốm sứ cao cấp của công ty Minh Long đến từ tỉnh Bình Dương. Gốm sứ Minh Long sản xuất trên những thiết bị hiện đại được nhập từ nước ngoài, qua lò nung ở nhiệt độ 1480°C , men không chứa chì. Các họa tiết, hoa văn được các nghệ nhân Bình Dương thổi hồn với những nét vẽ tinh tế hoà trộn giữa phong cách cổ với dáng dấp chắc khoẻ hiện đại. Trong đó các hoa văn chìm hạc, dựa trên mẫu trống đồng Việt Nam đã tạo nên sự đồng cảm của nhiều người sành đồ gốm (H.6).

1. CÁC CÔNG ĐOẠN TẠO RA SẢN PHẨM GỐM:

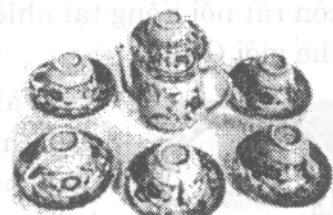
Sản xuất gốm ở mỗi vùng đều có cách riêng, có bản sắc riêng, vì vậy sản phẩm gốm rất đa dạng và có dáng vẻ riêng của từng vùng, từng dân tộc nhưng làm gốm nơi nào cũng phải trải qua 6 công đoạn quan trọng:

Làng gốm Chợ Bộng thuộc Yên Thành, tỉnh Nghệ An chuyên sản xuất gốm đất nung, chủ yếu là nồi đất các loại những chiếc nồi Nghệ này đã từng nổi danh khắp nơi (H.1).



H.1

Gốm sành Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (H2).



H.2

Làng gốm sứ Cậy thuộc xã Long Xuyên, huyện Cẩm Bình (Hải Dương), ở đây có nghệ nhân tạo hình gốm nổi tiếng Vũ Thế Cửu. Sản phẩm của gốm sứ Cậy là đồ dân dụng (ấm, chén, bát, đĩa), mỹ nghệ và hàng chục mặt hàng gốm giả cổ (chân đèn, lư hương, tam đa, tượng điển tích) (H.3).



H.3

Hợp tác xã Đông Thành, huyện Đông Triều, thành phố Hạ Long thuộc Quảng Ninh chuyên sản xuất các loại sứ mỹ nghệ xuất khẩu đi các nước châu Âu và châu Á (H.4).



H.4

Làng gốm Biên Hoà, làng gốm Lái Thiêu, làng gốm Vân Sơn, làng gốm Muồng Chanh (Sơn La), làng

Công đoạn 1: Chọn đất.

Phải chọn loại đất sét trắng, có ít tạp chất, dễ tan trong nước.

Công đoạn 2: Xử lý đất, pha chế đất.

Công đoạn này được tiến hành rất cẩn thận để loại bỏ hết các tạp chất không cần thiết trong đất.

Công đoạn 3: Tạo dáng.

Tạo dáng theo phương pháp thủ công, người thợ dùng bàn xoay, công việc này thường do phụ nữ làm.

Ngày nay người ta thường tạo dáng theo các cách:

- *Be trạch*: Phương pháp vuốt gổm trên bàn xoay nhẹ dầm.

- *Đắp nặn*: Phương pháp này chủ yếu tạo sản phẩm đơn chiếc, độc đáo, làm mẫu cho thợ phụ.

- *Đổ khuôn in*: Bằng gỗ hoặc thạch cao, kỹ thuật này hiện nay đang được sử dụng nhiều ở làng gốm Bát Tràng.

Công đoạn 4: Tạo hoa văn trang trí.

Có nhiều cách trang trí: đắp nổi, khắc chìm, vẽ trực tiếp lên sản phẩm, bôi men, vẽ men màu, hấp hoa (tức dán đề can hoa rồi hấp trong lò tuynen).

Công đoạn 5: Phủ men (tráng men)

Có ít nhất là 5 loại men khác nhau: men ngọc, men rạn, men nâu, men chảy, men hoa lam. Nguyên liệu chính tạo men phổ biến nhất là tro, bột đá, đất phù sa, đất sét.

Người ta nhúng men đối với loại gốm nhỏ, phun men, dội men lên bề mặt gốm lớn.

Công đoạn 6: Nung sản phẩm.

Sửa men rồi nung sản phẩm. Để nung gốm, người thợ phải tiến hành các việc cần thiết như làm bao nung, chuẩn bị chất đốt, chống lò, đốt lò...

2. MUỐN TRỞ THÀNH NGƯỜI THỢ GỐM TA CẦN PHẢI CÓ NHỮNG ĐỨC TÍNH GÌ?

Cần mẫn, tỉ mỉ, sáng tạo, học hỏi thầy và bạn, biết chịu đựng khó nhọc, khéo tay, có đầu óc thẩm mỹ và kinh doanh, nhạy bén với thị trường.

Nhịp sống của làng gốm luôn sôi động, khẩn trương. Tác phong làm việc của thợ gốm làm cho ta liên tưởng đến cuộc sống công nghiệp. Những đoàn xe thô, gánh, xe tải, xe lam từ mọi ngã đổ về chợ, hối hả từ sớm tới khuya.

Trong làng gốm, mọi lứa tuổi đều có công việc làm. Ít thấy trẻ em chơi lang thang hoặc trai làng ngồi chơi không có việc. Các cụ già giỏi nghề vừa làm vừa truyền nghề cho lớp trẻ, phụ nữ thì vuốt gốm, phơi gốm, vào lò, bán gốm; thiếu niên từ 10 tuổi trở lên đã phụ được cha mẹ làm gốm.

Với vốn đầu tư ban đầu ít, nguyên liệu lại rất dễ kiếm, các bạn trẻ hãy thử một lần tìm hiểu về nghề gốm. Các bạn có thể gọi điện thoại hoặc tới các cơ sở gốm gần nơi bạn ở nhất và học nghề với những địa chỉ

đã được giới thiệu ở trên hoặc tìm hiểu thêm thông tin ở cơ sở giới thiệu hàng gồm 128 Nguyễn Thái Học - Hà Nội, hay cơ sở bán hàng và giới thiệu hàng gồm 11/1 A Trần Huy Liệu - Quận Phú Nhuận - Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty gốm sứ Hải Vinh - Hải Phòng, Hợp tác xã sản xuất Thái Dương, Biên Hòa - Đồng Nai và còn rất nhiều cơ sở sản xuất, dạy nghề gốm khác.

VII. NGHỀ ĐAN MÂY, TRE, NÚA

Nhắc tới nghề đan mây, tre, nứa không ai có thể quên được Phú Vinh huyện Chương Mỹ (Hà Tây), nơi nổi tiếng về nghề đan mây từ rất lâu đời. Phú Vinh được coi là quê hương của mây đan với những sản phẩm mỹ nghệ đạt tới đỉnh cao nghệ thuật và được thế giới ưa chuộng.

Người Phú Vinh cha truyền con nối làm nghề đan mây, tre, nứa, đến nay đã sáng tạo được hàng nghìn mặt hàng, xuất khẩu chủ yếu gồm: đĩa mây, lẵng mây, làn mây, chậu mây, ghế mây...

Bước vào làng Phú Vinh, du khách cứ ngỡ đang đi vào một công xưởng sản xuất hàng mây, cuộc sống sản xuất của các gia đình sôi động từ sáng sớm tới khuya. Một ngày làng Phú Vinh trung bình sản xuất vài trăm mặt hàng mây các loại, việc xuất khẩu hàng mây sang các nước châu Âu, châu Mỹ đã đem lại cuộc sống giàu có cho người dân Phú Vinh và đóng góp không ít vào ngân sách của Nhà nước.

Một địa danh nghề dệt áo của nước ta về mây tre nữa là Củ Chi - một trung tâm sản xuất mây tre lâu đời của thành phố Hồ Chí Minh.

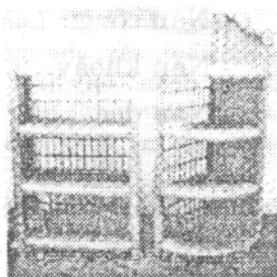
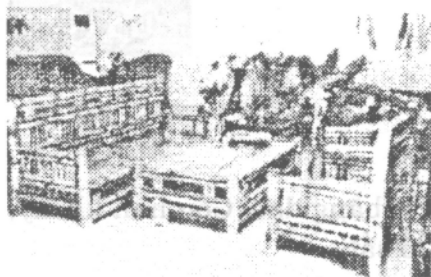
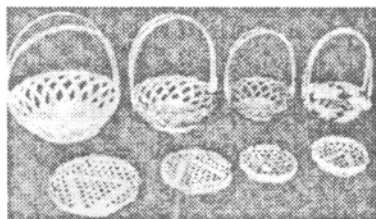
Các mặt hàng tre đan của Củ Chi không chỉ đẹp, bền mà còn rất độc đáo. Các nghệ nhân chuyên nghiệp ở đây được nhân dân miền Nam đánh giá rất cao và hết sức mến mộ. Các địa danh của Củ Chi luôn gắn với tên một mặt hàng nổi tiếng của vùng đó như: bồ cật, bồ ruột - ấp Cây Trôm, nia, thúng - Thái Mỹ, rổ, rá - Tân An Hội.

Sản phẩm mây, tre, nứa không những đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ và sử dụng rộng rãi trong nước mà còn góp phần đáng kể vào việc xuất khẩu sang các nước châu Âu, châu Úc và châu Mỹ. Do có vai trò thiết thực đối với xã hội và nền kinh tế quốc dân, nghề đan mây, tre, nứa nội địa và xuất khẩu đang được Nhà nước chú ý phát triển.

Nghề đan mây, tre, nứa còn có ở nhiều nơi trên đất nước ta và thu hút rất đông người lao động tham gia sản xuất. Ngay thủ đô Hà Nội cũng có các hợp tác xã Kiến Thiết, hợp tác xã Bạch Đằng, hợp tác xã Đồng Nhân chuyên đan mây, tre xuất khẩu, có những phố chuyên bán các sản phẩm mây, tre, nứa như phố Nguyễn Du, Quang Trung, Bà Triệu và một số cửa hàng ở Hàng Đào.

Nhân dân ta thường dùng các đồ mây, tre, nứa như cột, bàn ghế mây, xa lông mây, tủ bày, giá để giấy, để báo, va ly và một số đồ trang trí khác. Các

mặt hàng xuất khẩu nhiều hơn, phong phú hơn như: màn, rèm cửa mỹ nghệ, các loại cốc tre, các loại đĩa, giỏ bày hoa quả, làn tre, làn song, lồng đựng hoa, bồn hoa trang trí, các hình tượng con giống dân gian, tranh tre ghép, móc áo,...



Nguyên vật liệu và công cụ để sản xuất hàng mây tre đan rất đơn giản, rẻ tiền, dễ kiếm vì có rất nhiều ở Việt Nam đó là tre, nứa, mây, song, guột và giang. Nguyên vật liệu phụ là bột diêm sinh.

Công cụ thường dùng cũng rất rẻ tiền như: cửa để cắt nứa, tre; dao để chẻ, vót nan; miếng sắt dày có đục lỗ tròn để chuốt các nan nhỏ.

Đan bất cứ loại hàng mây, tre, nứa nào cũng đều phải qua 2 công đoạn chính: chuẩn bị nan và đan.

Nguyên tắc chung của tất cả các kiểu đan là: tay trái cất nan công, tay phải gài các loại nan khác.

1. CÁC CÔNG ĐOẠN TẠO RA SẢN PHẨM.

Đan các loại lọ, bình bằng mây tre thường trải qua 2 công đoạn và 5 bước:

Công đoạn 1: *Làm nan*, gồm: phơi, sấy, chẻ mây, tre. Công đoạn này rất quan trọng, đòi hỏi phải có kỹ thuật và tay nghề cao.

Có 4 loại nan:

- Nan công.
- Nan khoáy.
- Nan dóc.
- Nan đồng tiền.

Nan công được chẻ, vót bằng dao. Còn nan khoáy, nan dóc được chuốt qua lỗ sắt.

Công đoạn 2. *Đan sản phẩm.*

Bước 1: Đan đáy.

Bước 2: Đan thân.

Bước 3: Đan nắp.

Bước 4: Đan nắp (nếu sản phẩm có nắp).

Bước 5: Trang trí sản phẩm.

Làm xong dùng bàn chải đánh bóng mặt trong và ngoài sản phẩm cho sạch hết bụi bẩn rồi đem hong sản phẩm trên lửa để cháy hết các sơ nửa hoặc sơ



mây, tre nhỏ. Tiếp đó đem cọ rửa bằng nước cho thật sạch rồi sấy lần thứ hai trên lửa diêm sinh cho sản phẩm trở nên trắng đẹp. Đem phơi khô, cuối cùng là quang dầu bóng.

2. MUỐN GIỎI NGHỀ, CẦN ĐIỀU KIỆN GÌ?

Dan mây, tre, nứa là một nghề thủ công mỹ nghệ đòi hỏi người hành nghề phải có một số khả năng cần thiết.

Người thợ đan mây, tre, nứa phải có đôi tay khỏe mạnh và nhạy cảm để có thể chuốt được các nan tre và nứa sao cho mềm mại. Muốn có khả năng ấy đôi tay của người thợ đan mây, tre, nứa phải được rèn luyện và luyện tập nhiều.

Làm nghề này người thợ rất cần có đôi mắt tinh nhanh, để luôn luôn tập trung vào công việc, điều khiển đôi tay của mình để cho nan chẻ được đều và sản phẩm đan đúng kỹ thuật.

Cần phải có sự bền bỉ, để có thể ngồi lâu được một chỗ khi làm việc, có trách nhiệm đối với công việc, yêu nghề, sáng tạo, luôn học hỏi thầy, bạn.

Ngày nay khi nền kinh tế phát triển, nhu cầu về sản phẩm mây, tre, nứa trong cũng như ngoài nước ngày càng lớn. Mọi người đều có thể học nghề này, chỉ cần có tinh thần cần cù chịu khó. Trẻ em từ 12 tuổi trở lên là có thể tham gia học nghề và tham gia sản xuất trong thời gian rỗi và có thể hành nghề ở mọi nơi.

Thời gian học làm các mặt hàng mây, tre, nứa

thường là từ 1-2 tháng. Muốn đan được các mặt hàng cao cấp, thì cần thời gian học dài hơn.

Các đối tượng muốn học nghề này có thể liên hệ trực tiếp với các cơ sở sản xuất tại địa phương như:

- Trường Thủ công Mỹ nghệ Hà Tây .
- Xưởng tranh tre Việt Nam - Mai Hiền - Mai Lâm
- Đông Anh - Hà Nội - ĐT: (04) 8832121.
- Hợp tác xã mây, tre Tăng Tiến - Phúc Tăng - Tăng Tiến - Bắc Giang: (0240) 874723
- Tổ hợp tác song mây xuất khẩu Hùng Cửu, làng nghề Phú Vinh - Chương Mỹ - Hà Tây.
- Công ty xuất nhập khẩu mây tre Thanh Hoá - số 2 Phan Chu Trinh - Thanh Hoá - ĐT: (037) 851142.
- Công ty xuất nhập khẩu mây tre – 22 B Lam Sơn
- Quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty xuất nhập khẩu mây tre – 25A Võ Thị Sáu – Hải Phòng.

Nguồn mây, tre, nứa ở nước ta rất dồi dào. Nghề thủ công đan mây, tre, nứa dễ học lại cho hiệu quả kinh tế cao, phát triển và phổ cập nghề này sẽ tạo nên nguồn hàng sản xuất và tăng thu nhập cho người lao động.

VIII. NGHỀ DỆT TRUYỀN THỐNG

Hà Tây từ lâu đã được coi là quê hương của tơ lụa. Lụa Hà Đông không chỉ lừng danh trong nước, mà

sản phẩm ở đây đã nổi tiếng khắp trên thị trường tơ lụa thế giới.

Tơ lụa Hà Đông được dệt bằng khung cửi từ tơ tằm, rất đặc sắc và độc đáo. Nói tới tơ lụa Việt Nam không thể quên tơ lụa Hà Đông. Hàng tơ lụa Hà Đông rất bền, đẹp, lại có màu sắc và kiểu dáng vô cùng phong phú.

Các loại hàng dệt thủ công cổ truyền từ xưa tới nay được nhân dân sử dụng rộng rãi, cả ở nông thôn lẫn thành thị. Còn đối với quốc tế, hàng tơ lụa Việt Nam có sức thu hút kỳ diệu.

Mặt hàng dệt thủ công của Việt Nam có tới hàng, trăm loại khác nhau. Ở đây chúng tôi không thể kể hết được các sản phẩm dệt đặc sắc của các dân tộc Việt Nam vì mỗi vùng có một phong thái dệt riêng tạo ra những sản phẩm độc đáo riêng của mỗi dân tộc, mỗi làng quê. Chúng tôi chỉ có thể giới thiệu ở đây một cách điển hình nhất, đó là các loại: lụa, là, gấm, vóc, the, lĩnh, bằng, quế, đoạn, sa đũi, kỳ cầu, thảm len, thảm day the...

Vân:

Lụa mặt hàng lụa mỏng có hoa nổi, hoa chìm. Hoa nổi trên mặt lụa thì bóng mịn, còn hoa chìm phải soi ánh sáng mới thấy được. Vân được dệt ở Vạn Phúc, là một loại sản phẩm nổi tiếng. Thợ Vạn Phúc dệt Vân giỏi nhất trong nước, cho nên ca dao xưa có câu: “*The La, lụa Vạn, vải Canh*”.

Làng La (nay là La Khê, La Cỏ) dệt the, làng Vạn

(tức Vạn Phúc) dệt lụa, làng Canh (nay là Canh Diên) dệt vải bằng sợi bông. Lụa Vạn ở đây chính là lụa Vân.

Gấm:

Gấm là loại hàng dệt dày, có nhiều màu sắc khác nhau. Có các loại gấm khác nhau như gấm lam, gấm hồng cánh châu, gấm đỏ, gấm vàng. Hoa trên gấm thường có màu sắc tươi rực rỡ, được dệt nổi. Gấm là mặt hàng quý nhất, khó làm nhất trong tất cả các mặt hàng tơ lụa. Người ta coi gấm là nữ hoàng của các loại hàng dệt, tơ lụa. Người thợ dệt gấm phải đạt tới tay nghề rất cao, kỹ thuật điêu luyện, tinh xảo và có con mắt thẩm mỹ tuyệt vời.

Lụa:

Bao gồm các loại lụa trơn, lụa hoa, mặt lụa rất mịn màng, óng ả. Khổ tấm lụa vừa phải, nên việc may cắt khá thuận lợi.

The, sa, xuyên, băng, quế:

Các loại sản phẩm này có đặc điểm chung, nét đặc sắc là đều dệt thủng, nghĩa là trên mặt tấm the, sa, xuyên, hay băng, quế đều có những lỗ thủng nhỏ rất đẹp. Nhưng chúng lại khác nhau ở chỗ, cách bố cục sợi dọc, sợi ngang không giống nhau. Kỹ thuật dệt như thế vừa tạo ra các loại hàng khác nhau, vừa tăng thêm tính thẩm mỹ của từng mặt hàng tơ lụa, có khả năng thoả mãn sở thích, thị hiếu đa dạng của người tiêu dùng.

Lĩnh, sa tanh:

Là các loại hàng dệt dày. Số lượng sợi dọc của các

loại hàng này đều nhiều hơn lụa. Sản phẩm loại này trơn, óng mịn, mềm mại, nuốt nà, sản phẩm dệt hoa thì tới độ cực kỳ tinh tế, với màu sắc khi óng ánh, khi trang nhã, rực rỡ, khi nổi, khi chìm những hoa văn.

Nghệ thuật trang trí và hoa văn trên lụa rất tinh xảo và mang đậm phong cách tạo hình trên chất liệu mỏng của dân tộc Việt Nam, không hề giống với các dân tộc nào trên thế giới.

Các nghệ nhân tạo mẫu và những người thợ dệt đã sử dụng những đề tài trang trí từ kho tàng nghệ thuật truyền thống dân tộc, nhưng sáng tạo chứ không rập khuôn, nhằm thích ứng nhất với chất liệu dệt. Đề tài thường gặp trên một số hàng tơ lụa dệt hoa là năm con dơi quanh chữ “Thọ”, rồng, phượng vờn mây, hoa chanh, cúc, hoa đào, chồi non, lư hương và chữ “Thọ”, đàn cá với trăng, sóng nước... Gấm, vóc xưa kia chỉ dùng cho vua chúa, nay mọi người dân đều có thể dùng nên thị trường tiêu thụ gấm, vóc lại ngày càng rộng rãi hơn.

Hoa văn dệt truyền thống có một nét chung là bao giờ cũng bố trí đối xứng. Đường nét trang trí mềm mại, phóng khoáng và dứt khoát, cân đối, thoáng đạt. Cầm trên tay hay ngắm xa, gần, sản phẩm dệt hoa, dù dệt nổi hãy chìm đều mang tính thẩm mỹ sâu sắc và cảm giác cao sang, chất liệu mềm mại, mịn màng, bóng, nếu mặc vào ta sẽ cảm thấy mát mẻ, rất dễ chịu.

Riêng về nghề dệt truyền thống, nổi tiếng ngoài dệt lụa ở Hà Đông, the ở La Khê, lụa ở làng Vạn Phúc,

vải dệt từ sợi bông ở Canh Diến còn có các làng nghề nổi tiếng khác như:

Lụa Tân Châu ở An Giang:

Lụa Tân Châu từ lâu đã nổi tiếng ở trong nước và nước ngoài. Lụa Tân Châu đẹp, bền không kém lụa Hà Đông. Nói về nghề dệt lụa thủ công truyền thống của ta thì Hà Đông ở phía Bắc và Tân Châu (An Giang) ở phía Nam xưa nay vẫn được coi là hai trung tâm dệt lớn nhất, chất lượng sản phẩm cao nhất, được khách hàng ưa chuộng nhất.

Lụa Vân Phương ở Hưng Yên:

Vân Phương thuộc tỉnh Hưng Yên. Đây là một xã lớn cách Phố Hiến (thị xã Hưng Yên) 3km về phía Đông. Vân Phương có nghề dệt lụa nổi tiếng với các sản phẩm bền, đẹp, bán khắp nơi trong nước và còn tham gia xuất khẩu.

Hợp tác xã thủ công nghiệp Tiên Phương ở xã Liên Phương thành lập từ chỗ cơ sở vật chất nghèo nàn đến nay đã trở nên giàu có khang trang, nhờ cơ chế mở cửa thị trường của Nhà nước và cải tiến phương pháp làm ăn của hợp tác xã. Ngày nay hợp tác xã sản xuất bình quân mỗi năm hàng chục vạn mét lụa các loại, hàng vạn mét vải xô màn. Ngoài ra, có hàng chục khung dệt thảm làm ra gần 1.000 mét thảm dày mỗi năm.

Nếu như làng nghề dệt Vân Phương luôn năng động, đổi mới về mọi mặt và chủ động đào tạo lấy công nhân, kỹ thuật, thợ sửa chữa cho nghề dệt để phát

triển nghề, thì dệt đũi Thông (Hải Hưng) lại phát triển nghề của mình bằng cách kiên trì giữ nguyên diện mạo cổ truyền như một bảo tàng sống về một nghề dệt (đũi) từ công cụ, nguyên liệu, đến phương pháp...

Nghề dệt đũi ở Nam Cao (Thái Bình):

Nam Cao thuộc huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có nghề dệt đũi từ lâu đời. Tới thăm Nam Cao vào mùa sản xuất bạn sẽ thấy như lạc vào một xưởng dệt lớn, đi tới đâu cũng nghe thấy tiếng thoi đưa của hàng trăm gia đình đang dệt. Hàng chục gia đình có 3 khung dệt trở lên. Có những người đã giàu lên rất nhanh từ nghề dệt, họ có tới hàng chục khung dệt và vốn tự có gần trăm triệu đồng. Mỗi tháng, thợ thủ công Nam Cao dệt được 30.000-40.000 mét đũi và còn có thể cao hơn nữa. Riêng tiền công thu từ dệt đũi, hàng tháng đem lại cho những người thợ thủ công Nam Cao hàng trăm triệu đồng, giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động, nhất là thời gian nông nhàn, vì thế người dân quanh năm tất bật và thu nhập của họ khá cao, lại ổn định.

Miệt mài sản xuất như vậy, nhưng sản lượng đũi Nam Cao vẫn chưa đủ để cung cấp cho thị trường tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Không ít nhà hàng kinh doanh vải sợi cao cấp ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng đã về tận Nam Cao (Thái Bình) mua và đặt hàng đũi.

Nghề dệt đũi ở Nam Cao trong cơ chế thị trường ngày càng khởi sắc, nhà cửa khang trang, trong làng nhà mái bằng san sát, đêm ngày rộn rã tiếng thoi đưa.

Dệt thổ cẩm:

Nói về dệt thổ cẩm thì tiêu biểu nhất là dệt thổ cẩm của dân tộc Chăm và dân tộc Êđê, ngoài ra các dân tộc khác cũng dệt thổ cẩm rất đẹp như Mèo, Thái, Mường... Làng Mỹ Nghiệp là một địa chỉ dệt thổ cẩm nổi tiếng của dân tộc Chăm ở tỉnh Ninh Thuận. Ở đây có hàng trăm người chuyên dệt thổ cẩm. Những bà mẹ, những phụ nữ trung niên có tay nghề khá cao, cả làng hiện có hơn hai chục thợ được mọi người thừa nhận và xếp vào hàng thợ giỏi. Nhưng người thợ siêu hạng chỉ đếm trên đầu ngón tay. Thợ dệt siêu hạng phải là người dệt được trên dưới 20 loại hoa văn phức tạp, độc đáo, cầu kỳ, đồng thời cũng làm được tất cả các mặt hàng thổ cẩm. Mà số lượng mẫu mã thổ cẩm ở Mỹ Nghiệp rất lớn, có tới hàng trăm mẫu mã từ thời các Vương triều Chăm xưa kia.

Thổ cẩm Êđê là một loại sản phẩm độc đáo, có đặc điểm: dày, chắc, bền, hoa văn và họa tiết đẹp, nền nã và sinh động mang đậm nét dân tộc. Hiện nay nghề dệt cổ truyền của đồng bào Êđê đang được phát triển, những tấm thổ cẩm, những tấm chăn và túi thổ cẩm, những bộ váy áo rực rỡ mang đậm nét văn hoá Tây Nguyên vừa hoang sơ vừa lộng lẫy, đã trở thành thú sưu tập của cả người thành phố lẫn khách du lịch vào hoa .

1. CÔNG NGHỆ DỆT LỤA

Để tạo ra được những loại sản phẩm dệt tuyệt hảo, những thợ dệt thủ công đã phải trải qua một quy

trình kỹ thuật rất công phu, các quy trình kỹ thuật ở mỗi nơi một khác nhưng qua bài viết ngắn này chúng tôi chỉ có thể giới thiệu một quy trình công nghệ dệt lụa điển hình nhất bao gồm 4 công đoạn:

Công đoạn 1: Tơ.

Công đoạn này đòi hỏi phải chọn sợi, mắc sợi... để lựa chọn riêng sợi dọc, sợi ngang. Công việc tỉ mỉ, phức tạp, công phu.

Công đoạn 2: Hồ tơ.

Kỹ thuật hồ tơ đòi hỏi rất cao. Làng Vạn Phúc là nơi có những người thợ hồ tơ giỏi nhất. Ở đây, người ta pha thêm sáp ong vào hồ để hồ sợi tơ, đồng thời họ có những bí quyết gia truyền riêng, giữ bí mật từ lâu đời, làm cho sợi hồ vừa dẻo dai, vừa bóng đẹp.

Công đoạn 3. Dệt.

Bằng khung cửi cổ truyền, người thợ dệt lụa hoa và lụa trơn. Dệt trơn dùng hai loại go: go thẳng và go tròn. Go thẳng để dệt lụa mỏng mịn, còn go vòng thì dệt lụa có chấm thủng. Dệt hoa có thao tác như dệt trơn, nhưng có khác ở chỗ: trước khi dệt hoa phải vẽ kiểu hoa trên giấy, hoặc có mẫu vẽ sẵn, dệt hoa phải dệt song song hai người một khung dệt, một người dệt nền và một người dệt hoa.

Công đoạn 4. Nhuộm.

Dệt xong, ta mới chỉ được một tấm linh mộc. Phải nhuộm màu thì mới có được tấm linh hoa thực sự, mềm óng.

Nhưng không phải bất cứ một sản phẩm tơ nào cũng đem nhuộm mà có loại dễ trắng tinh khiết, ngả vàng ngà, như lụa nồn. Nhuộm màu ngay từ sợi như gấm, vóc. Nhưng có loại dệt xong mới nhuộm như lĩnh, the...

Nhuộm hàng tơ lụa là cả một quy trình kỹ thuật hết sức phức tạp, nghiêm ngặt, không thể lược bỏ một công đoạn nào.

2. MUỐN TRỞ THÀNH MỘT NGƯỜI THỢ DỆT TÀI BA PHẢI CÓ NHỮNG YẾU CẤU, PHẨM CHẤT GÌ?

Người thợ dệt trước hết phải có đôi mắt tinh, người yếu thị và người mù màu không thể làm nghề này vì người thợ dệt phải có khả năng phân biệt màu sắc, phát hiện sai sót nhanh. Cùng với thị giác tốt người thợ dệt cần có sự nhạy bén, và thuần thục trong công việc để xác định chính xác điểm cần diễn các hoạ tiết như màu và phải có đôi bàn tay thành thạo, khéo léo mới dệt đẹp, mịn và nhanh được. Muốn vậy người thợ dệt phải trải qua một thời gian khổ luyện công phu và lâu dài.

Ở nơi dệt thường rất nhiều bụi nên người thợ phải có khẩu trang cá nhân và luôn giữ gìn vệ sinh chung nơi làm việc, năng quét dọn và lau chùi khung dệt. Các bạn nữ trẻ tuổi học nghề này rất thích hợp.

Ngoài các làng nghề dệt đã giới thiệu ở trên, các bạn muốn học nghề dệt có thể liên hệ tham khảo thêm với các cơ sở dệt như:

- Trường đào tạo nghề dệt may Nam Định - Đường
Hoàng Diệu - ĐT: 849464.

- Phân viện kinh tế dệt may Việt Nam, Thành phố Hồ
Chí Minh, Quận 1, phố Trần Hưng Đạo - ĐT: 8322215.

- Ở Hà Nội có hợp tác xã dệt Đống Đa, Xí nghiệp
thảm len Nam Đồng, hợp tác xã dệt thảm dày Tân
Phong và hàng loạt các cơ sở khác.

Ở Hải Phòng có xí nghiệp thảm len Hàng Kênh,
hợp tác xã thảm len Đông Hải...

Thời gian đào tạo mỗi khoá để trở thành thợ dệt
thường là ba tháng, nhưng sau ba tháng học nghề dệt
bạn cũng chỉ là một người mới học việc chứ chưa thể
thành thợ lành nghề được. Muốn dệt thành thạo và
trở thành thợ giỏi phải tích cực học hỏi, rèn luyện
trong nhiều năm.

Do có vị trí quan trọng đối với nền kinh tế quốc
dân, trong tương lai nghề dệt xuất khẩu sẽ còn được
phát triển mạnh mẽ và rộng khắp hơn nữa, góp phần
nâng cao đời sống của nhân dân.



ĐỊNH HƯỚNG KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG

I. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ KHUYẾN KHÍCH KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Ở Việt Nam đã từng tồn tại và phát triển rực rỡ các nền văn minh trong suốt mấy ngàn năm lịch sử, nhiều thành tựu văn hoá, khoa học, kỹ thuật với những sáng chế, sản phẩm, công cụ, kinh nghiệm sản xuất của người Việt Nam qua nhiều thế hệ, cho đến nay vẫn giữ nguyên giá trị bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam. Đó chính là nền tảng, là nhân tố quan trọng, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển bền vững và lâu dài của ngành nghề thủ công truyền thống Việt Nam.

Trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay, việc gìn giữ và phát triển những sản phẩm độc đáo nêu trên, củng cố và phát triển ngành nghề thủ công truyền thống không chỉ là phát triển kinh tế theo ý nghĩa thông thường, mà còn là phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc trong tăng trưởng kinh tế. Những hàng hoá mang tính truyền thống của dân tộc cũng là một thế mạnh trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội Việt Nam đến năm 2010 đã quan tâm đặc biệt đến vai trò quan trọng của ngành nghề thủ công truyền thống như là một bộ phận quan trọng trong phát triển ngành nghề ở nông thôn. Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng xác định: “Phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống và các ngành nghề mới bao gồm tiểu, thủ công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu...”; Nghị quyết VI (lần 1) BCH TW (khoá VIII) chỉ rõ “Để thực hiện công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn, cần tập trung sức phát triển sản xuất gắn với... khôi phục và phát triển các ngành, nghề truyền thống...” Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn (xem phụ lục VII), trong đó “Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện và có chính sách bảo vệ quyền lợi hợp pháp các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn... nhất là các ngành nghề truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu

dùng trong nước và xuất khẩu, thu hút nhiều lao động, góp phần giải quyết việc làm ở nông thôn, xoá đói, giảm nghèo, giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc” “khuyến khích và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân huy động các nguồn lực xã hội triển khai các hoạt động trợ giúp, tư vấn, thông tin, tiếp thị, đào tạo nghề, khuyến công, nghiên cứu công nghệ, kiểu dáng, mẫu mã cho phát triển ngành nghề nông thôn” (bao gồm cả ngành nghề thủ công truyền thống).

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG

Hiện tại, các ngành nghề và các làng nghề thủ công truyền thống khác nhau thường có trình độ phát triển khác nhau và cùng tồn tại, điều đó có nghĩa là sự phát triển đang tiếp tục diễn ra, nhiều nghề mới và làng nghề mới cũng đang tiếp tục được hình thành.

Phát triển ngành nghề và các làng nghề thủ công truyền thống sẽ đóng góp đáng kể trên một số lĩnh vực sau:

- Tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, kể cả người già, phụ nữ, trẻ em, người tàn tật, người yếu sức khoẻ.
- Sản xuất nhiều mặt hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu tại chỗ và trong nước.
- Sản xuất phục vụ xuất khẩu.

- Tận dụng, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn nhiên liệu vật tư trong nước, kể cả phế liệu, phế thải của sản xuất công nghiệp và sinh hoạt của nhân dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình phát triển.

- Góp phần phân bố sản xuất ở các vùng dân cư, địa bàn khác nhau, góp phần vào sự phát triển đồng đều trên các vùng, lãnh thổ. Đặc biệt, là thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Tạo thành những điểm, trung tâm du lịch hấp dẫn cho khách trong nước và nước ngoài, sản phẩm sẽ là những mặt hàng lưu niệm quý giá được sản xuất tại chỗ và trưng bày để khách du lịch tham quan, tìm hiểu và hiểu biết thêm về những ngành nghề thủ công truyền thống Việt Nam.

- Giữ vai trò hỗ trợ, bổ sung hình thành mối liên kết hợp tác giữa nông thôn và thành thị, giữa sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp, thúc đẩy phát triển nền kinh tế hàng hoá ở khu vực nông thôn.

- Góp phần duy trì, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc.

Do vậy: *Định hướng chung phát triển ngành nghề thủ công truyền thống là:*

- Kết hợp một cách hợp lý sự bảo tồn các yếu tố truyền thống, tạo ra những sản phẩm có tính độc đáo, giữ được những nét đặc trưng về bản sắc dân tộc nhưng đồng thời cũng phải hiện đại hoá sản xuất trong ngành nghề và các làng nghề thủ công truyền thống.

- Xuất phát từ nhu cầu nội tại của nền kinh tế của làng văn hoá và của địa phương, không chủ quan duy ý chí. Điều này đòi hỏi phải nghiên cứu kỹ thị trường, nhu cầu và sự biến động của các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của mỗi nghề và của mỗi làng nghề.

- Kết hợp lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài trong phát triển nghề và các làng nghề thủ công truyền thống.

Những định hướng cụ thể phát triển ngành nghề thủ công truyền thống gồm⁽¹⁾:

a) *Nhóm sản phẩm từ gỗ:*

Nhóm sản phẩm từ gỗ gồm 2 loại chủ yếu:

- Đồ gỗ gia dụng.

- Đồ gỗ mỹ nghệ (tranh gỗ, tượng gỗ, chạm khắc gỗ, sơn mài, khảm...).

Các loại sản phẩm này đòi hỏi lao động thủ công có tay nghề truyền thống, các khâu sản xuất công nghiệp có sử dụng các thiết bị máy móc chế biến và xử lý gỗ để tạo nguyên liệu đầu vào cho sản xuất. Nguyên liệu chủ yếu ở trong nước, một phần được nhập khẩu từ các nước Lào và Campuchia.

Định hướng phát triển:

+ Đồ gỗ gia dụng: Năm 1999 đạt kim ngạch xuất

(1) Các số liệu cụ thể được tham khảo trong bản "Phương hướng mục tiêu xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ thời kỳ 2001 – 2005" Bộ Thương mại.

khẩu 90-100 triệu USD; năm 2000 đạt khoảng 120-130 triệu USD. Trong giai đoạn 5 năm tới (2001-2005) đặt mục tiêu phấn đấu tăng trung bình từ 20 – 25%/năm.

+ Đồ gỗ mỹ nghệ: Năm 1999 - 2000 đạt kim ngạch xuất khẩu 50 - 60 triệu USD, trong 5 năm tới phấn đấu đạt mức tăng trưởng trung bình 15 - 20%/năm.

Trong sản xuất, đưa tiến bộ công nghệ và kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm và tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu ở các khâu: xử lý, bảo quản nguyên liệu và sản phẩm, tinh chế và hoàn thiện sản phẩm, trang bị các máy móc để thay thế cho một số công việc thủ công nặng nhọc hoặc đòi hỏi kỹ thuật sản xuất thông thường.

b) Nhóm sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ:

Sản phẩm từ gốm sứ có nhiều loại: gốm sứ phục vụ xây dựng, gốm sứ kỹ thuật, gốm sứ dân dụng và gốm sứ mỹ nghệ...

Trong quy trình sản xuất gốm sứ mỹ nghệ, có sử dụng nhiều trang bị máy móc trong chế biến nguyên liệu, tạo hình, sản xuất men màu các loại, nung... Nguyên liệu sản xuất được khai thác trong nước là chính.

Năm 1999 - 2000, kim ngạch xuất khẩu của nhóm sản phẩm mỹ nghệ đạt khoảng 100 – 120 triệu USD, mục tiêu phấn đấu tăng trưởng trong 5 năm tới khoảng 18-20%/năm, như vậy đến năm 2005 sẽ đạt kim ngạch xuất khẩu khoảng 250 - 300 triệu USD.

Quá trình công nghệ sản xuất gốm sứ mỹ nghệ, cần tăng cường đầu tư cho từng loại sản phẩm, sản xuất men màu các loại có chất lượng cao và phù hợp với thị hiếu ngày càng hiện đại và nâng cao kỹ thuật nung bằng các giải pháp thay thế là nung tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường.

c) Nhóm sản phẩm mây tre đan:

Nhóm sản phẩm mây tre đan gồm: mây tre đan, buông đan, màn tre, trúc, cọ... Những năm gần đây, sản phẩm mây tre đan thịnh hành và đóng góp nhiều cho sản xuất khẩu cũng như phục vụ tiêu dùng nội địa. Sản xuất hàng mây tre đan rất phù hợp với sản xuất nhỏ hộ gia đình, mặt hàng mây tre đan phong phú và nhiều chủng loại khác nhau.

Vài năm gần đây, mặt hàng có xu hướng phát triển, mặc dầu kim ngạch xuất khẩu còn hạn chế, chỉ đạt khoảng 20-25 triệu USD/năm. Mục tiêu phấn đấu trong 5 năm tới, bình quân đạt khoảng 60 – 80 triệu USD/năm.

Quy trình sản xuất các sản phẩm mây tre đan cần đầu tư nghiên cứu tiêu chuẩn hoá nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, xử lý nguyên liệu làm cho màu sắc đẹp, bóng và không mốc, mọt, tăng cường phối hợp với các chất liệu khác như nhựa, kim loại màu để làm tăng vẻ đẹp và tính hiện đại của sản phẩm.

d) Nhóm sản phẩm thêu, ren, thổ cẩm:

Nhóm hàng thêu, ren, thổ cẩm bao gồm các sản

phẩm: thêu ren, khăn thêu trải bàn, khăn ăn, ga trải giường, áo gối thêu, áo kimônô thêu... đặc biệt hàng dệt thổ cẩm của dân tộc Chăm, Sa Pa, Lào Cai, Hoà Bình... được nhiều nước trên thế giới ưa chuộng.

Sản xuất hàng thêu, ren, thổ cẩm chủ yếu là thủ công phù hợp với sản xuất quy mô hộ gia đình. Cần đầu tư thành lập các Trung tâm thiết kế mẫu mã để tạo ra các sản phẩm đa dạng, màu sắc và hoa văn thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc, hiện đại.

Ước tính kim ngạch xuất khẩu của nhóm sản phẩm thêu, ren, thổ cẩm trên dưới 10 triệu USD/năm. Nếu làm tốt việc xúc tiến thương mại, phát triển thị trường thì có thể đưa kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm tới bình quân khoảng 20 - 25 triệu USD/năm.

e) Nhóm sản phẩm chạm bạc kim hoàn, chạm khắc đá, chạm và đúc đồng:

Sản phẩm của các ngành nghề chạm bạc kim hoàn, khắc đá, chạm và đúc đồng rất tinh xảo và nổi tiếng, các loại đồ trang sức từ vàng, bạc, đá quý được chế tác thủ công, tiền công lao động trên sản phẩm thường chiếm từ 50 - 60% giá thành sản phẩm, thị trường xuất khẩu nhóm sản phẩm nêu trên còn hạn hẹp và nhiều khó khăn.

Quá trình sản xuất các sản phẩm từ nhóm hàng này còn rất nhiều khó khăn, cần đầu tư nghiên cứu để khắc phục tình trạng trang thiết bị lạc hậu, lao động nặng nhọc trong khâu khai thác và sơ chế nguyên liệu, ảnh

hưởng đến môi trường và sức khỏe người lao động, mẫu mã còn nghèo nàn, chất lượng mạ vàng bạc chưa đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế nên khó khăn trong xuất khẩu...

Năm 2000, xuất khẩu nhóm mặt hàng này đạt thấp, chỉ khoảng 10 - 15 triệu USD, mục tiêu phát triển đến năm 2005 đạt 20 - 30 triệu USD/năm.

Tóm lại: Ở Việt Nam, có rất nhiều ngành nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống, nguyên vật liệu đa phần được khai thác và sử dụng ở trong nước, công nghệ kỹ thuật sản xuất đã được tích lũy và đúc rút thành kinh nghiệm từ nhiều trăm năm. Đây là nhóm ngành nghề sản xuất nhiều loại mặt hàng đa dạng, phong phú – là những đồ dùng sinh hoạt thông thường đến các mặt hàng mỹ nghệ cao cấp, có giá trị về mặt kinh tế. Nhiều sản phẩm được ưa chuộng trong nước và thị trường nước ngoài.

Ngày nay, khoa học, công nghệ và nền sản xuất công nghiệp hiện đại phát triển rất mạnh mẽ, sản phẩm thủ công truyền thống do tính độc đáo và độ tinh xảo cao độ của nó vẫn là những vật dụng rất cần thiết cho con người và sẽ ngày càng cần thiết hơn khi đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao. Ngành nghề và các làng nghề thủ công truyền thống với những “bàn tay vàng” của người thợ thủ công sẽ ngày càng được coi trọng, bảo tồn và phát triển. Những công nghệ sản xuất truyền thống quý giá sẽ được nghiên cứu, bảo lưu, sử dụng và phát triển theo hướng hiện đại.

Những năm gần đây, đời sống nhân dân được cải thiện, nhu cầu trang trí gia đình, tu sửa đình chùa, quà lưu niệm, kỷ niệm cho khách trong nước và khách nước ngoài... tăng lên nhanh, các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ phát triển để đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Trong tương lai, nếu củng cố và phát huy năng lực của hơn 1.400 làng nghề hiện có, mở mang thêm các làng nghề mới, mỗi huyện tạo dựng các Trung tâm thủ công nghiệp để triển khai các dịch vụ hỗ trợ phát triển cho các cơ sở sản xuất thì các ngành nghề và các làng nghề thủ công truyền thống sẽ phát triển mạnh mẽ và đem lại nhiều hiệu quả hơn nữa về kinh tế và xã hội.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG CÁC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ RÚT RA TỪ THỰC TRẠNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG CÁC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG.

Những năm gần đây, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã tác động phục hồi và phát triển nhiều làng nghề truyền thống, nhiều làng nghề mới được mở mang. Quá trình đó đã góp phần đáng kể đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Song, tiềm năng của các làng nghề truyền thống còn

chưa được phát huy đầy đủ, chưa có định hướng chiến lược phát triển thủ công nghiệp ở nông thôn và các làng nghề truyền thống. Ở nhiều nơi, sự phát triển các làng nghề truyền thống còn mang tính tự phát.

- Phát triển ở các làng nghề thủ công truyền thống ở nông thôn gắn bó hữu cơ với phát triển sản xuất nông nghiệp. Trong giai đoạn đầu, sản xuất thủ công ở làng nghề truyền thống được coi là hoạt động hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp, góp phần giải quyết việc làm cho lao động dư thừa, tăng thêm thu nhập cho nông dân và có mối quan hệ tương hỗ trực tiếp với sản xuất nông nghiệp.

- Trong cơ chế quản lý cũ, loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh các làng nghề truyền thống gò bó và đơn điệu, hạn chế khả năng sáng tạo, tính chủ động của người lao động thủ công nghiệp và không tạo được sự kích thích mạnh mẽ cho phát triển ngành nghề và làng nghề. Trong cơ chế quản lý mới, loại hình tổ chức sản xuất ở các làng nghề đa dạng, phong phú hơn. Tuy nhiên, loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh chủ yếu hiện nay là các hộ gia đình. Bên cạnh những lợi thế nhất định, loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh này ngày càng bộc lộ rõ sự bất cập so với yêu cầu khả năng cạnh tranh trên thị trường, đổi mới công nghệ đáp ứng yêu cầu tiến bộ khoa học, công nghệ.

Trong tổ chức sản xuất kinh doanh ở các làng nghề truyền thống, việc thiết lập và tổ chức điều hành các quan hệ hợp tác, liên kết kinh tế chưa được

chú ý đúng mức. Điều này, một mặt, không phát huy được lợi thế sản xuất tập trung ở trong các làng nghề, mặt khác, gây khó khăn cho sự phát triển ổn định và có hiệu quả của bản thân làng nghề.

- Sản xuất khép kín trong một quy mô nhỏ được những người nông dân ở các làng nghề ưa thích hơn là tổ chức phân công hợp tác sản xuất rộng ở phạm vi cả làng nghề và giữa làng nghề này với các làng khác. Có thể nói rằng, nhiều làng nghề, mới là con số cộng các cơ sở làm nghề thủ công chứ chưa tạo thành một chỉnh thể có quan hệ liên kết chặt chẽ với kinh tế - tài chính - tổ chức - kỹ thuật.

Ở một số làng nghề truyền thống, đã có sự đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị sản xuất ở mức độ nhất định và sản phẩm có vị thế trên thị trường, nhưng những bất hợp lý và khiếm khuyết trong tổ chức sản xuất kinh doanh đang là một yếu tố quan trọng, cản trở sự phát triển bền vững và có hiệu quả của các làng nghề.

2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Quá trình hình thành và phát triển các làng nghề truyền thống ở Việt Nam đã chỉ ra rằng, sản xuất trong các làng nghề truyền thống chính là mảnh đất nuôi dưỡng, sáng tạo ra những giá trị vật chất, tinh thần truyền thống với những nét độc đáo, riêng biệt của dân tộc Việt Nam. Các làng nghề truyền thống đã làm tăng thêm niềm tự hào dân tộc, bởi nó phản ánh

nền văn minh và văn hoá dân tộc Việt Nam đã có hàng ngàn năm văn hiến. Hiện tại, các làng nghề truyền thống đã, đang có nhiều đóng góp trong phát triển kinh tế và ổn định xã hội, có tác động thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Để các làng nghề truyền thống phát huy đầy đủ tiềm năng và phát triển có hiệu quả, cần quan tâm đến một số những định hướng sau:

- Phát triển các làng nghề truyền thống theo hướng kết hợp hài hoà nhiều quy mô, nhiều loại hình tổ chức và sở hữu; lựa chọn công nghệ, thiết bị thích hợp, kết hợp công nghệ hiện đại với công nghệ truyền thống, thiết bị tiên tiến với thủ công, tạo ra các sản phẩm mang đậm nét văn hoá dân tộc và hiện đại.

- Phát triển các làng nghề truyền thống phải gắn với phát triển nông nghiệp và nông thôn, có mối quan hệ chặt chẽ với lao động, nguyên liệu, thị trường và môi trường. Giải quyết tốt mối quan hệ tương hỗ, hỗ trợ làm cho kinh tế, xã hội ở nông thôn phát triển bền vững, đời sống của cư dân nông thôn được sung túc.

- Phát triển các làng nghề truyền thống ở nông thôn phải tạo được động lực xoá đói giảm nghèo, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập, tăng sức mua của người dân nông thôn, tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, hình thành các cụm trung tâm công nghiệp và dịch vụ nông thôn, thúc đẩy quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá và hiện đại hoá nông thôn.

- Phát triển làng nghề truyền thống phải gắn với những đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế, xã hội và cơ sở hạ tầng của từng địa phương, phải gắn với việc bảo tồn di sản văn hoá của từng địa phương, của từng làng nghề.

- Phát triển làng nghề truyền thống phải được đặt trong chiến lược phát triển của hệ thống công nghiệp. Phải thực sự coi sản xuất thủ công nghiệp trong các làng nghề truyền thống là một bộ phận quan trọng, hỗ trợ cho công nghiệp hiện đại trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước. Do vậy, trong làng nghề truyền thống phải được tiến hành tổ chức lại sản xuất và nó nằm trong khuôn khổ tổ chức lại sản xuất của toàn bộ hệ thống công nghiệp. Tổ chức lại sản xuất trong các làng nghề truyền thống là một biện pháp tốt, đòi hỏi Nhà nước, nhân dân cùng quan tâm, thực hiện để thúc đẩy phát triển làng nghề lên sản xuất lớn.

3. CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC SẢN XUẤT KINH DOANH THÍCH HỢP TRONG NGÀNH NGHỀ VÀ CÁC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG.

Đặc trưng riêng biệt của từng ngành nghề, làng nghề và từng địa phương chi phối sự hình thành các hình thức tổ chức sự xuất kinh doanh thích hợp trong các làng nghề truyền thống. Thực tế, trong các ngành nghề và làng nghề truyền thống tồn tại các loại hình sản xuất kinh doanh rất đa dạng và phong phú, hoạt động đan xen và cùng phát triển.

Dưới đây là một vài loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh phát triển ở các làng nghề truyền thống:

- Hợp tác xã:

Luật Hợp tác xã (HTX) ra đời là một điều kiện thuận lợi để đổi mới tổ chức và sắp xếp lại các hợp tác xã hiện có trong các làng nghề truyền thống, góp phần thúc đẩy làng nghề phát triển. Xét về lâu dài, HTX là loại hình tổ chức kinh doanh chủ yếu trong các làng nghề. Tùy theo trình độ phát triển các ngành nghề thủ công và mối tương quan của chúng với hoạt động nông nghiệp, thường có 3 loại hình tổ chức sản xuất:

- + HTX nông nghiệp - thủ công nghiệp.
- + HTX thủ công nghiệp - nông nghiệp.
- + HTX thủ công nghiệp chuyên nghiệp.

Dù với mô hình nào cũng phải tuân thủ nguyên tắc “tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi” trong tổ chức, quản lý và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong quản lý, điều hành, phải phát huy vai trò của hộ xã viên, đồng thời làm tốt công tác quy hoạch, hướng dẫn sản xuất, hoạt động dịch vụ mà từng hộ xã viên không làm được hoặc làm không có hiệu quả.

- Tổ, nhóm hợp tác:

Là hình thức hợp tác, liên kết tự nguyện giữa các hộ trong làng nghề, thực hiện một số khâu của quá trình sản xuất kinh doanh mà không nhất thiết phải là một pháp nhân kinh tế. Chẳng hạn, liên kết trong khâu mua nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm, liên

kết thực hiện một khâu của quá trình trong sản xuất sản phẩm. Sự liên kết này vẫn bảo tồn được tính độc lập của các hộ gia đình trong sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho hộ gia đình trong việc ứng xử, giải quyết quan hệ với thị trường, bảo đảm hiệu quả của sản xuất. Ở các làng nghề truyền thống, với các quan hệ gia tộc đậm nét, hình thức hợp tác, liên kết này có điều kiện phát triển rộng rãi.

- Hộ gia đình:

Hiện nay, hộ gia đình là hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh phổ biến ở các làng nghề truyền thống, đặc biệt là các làng nghề sản xuất quy mô nhỏ. Quá trình sản xuất kinh doanh không yêu cầu cao về phân công và hợp tác lao động, nhu cầu và khả năng đổi mới công nghệ không lớn, kinh doanh chủ yếu theo phương thức tự sản, tự tiêu. Chẳng hạn, các làng nghề làm nón, nấu rượu, mây tre đan, vẽ tranh, chế biến thực phẩm (làm đậu phụ, làm tương...). Tùy theo trình độ phát triển của sản xuất nông nghiệp và của các ngành nghề, các làng nghề thường có 2 loại hình chủ yếu:

- + Hộ gia đình chuyên làm nghề thủ công.
- + Hộ gia đình nông nghiệp kiêm làm nghề thủ công.

Tuy có những ưu thế nhất định về tính tự chủ trong sản xuất kinh doanh, phát huy hiệu quả việc sử dụng lao động và thời gian lao động, nhưng hộ gia đình sẽ ngày càng bộc lộ sự yếu kém trong việc thích

ứng với yêu cầu về trình độ quản lý và sản xuất ngày càng cao trong nền kinh tế thị trường phát triển và hội nhập quốc tế.

- Các loại hình doanh nghiệp khác:

Bao gồm các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần; có trình độ tập trung hoá cao, có quan hệ rộng với thị trường và có khả năng đầu tư đổi mới công nghệ, kỹ thuật sản xuất. Các loại hình này sẽ là những nhân tố kích thích sự phát triển và đổi mới quá trình quản lý, sản xuất của các loại hình sản xuất khác trong các làng nghề truyền thống.

Tóm lại, các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh đa dạng nêu trên đan xen, cùng tồn tại và phát triển ngành nghề và làng nghề truyền thống, nếu được tổ chức, sắp xếp lại một cách hợp lý, sẽ tạo nên sự trợ giúp lẫn nhau trong quá trình phát triển.

Hiện nay, trong ngành nghề và các làng nghề thủ công truyền thống thì sản xuất quy mô hộ gia đình vẫn là phổ biến và chiếm tỷ trọng lớn. Nhưng thực tế cho thấy sản xuất của các hộ gia đình chỉ có thể phát triển mạnh khi có các HTX, các doanh nghiệp làm dịch vụ hỗ trợ đầu vào, đầu ra cho các hộ. Khảo sát ở các làng nghề cho thấy, mỗi HTX, mỗi doanh nghiệp... thường kéo theo hàng trăm, thậm chí hàng ngàn hộ làm vệ tinh, đặc biệt là các ngành nghề thủ công, mây tre đan, đồ gỗ mỹ nghệ,繡花, dệt lụa...

Như vậy, do tính chất sản xuất khác nhau của

mỗi ngành nghề thủ công và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất khác nhau mà có những hình thức tổ chức khác nhau.

Hình tổ chức sản xuất phổ biến trong ngành nghề và các làng nghề thủ công truyền thống hiện nay vẫn là hộ sản xuất gia đình “tự sản tự tiêu” hoặc làm vệ tinh cho HTX hay doanh nghiệp tư nhân.

Phát triển đa dạng các loại hình tổ chức sản xuất là biện pháp quan trọng để thúc đẩy ngành nghề thủ công truyền thống phát triển. Song hợp tác và phân công lao động lại là xu thế tất yếu của quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Do đó, việc tổ chức các loại hình kinh tế hợp tác và HTX là một trong những hình thức thích hợp cho sự phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống, đặc biệt trong các làng nghề thủ công truyền thống ở khu vực nông thôn.

Vì vậy trong thời gian tới, cần lựa chọn các mô hình tổ chức sản xuất thích hợp như sau:

- Phát triển mạnh các loại hình kinh tế hợp tác và HTX, chú trọng xây dựng các HTX kinh doanh tổng hợp gắn và ngành nghề và các làng nghề thủ công truyền thống ở khu vực nông thôn.

- Phát triển các cơ sở kinh tế hợp tác đơn giản như tổ, nhóm liên kết, nhóm liên gia, tiến tới hình thành các HTX. Tùy theo đặc điểm của từng ngành nghề, tổ chức thành các HTX sản xuất tập trung hoặc các HTX cổ phần, các xã viên là các hộ gia đình được HTX đảm bảo cho việc ổn định sản xuất.

- Xây dựng hệ thống HTX dịch vụ trong ngành nghề và các làng nghề thủ công truyền thống, góp phần thúc đẩy sản xuất, phát triển và bảo vệ các hộ, các cơ sở sản xuất nhỏ khỏi bị chèn ép của tư thương và các doanh nghiệp lớn.

Tóm lại: Mô hình tổ chức sản xuất thích hợp trong ngành nghề và các làng nghề thủ công truyền thống trong thời gian tới là mô hình HTX dịch vụ hỗ trợ, sản xuất chủ yếu là hộ gia đình xã viên.

IV. MỘT SỐ NÉT VỀ THỰC TRẠNG CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG VÀ BẢO TỒN BẢN SẮC DÂN TỘC TRONG NGÀNH NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ TRUYỀN THỐNG

- Nước ta nghèo, thu nhập quốc dân và đầu người thấp, Ngân sách Nhà nước dành cho KH CN khoảng 100 triệu USD (năm 2000), có nghĩa là bình quân chỉ có 1,3 USD/người/năm (trong khi ở một số nước khác có thể tới mức 300 - 500USD/người/năm), khu vực sản xuất ngành nghề truyền thống khó tiếp cận được với nguồn tài chính ít ỏi này và hầu như thiếu vắng lực lượng KH KT chuyên sâu và am hiểu về lĩnh vực sản xuất ngành nghề truyền thống.

- Trình độ CN và KT nói chung thấp kém (lạc hậu so với các nước phát triển tới 15 - 20 năm), trình độ CN và KT trong ngành nghề truyền thống lại càng thấp kém hơn, hầu hết CN và KT sản xuất hiện đang

sử dụng đã có sẵn từ xưa, ít có sự đầu tư nghiên cứu để cải tiến hoặc đưa những tiến bộ mới vào thay thế, tính bảo thủ nghề còn rất nặng nề, cơ khí mới sử dụng 37%, còn 63% là làm bằng tay. Trình độ văn hoá, chuyên môn KT của nguồn nhân lực trong ngành nghề truyền thống còn thấp kém, đặc biệt các làng nghề truyền thống ở khu vực nông thôn. Những năm gần đây, số trẻ em chưa đến tuổi vị thành niên bỏ học và tham gia lao động sản xuất để kiếm sống ngày càng có xu hướng gia tăng.

- Cải thiện môi trường làm việc cho người lao động và bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất trong ngành nghề truyền thống có rất nhiều vấn đề cần phải được quan tâm thích đáng. Pháp lệnh Bảo hộ lao động, Luật và các chính sách về bảo vệ môi trường đã ban hành từ nhiều năm nay, các cơ quan quản lý Nhà nước nếu thực hiện các điều luật một cách cứng rắn sẽ quyết định đến sự tồn tại hay không tồn tại của nhiều cơ sở sản xuất trong ngành nghề truyền thống hiện nay. Mặc dầu vậy, thực trạng cho thấy hầu hết các cơ sở sản xuất hộ gia đình không quan tâm đến vệ sinh môi trường, bảo hộ lao động cho người lao động. Đa phần các hộ gia đình sử dụng nhà ở làm nơi sản xuất và kho tàng, trong đó chỉ có 20,7% hộ sản xuất có nhà kiên cố, còn lại là nhà tạm và bán kiên cố, thiếu ánh sáng, thiếu diện tích...

- Truyền thống văn hoá dân tộc được thừa nhận là nhân tố quan trọng, là nền tảng đảm bảo cho sự tồn

tại và phát triển lâu dài của ngành nghề, truyền thống. Qua nghiên cứu một số ngành nghề sơn mài, gốm, chạm khắc, khảm cho thấy nhiều điểm hạn chế:

- + Hàng mẫu mới có ít và thường rơi vào tình trạng lai căng, lai tạp (hình dáng Đức, họa tiết Trung Quốc, Nhật, màu sắc Pháp...). Hình dáng, họa tiết bị trùng lặp và thiếu tính hiện đại.

- + Đội ngũ thể hiện các bản vẽ ít và thiếu kinh nghiệm, họa sĩ sáng tác mẫu mới không sản xuất được do không có cơ sở KH và KT.

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CỤ THỂ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ TRUYỀN THỐNG

Từ thực tiễn nêu trên, các cơ sở sản xuất ngành nghề truyền thống phải có những giải pháp thích hợp với điều kiện và theo cách của một nước nghèo - hiện đại hoá với chi phí thấp. Thông qua nhiều cuộc điều tra chuyên ngành, nghiên cứu, tổng kết và khảo sát thực tế ở một số địa phương làng nghề và nhiều cơ sở sản xuất của ngành nghề truyền thống cho thấy, trong điều kiện hiện nay, để ngành nghề truyền thống phát triển và dần từng bước đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH, các cơ sở sản xuất ngành nghề truyền thống nghiên cứu và tham khảo những giải pháp như sau:

- CNH, HĐH ngành nghề truyền thống là một quá

trình tự phát triển từ thấp đến cao, trong đó điểm xuất phát là xác định cho được sản phẩm mục tiêu có khả năng cạnh tranh về giá trị sử dụng, từ đó lựa chọn công nghệ, tổ chức quản lý và sản xuất để sản phẩm có khả năng cạnh tranh về giá và triển khai các hoạt động tiếp thị một cách phù hợp.

- Quá trình tồn tại và phát triển của ngành nghề truyền thống Việt Nam đã chỉ ra rằng khu vực sản xuất của các ngành nghề truyền thống chính là mảnh đất nuôi dưỡng, sáng tạo ra những giá trị vật chất, tinh thần truyền thống với những nét độc đáo, riêng biệt của dân tộc. Nhiều sản phẩm thủ công mỹ nghệ (TCMN) đã đem lại niềm tự hào cho dân tộc bởi nó phản ánh được nền văn minh và văn hoá của dân tộc Việt Nam đã có hàng ngàn năm văn hiến. Đặc tính truyền thống được thể hiện trên từng sản phẩm, chính là một trong những yếu tố có tính quyết định của sự tồn tại và phát triển của thị trường các sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm TCMN của Việt Nam. Tiến bộ KH CN là một trong những nhân tố tác động cho sự phát triển của ngành nghề truyền thống, song điều trước tiên và quan trọng là phải hướng tới để nghiên cứu tính truyền thống, kỹ thuật thể hiện những nét đẹp, những cái hay, quý giá của tính truyền thống trên sản phẩm trong quá trình sản xuất. Tính truyền thống không phải là tính bảo thủ, tính truyền thống luôn được nghiên cứu, cải tiến, hoà quện với những tiến bộ của nền văn hoá dân tộc, của thời đại làm cho truyền

thống có tính hiện đại. Điều đó sẽ loại trừ được sự chấp vá tùy tiện, sao chép máy móc và ảnh hưởng ngoại lai làm lu mờ tính truyền thống đích thực.

- Đa phần các cơ sở sản xuất ngành nghề truyền thống đều khó khăn về vốn đầu tư chiều sâu, do vậy cần có một kế hoạch hiện đại hoá sản xuất trong thời gian dài mà bước đầu nên lựa chọn khâu then chốt, quyết định giá trị sử dụng mới, hoặc giảm giá thành sản phẩm để hiện đại hoá mà không hiện đại hoá cả dây chuyền sản xuất ngay một lúc.

- Ngành nghề truyền thống của nước ta đa phần vẫn bảo lưu công nghệ sản xuất từ xa xưa, những công nghệ mang tính đặc thù riêng biệt để tạo ra những sản phẩm độc đáo thì cần bảo lưu, còn lại chúng ta không thể cạnh tranh với các mặt hàng nước ngoài dựa trên chủ yếu lợi thế công nghệ. Do vậy có thể phải coi trọng và quan tâm đến tâm lý người tiêu dùng, tức là:

+ Người mua sản phẩm quan tâm đến giá trị sử dụng, chất lượng sản phẩm, rất ít khi quan tâm đến công nghệ làm ra sản phẩm, do vậy sử dụng và phát triển công nghệ sản xuất phải xuất phát từ yêu cầu làm ra được sản phẩm mong muốn, đáp ứng yêu cầu của từng đối tượng người tiêu dùng.

+ Người mua sản phẩm quan tâm đến giá thành sản phẩm và luôn muốn mua rẻ. Do đó, việc lựa chọn công nghệ, vật tư, tổ chức quản lý sản xuất và lực lượng

lao động cần phải kết hợp sao cho giá thành sản phẩm thấp nhất mà vẫn thoả mãn yêu cầu về chất lượng sản phẩm đã lựa chọn và của người sử dụng sản phẩm.

+ Người mua thường có thói quen so sánh với các sản phẩm cùng loại từ các nhà sản xuất khác nhau. Do đó, việc đổi mới mẫu mã, tiếp thị và tổ chức tiêu thụ cần luôn được điều chỉnh kịp thời để đảm bảo ưu thế cạnh tranh, mặc dù công nghệ, kỹ thuật sản xuất chưa đổi mới kịp thời.

- Ngành nghề truyền thống phải chú trọng và thường xuyên đổi mới thiết kế, hiện đại hoá khâu thiết kế sản phẩm, gia tăng giá trị sử dụng sản phẩm dựa vào đổi mới thiết kế sản phẩm chứ không phụ thuộc vào công nghệ sản xuất sản phẩm. Để làm được điều này cần phải có những giải pháp cụ thể:

+ Tăng cường đội ngũ họa sĩ sáng tác mẫu, kĩ sư chuyên môn cho các cơ sở sản xuất và điều quan trọng hơn là phải tạo được sợi dây nối tiếp các thế hệ trong nghệ thuật truyền thống.

+ Tạo điều kiện cho các nhà báo, nhà phê bình, nhà lý luận văn học, nhà kinh tế học... nghiên cứu sâu sắc về ngành nghề và sản phẩm truyền thống, những kết quả nghiên cứu, phê bình sẽ là cơ sở đúng đắn cho việc thiết kế sản phẩm của ngành nghề truyền thống.

+ Khuyến khích phát triển các trung tâm dịch vụ tư vấn và hoàn thiện sản phẩm ngành nghề truyền thống tại các vùng nghề trọng điểm, có nhiều chuyên

gia giỏi và được trang bị các thiết bị thiết kế hiện đại, đáp ứng nhu cầu cho các cơ sở sản xuất.

- Phát triển nhanh công tác đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ sở sản xuất: tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp, nâng cao trình độ quản lý cho các nhà quản lý, bồi dưỡng các kiến thức mới về thẩm mỹ, sáng tác mẫu và kỹ năng nghề mới cho các nghệ nhân, thợ giỏi và giáo viên dạy nghề. Tăng tỷ lệ lao động có nghề nghiệp được đào tạo theo hệ chính quy, có chất lượng làm nòng cốt cho các cơ sở sản xuất và là lực lượng kế cận tiếp thu các bí quyết của nghề truyền thống.

- Phát triển thông tin trong nước giữa các nghệ nhân, họa sĩ, nhà lý luận, nhà sưu tập, giữa các làng nghề, vùng nghề, các thông tin về sáng kiến mới trong nước, những thành tựu về KH CN hiện đại của thế giới. Phát triển thông tin quốc tế về lý luận, về những thành tựu KH đã đạt được trong ngành nghề truyền thống, thị hiếu, thị trường...

- Về phía Nhà nước:

- + Có chính sách khuyến khích các nhà KH, cơ quan nghiên cứu triển khai định hướng nghiên cứu và phổ biến kết quả nghiên cứu về CN, KT sản xuất mới, quan tâm đến các công nghệ, kỹ thuật xử lý chất thải, bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn vệ sinh lao động trong một số ngành nghề truyền thống có nhiều tác động xấu đến môi trường, môi sinh.

- + Khuyến khích sự liên kết, hợp tác giữa các cơ sở sản xuất, các cơ sở sản xuất với các cơ quan, doanh

ngành Nhà nước với các tổ chức và doanh nghiệp nước ngoài trong việc nghiên cứu thị trường, tiếp thị, phối hợp giữa tiêu thụ nội địa và xuất khẩu để tạo ra sức mạnh cạnh tranh khi chúng ta có lợi thế về nguồn nguyên liệu, lực lượng lao động, tay nghề và tổ chức quản lý, sản xuất một cách hợp lý, khoa học.

Với sự sáng tạo của các nhà KH, cán bộ quản lý và người lao động, cùng với sự quan tâm, hỗ trợ có hiệu quả của Nhà nước, chắc chắn ngành nghề truyền thống của chúng ta sẽ tìm được những giải pháp hữu hiệu để hiện đại hoá sản xuất và cạnh tranh thắng lợi, mặc dù là một nước nghèo và trình độ KH CN sản xuất còn ở mức thấp và lạc hậu.

VI. MỘT SỐ HƯỚNG DẪN THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP VÀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

1. CÁC DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP.

Bao gồm Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty hợp doanh và Doanh nghiệp tư nhân, việc thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh được tiến hành theo trình tự sau:

- Người thành lập doanh nghiệp phải lập và nộp đủ hồ sơ đăng ký kinh doanh theo qui định của Luật này tại cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và phải chịu trách

nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh không có quyền yêu cầu người thành lập doanh nghiệp nộp thêm các giấy tờ, hồ sơ khác ngoài hồ sơ quy định tại Luật này đối với từng loại hình doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm giải quyết việc đăng ký kinh doanh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi bổ sung.

Thủ tục thành lập doanh nghiệp yêu cầu hồ sơ đăng ký kinh doanh như sau:

1. Đơn đăng ký kinh doanh.

2. Điều lệ đối với công ty.

3. Danh sách thành viên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn, danh sách thành viên hợp danh đối với Công ty hợp danh, danh sách cổ đông sáng lập đối với Công ty tổ phần.

4. Đối với doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề đòi hỏi phải có vốn pháp định thì phải có thêm xác nhận về vốn của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

+ Đơn đăng ký kinh doanh bao gồm các nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp.

2. Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.
3. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh.
4. Vốn điều lệ đối với công ty, vốn đầu tư ban đầu của chủ doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp tư nhân.
5. Phần vốn góp của mỗi thành viên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn và Công ty hợp doanh, số cổ phần mà cổ đông sáng lập đăng ký mua, loại cổ phần, mệnh giá cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại đối với Công ty cổ phần.
6. Họ tên, chữ ký, địa chỉ thường trú của chủ doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp tư nhân, của người đại diện theo pháp luật đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn và Công ty cổ phần, của tất cả các thành viên hợp danh đối với Công ty hợp danh.

Ngoài ra các doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục thành lập doanh nghiệp đều phải thông qua điều lệ công ty và một số quy định khác đã được quy định trong Luật Doanh nghiệp.

2. CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT HỢP TÁC XÃ.

Thủ tục thành lập và đăng ký kinh doanh đối với các hợp tác xã được tiến hành như sau:

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh gồm:

1. Đơn đăng ký kinh doanh kèm theo biên bản đã thông qua tại đại hội thành lập Hợp tác xã.

2. Điều lệ hợp tác xã.

3. Danh sách ban quản trị gồm chủ nhiệm và thành viên khác, ban kiểm soát.

4. Danh sách, địa chỉ, nghề nghiệp của xã viên.

5. Phương án sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

6. Giấy phép hành nghề đối với một số ngành nghề mà pháp luật quy định phải có.

Chủ nhiệm hợp tác xã phải gửi hồ sơ đăng ký kinh doanh đến Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi dự định đặt trụ sở chính của hợp tác xã, trừ trường hợp quy định tại Điều 18 (qui định về đăng ký kinh doanh trong các ngành, nghề theo quy định riêng của Chính phủ) của Luật này.

- Điều lệ Hợp tác xã trong hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với hợp tác xã là rất quan trọng. Điều lệ hợp tác xã đã được quy định các nội dung như sau:

1. Tên hợp tác xã, biểu tượng của hợp tác xã.

2. Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã.

3. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

4. Các quy định về xã viên.

5. Vốn điều lệ của hợp tác xã.

6. Mức vốn góp tối thiểu, hình thức đóng góp, thời hạn góp và trả vốn của xã viên, phương thức huy động vốn, trả công, chia lãi, xử lý các khoản lỗ.

7. Trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ của hợp tác xã .

8. Cơ cấu tổ chức quản lý hợp tác xã, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý trong hợp tác xã.

9. Thể thức tiến hành đại hội và thông qua quyết định của đại hội xã viên.

Khi sửa đổi điều lệ hợp tác xã phải gửi điều lệ sửa đổi có kèm theo biên bản của đại hội xã viên đến Ủy ban nhân dân đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã. Điều lệ sửa đổi chỉ có giá trị pháp lý khi được cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh xác nhận và phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ mẫu và các quy định khác của pháp luật.

Ngoài ra để thành lập hợp tác xã cần phải thông qua một số các quy định khác đã được ghi trong Luật Hợp tác xã.

3. THÀNH LẬP VÀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH CÁ THỂ.

Hộ kinh doanh cá thể được coi là doanh nghiệp có quy mô rất nhỏ với vốn đăng ký của chủ sở hữu doanh nghiệp thấp hơn mức vốn tối thiểu của các doanh nghiệp tư nhân. Để tiến hành kinh doanh dưới hình thức hộ kinh doanh cá thể, người muốn thành lập hộ kinh doanh cá thể phải làm các thủ tục xin cấp giấy

phép kinh doanh theo quy định của Nghị định 66/HĐBT. So với quá trình thành lập doanh nghiệp tư nhân và công ty, việc thành lập đơn vị kinh doanh theo Nghị định 66 có đơn giản hơn, chỉ trình ở cấp huyện và thủ tục đơn giản hơn.

- Cấp giấy phép kinh doanh cho cá nhân và nhóm kinh doanh.

Người muốn kinh doanh gửi một bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi thường trú và thực hiện kinh doanh. Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn xin đăng ký kinh doanh.
2. Sơ yếu lý lịch có dán hai ảnh 4 x 6 có chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường nơi thường trú.
3. Bảng kê lao động.
4. Bảng kê vốn và danh sách thiết bị máy móc nếu là nhóm kinh doanh phải kèm theo thoả thuận của nhóm về tổ chức quản lý kinh doanh.
5. Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã về địa điểm kinh doanh.

Các hồ sơ nói trên được lập theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành. Nơi nhận hồ sơ là Ủy ban nhân dân huyện.

Sau đó, văn phòng Ủy ban nhân dân quận, huyện gửi đến các phòng chức năng để xem xét và trình chủ tịch quyết định cấp giấy phép. Cụ thể là phòng kinh tế quận, huyện xem xét đơn xin phép kinh doanh thương mại và các dịch vụ khác.

Theo quy định của Nghị định 66, thời gian cần thiết cho việc cấp giấy phép là 15 ngày. Tuy vậy, trên thực tế nhiều nơi chỉ cần 7 ngày và thông thường thời gian cần thiết cho cấp phép không quá 15 ngày.

Nhìn chung, nếu hồ sơ nói trên được kê khai đầy đủ và hợp lệ, thì đương sự được cấp giấy phép kinh doanh. Riêng về địa điểm kinh doanh, đặc biệt là kinh doanh sản xuất, các phòng chức năng của quận huyện thường cử cán bộ về tận nơi để kiểm tra và xác minh tính chính xác và trung thực của giấy chứng nhận.



SÔI ĐỘNG LÀNG NGHỀ TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

Dạo qua một số làng nghề hiện nay, chúng ta dễ dàng thấy những vấn đề khó khăn phổ biến đang đặt ra đối với hệ thống làng nghề truyền thống nói chung ở nước ta. Có thể ở một vài nơi bà con đang “ăn nên làm ra” đã làm giàu được, đã trở nên nổi tiếng khắp trong và ngoài nước nhờ các sản phẩm độc đáo của mình; nhưng với một cái nhìn tổng thể, có thể thấy, các nỗ lực trở hướng đi lên ấy còn có chung một điểm yếu là tự phát và manh mún. Đôi khi, việc khai thác nghề cha ông để lại chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt, kiểu “ăn sỏi”, không có tính bền vững và chưa thực sự vì quyền lợi lâu dài của cả vùng miền, của một làng nghề truyền thống. Ví dụ như tình trạng mất an toàn lao

động, gây chết người; tình trạng ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng ảnh hưởng đến sức khỏe con người cũng như sự an toàn vệ sinh của sản phẩm làm ra; việc một số cá nhân, một số gia đình làm bữa làm ẩu, nhằm hạ giá thành sản phẩm, cạnh tranh không lành mạnh khiến cho khách hàng không còn tin tưởng vào tên tuổi của làng nghề truyền thống đó nữa...

Nguyên nhân của tình trạng kể trên có thể là do nhận thức của bà con chưa đầy đủ về cái gì đã làm nên giá trị của nghề tổ cũng như về tính bền vững của tên tuổi một làng nghề có từ xa xưa. Lại cũng có thể là do bàn tay quản lý của các cấp liên quan chưa thật sự chặt chẽ khiến cho một số cá nhân có thể làm ăn tự phát, manh mún. Nhưng trên hết, vẫn là những khó khăn mà cả hai phía đang gặp phải chưa có lời giải đáp hiệu quả. Trong khi đó, ở một số làng nghề ruộng đất ít, dân đông, đời sống khó khăn khiến cho bà con phải bằng mọi giá kiếm sống bằng... nghề truyền thống. Sự vội vàng và thiếu định hướng này đã làm hỏng các sản phẩm nghề truyền thống.

Cũng không thể phủ nhận thực tế là, trong quá trình tìm tòi này, chúng ta đã có được những bài học kinh nghiệm bổ ích, thiết thực. Tức là nhiều khi, con đường cho các làng nghề truyền thống có thể phát triển được đã xuất hiện bằng chính sự điều chỉnh của thị trường, của quy luật cung cầu. Đây không phải là một hướng đi cần thiết và ít nhất là cho đến bây giờ có thể thấy việc ỷ vào lối ra này là không tưởng và hoàn toàn bị động.

I. LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM - TÌM HƯỚNG ĐỂ PHÁT TRIỂN

1. HƯỚNG RA THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU.

Một trong những mục tiêu mà làng nghề truyền thống Việt Nam đang hướng tới là thị trường nước ngoài. Thực chất, sản phẩm của các làng nghề truyền thống Việt Nam với kết tinh bản sắc văn hoá truyền thống độc đáo và bàn tay sáng tạo thủ công tài hoa của con người Việt Nam lâu nay đã luôn coi việc thu ngoại tệ bằng con đường xuất khẩu là một hướng đi chính. Người nước ngoài mua sản phẩm nghề truyền thống Việt Nam, là họ muốn có được cả những giá trị của văn hoá Việt Nam, làng nghề độc đáo ở Việt Nam. Đã có những năm tháng, hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu nước ta chiếm tới 33% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước (cá biệt như năm 1979, con số này còn lên tới 53%). Về sau này, nhiều mặt hàng xuất khẩu mới có chất lượng lớn, giá trị cao xuất hiện nên tỷ trọng ngạch hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu có giảm xuống, nhưng sự đi lên của hệ thống làng nghề truyền thống Việt Nam là điều ai ai cũng dễ dàng nhìn thấy. Cụ thể, nhất là việc giá trị kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng này vẫn tăng lên nhanh chóng. Năm 1999, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đạt 250 triệu USD, tương đương việc xuất khẩu 1 triệu tấn gạo. Mục tiêu của chúng ta là đến

năm 2005 kim ngạch mặt hàng này lên tới 800 triệu USD và đến 2001 đạt 1,5 tỷ USD. Đây là một mục tiêu mà chúng ta có được nhờ sự kỳ vọng vào sức bật, thế mạnh của các làng nghề truyền thống Việt Nam. Để đạt được mục tiêu này, trước hết chúng ta phải có nhận thức đúng đắn về sản xuất và kinh doanh mặt hàng thủ công truyền thống. Mặc dù phải bỏ ra số vốn không lớn, lại thu hút được nhiều lao động nhàn rỗi, có được một thu nhập hơn hẳn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp; nhưng những khó khăn của lĩnh vực này cũng không phải là ít, trước hết và ít nhất là trong tình hình hiện nay. Nguyên nhân là phần lớn các doanh nghiệp trong lĩnh vực này là doanh nghiệp vừa và nhỏ, thậm chí chỉ là các gia đình đơn lẻ sản xuất theo đơn đặt hàng của một vài tổ hợp sản xuất manh mún. Vì thế rất khó có một hướng đi khoa học, bắt kịp được với thị hiếu của thị trường rộng lớn .

Cái khó nữa là các đơn vị sản xuất này rất khó tiếp cận với nguồn vốn tín dụng, nhất là các nguồn vốn ưu đãi, kể cả vốn đầu tư cho sản xuất và mua nguyên liệu. Thêm nữa là việc sản xuất các mặt hàng truyền thống, hàng thủ công mỹ nghệ phần lớn được thực hiện tại các làng nghề cổ, điều kiện cơ sở hạ tầng thấp kém, khi mở rộng sản xuất lập tức gặp nhiều khó khăn về diện tích cơ sở sản xuất cũng như về môi trường. Và, việc mở rộng thị trường nhạy bén với thị hiếu khách hàng, đặc biệt là khách hàng tiềm năng ở thị trường ngoài nước càng là vấn đề khó khăn. Sự định hướng và hỗ trợ

của trung ương, địa phương cũng như các cấp, các ngành liên quan là điều hết sức cần thiết. Nhà nước cần hỗ trợ các làng nghề trong việc cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm; đẩy mạnh xúc tiến thương mại đưa hàng thủ công truyền thống này ra thị trường rộng lớn của thế giới; xây dựng, sửa đổi, bổ sung nhiều vấn đề về cơ chế chính sách... Điều đó thì ai cũng biết, nhưng đáng tiếc là cho đến nay chúng ta vẫn chưa có các biện pháp tác động hiệu quả đến hành vi của người dân làng nghề truyền thống.

Cũng cần nhấn mạnh thêm đóng góp ngày càng lớn của hệ thống làng nghề vào đời sống người dân trong điều kiện làng nghề được chấn hưng như hiện nay. Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thì bình quân một cơ sở ngành nghề ở các làng nghề truyền thống tạo việc làm ổn định cho 25 lao động, một hộ ngành nghề tạo việc làm ổn định cho 4 - 6 lao động. Thu nhập bình quân của một lao động trong cơ sở ngành nghề là 430.000 đồng/tháng, gấp 4 lần so với sản xuất nông nghiệp thuần túy. Thực tế cho thấy, địa phương nào các ngành nghề truyền thống phát triển tốt thì bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn, các cơ sở dịch vụ nhộn nhịp, đời sống khá giả hơn, cung cách làm ăn năng động hơn. Các cụ bảo “Ruộng bẽ bẽ không bằng có nghề trong tay” hơn bao giờ hết, điều đó rất đúng trong hoàn cảnh hiện nay.

Đơn cử như ở Đồng Ky, Tiên Sơn, Bắc Kinh, với tay nghề sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ nổi tiếng, bà con ở

đây đã sớm tiếp cận với thị trường trong nước và quốc tế, đưa đời sống ở đây trở nên giàu có. Theo thống kê từ năm 1997, riêng ở làng này có tới gần 20 doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, các đơn vị kinh doanh và sản xuất ở đây đã đạt doanh thu lên tới 29 tỷ đồng. Tuy nhiên, cái khó ở họ đang gặp phải là sự thiếu vốn. Trong khi đó, nguồn vốn vay của ngân hàng rất hạn chế, đã ít lại ngắn hạn, nếu cứ trông chờ nguồn vốn có thời hạn 6 tháng phải hoàn trả ấy thì quả thực bà con không thể làm được việc gì trong cái chu trình đầu tư - sản xuất - tiêu thụ của cơ chế thị trường bây giờ. Khó khăn nữa là vấn đề đầu ra cho sản phẩm. Tìm đầu ra đã khó, đằng này, nhiều doanh nghiệp còn cho rằng, thủ tục xuất khẩu đã phiền hà đến công việc làm ăn của họ. Làng sản xuất sản phẩm đồng mỹ nghệ thì bị hải quan cửa khẩu giữ lại vì họ chưa có công cụ hữu hiệu để phân biệt đâu là đồ cổ, đâu là hàng đúc đồng giả cổ. Bởi thế, những người mê đồng Ngũ Xã cũng không dám mua đem ra nước ngoài làm quà. Ngay cả người nước ngoài, những người dám chơi đồ đồng Ngũ Xã chỉ là cán bộ Đại sứ quán hay những người thực hiện công vụ đang sinh sống tại Việt Nam mua trưng bày ở nơi ở hay nơi làm việc trên lãnh thổ Việt Nam là chủ yếu. Điều này đã ít nhiều tạo ra cái “lặng ngắt hơi đồng” ở một số làng đồng mà Ngũ Xã (Hà Nội) là một ví dụ tiêu biểu. Công việc hướng ra thị trường nước ngoài rộng lớn và ưa thích của các nghệ nhân đã bị hạn chế rất nhiều vì một chút.

Một ví dụ nữa là chuyện xuất hàng, mua nguyên liệu gỗ ở một số làng gỗ như Đồng Ky. Khi bà con mua một lô gỗ nhỏ, chúng nằm trong một lô nguyên liệu hợp pháp lớn đã bị xẻ lẻ ra để tiêu thụ. Đó là điều hợp lý và mang tính tất yếu của thị trường cũng như đặc trưng sản xuất nhỏ ở các làng nghề. Nhưng điều vô lý là ngay sau đó, những người kiểm tra hàng lại yêu cầu các thợ thủ công ở làng phải chứng minh được nguồn gốc hợp pháp của lô gỗ xẻ nhỏ đó. Các nghệ nhân kiến nghị: nên chăng chỉ quản lý các khâu khai thác gỗ và quá trình vận chuyển nguyên liệu gỗ ngoài của rừng; còn khi số gỗ đó đã đến tay người sản xuất thành gỗ thành phẩm rồi thì đương nhiên coi việc đó là hợp pháp? Hoặc phải có một cách nào đó để những người mua gỗ hợp pháp được chứng minh tính hợp pháp của mình, như thế mới có ý nghĩa khuyến khích sản xuất và mở rộng sản xuất ở các làng nghề truyền thống!? Đó là kiến nghị của một số nghệ nhân và người kinh doanh tại các làng nghề sử dụng gỗ nguyên liệu. Hiện nay, chúng ta đang tính đến hướng giải quyết là nhà nước có kế hoạch sản xuất các loại gỗ tổng hợp để thay thế gỗ tự nhiên. Đồng thời, mọi loại gỗ tự nhiên trước khi được xuất ra khỏi bất cứ cửa rừng nào trên thế giới đều được dán mác để chứng minh tính hợp pháp (về pháp luật và môi trường) của nó; bất cứ cá nhân doanh nghiệp nào sử dụng loại gỗ có chứng chỉ rừng ấy đều là hành động bảo vệ sự phát triển bền vững của môi trường! Các làng nghề mộc

dân dụng và đồ gỗ mỹ nghệ sẽ phát triển theo xu thế này là điều tất yếu.

Trở lại với con đường để các sản phẩm làng nghề truyền thống Việt Nam ra với nước ngoài. Bên cạnh những vấn đề đã đặt ra ở trên, theo như ông Nguyễn Ngọc Trọng, một trong 2 nghệ nhân Việt Nam đi dự “Triển lãm nghề thủ công quốc tế” ở Thái Lan về cho nhận xét: “Theo tôi hàng thủ công truyền thống Việt Nam cần phải được nâng cao chất lượng hơn nữa, những gì thuộc về nghệ thuật trang trí thì cần có tính nghệ thuật cao hơn nữa, những sản phẩm dùng cho đời sống thì luôn phải cải tiến kỹ thuật, mẫu mã kiểu dáng và tính thực tế của chúng. Tôi thấy ở một số nước, từ chiếc cặp tóc nhỏ xíu đến những sản phẩm đồ sộ đáng giá tiền tỷ họ cũng đều thống nhất một giá chung. Còn ở Việt Nam giá cả rất chênh lệch, rất khó cho người mua lựa chọn thật - giả, tốt - xấu, đắt - rẻ!”. Đó là những nhận xét nhỏ nhưng khá chính xác về một số vấn đề “không nhỏ” đang đặt ra với thị trường hàng truyền thống Việt Nam.

2. NÂNG CAO GIÁ TRỊ THẨM MỸ, NGHỆ THUẬT HOA CÁC SẢN PHẨM CỦA NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG.

Đó là một hướng đi phổ biến của các làng nghề cũng như của các doanh nghiệp về nghề truyền thống hiện nay. Hơn ai hết, những người đi theo hướng này họ hiểu rằng, sản xuất thủ công không có nghĩa là chất lượng không tốt; họ chiếm lĩnh thị trường với niềm tin

rằng, khách hàng muốn mua hàng là muốn mua một sản phẩm chứa cả bản sắc văn hoá của một quốc gia. Đơn cử như những mặt hàng đang được khách nước ngoài ưa chuộng hiện nay có mặt ở các phố Hàng Bông, Hàng Mã - Hà Nội, hay các công ty sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ độc đáo. Các mặt hàng được làm bằng chất liệu thiên nhiên truyền thống thường xuyên thay đổi mẫu mã đều rất độc đáo mà ở các nước phát triển hầu như ít tồn tại. Các sản phẩm được thiết kế thời trang hơn, dí dỏm hơn, có cá tính hơn. Như một chiếc đĩa Spagetti với khuôn mặt gây cười, một chiếc thìa ăn kem hình đôi mắt, một chiếc bàn chải hình đôi chân, những mặt nạ gỗ muôn hình vạn trạng, mỗi cái có một bản quyền riêng, một thiết kế mẫu riêng, mà khách hàng hãy tin rằng, người thợ thủ công sản xuất ra mặt hàng đó là để bán cho chỉ một mình vị khách đó, họ mua rồi nghệ nhân lại kỳ công thiết kế và sản xuất một mẫu mới nhằm bán cả sản phẩm kết tinh giá trị truyền thống và ý tưởng sáng tạo lạ đó cho người khác. Vì thế, điều này rất hấp dẫn khách du lịch, đặc biệt là du khách nước ngoài. Từ đây, có cả một công nghệ phát hiện thị hiếu khách hàng để sản xuất các sản phẩm ăn khách mà các làng nghề truyền thống với sức ì và cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn của mình rất khó có thể đạt được ngay. Một minh chứng nữa cho hướng đi này là sự nghiệp ban đầu của họa sĩ Đinh Lực, với nghệ thuật tranh khắc gỗ, với những tìm tòi sáng tạo từ truyền thống khắc gỗ dân gian Việt Nam. Các bức tranh khắc gỗ nổi tiếng của anh như: *Hà Nội*

của tôi, Cô gái bán trâu cau, Đánh cờ, Ngựa giấy dân gian... đã góp phần quan trọng tôn vinh giá trị của cả một nhóm nghề truyền thống Việt Nam. Gallery của anh nằm giữa làng Tứ Liên bên bờ sông Hồng của Thủ đô, tại đây trưng bày những sở trường của Đinh Lực về tranh khắc gỗ màu và đen trắng bằng các chất liệu gỗ, cao su, thạch cao. Trong hơn 10 năm qua, anh là một trong số không nhiều những họa sĩ giành được nhiều giải thưởng lớn của quốc gia và quốc tế. Các giải thưởng anh giành được tại Nga, Ba Lan, Cộng hòa Séc và Slovakia, Nhật Bản, Việt Nam... đã thực sự tạo một ấn tượng mạnh về một sự thăng hoa từ chất liệu truyền thống Việt Nam. Tranh của họa sỹ Đinh Lực là sự kế thừa và lấy cảm hứng từ truyền thống độc đáo của các dòng tranh in khắc Đông Hồ và Kim Hoàng..., từ nghệ thuật dân gian Việt Nam như những chạm khắc, bản rập từ đình làng, chùa cổ, tượng phật, những trò chơi dân gian, hội làng, rước mùa mang bản sắc tư tưởng và triết lý Đông Phương...

Cũng nhằm nâng cao giá trị thẩm mỹ, khắc phục hạn chế của các sản phẩm thủ công truyền thống, Công ty TNHH Hoa Lư đã nối duyên cho các làng nghề, tức là đứng ra chiêu mộ các nghệ nhân tài hoa để thực hiện những ý tưởng sáng tạo của mình, tạo ra các sản phẩm nghệ thuật, mở một hướng đi mới. Đó là chuyện về anh Dương Chí Kiên, dấu chân anh đã đặt ở hầu khắp các làng nghề truyền thống trên đất nước này, để có những thành công bước đầu...

Sinh năm 1963, ở cái nôi của làng nghề - đất nghề - huyện Yên Dũng, tỉnh Hà Bắc (cũ). Anh khởi nghiệp bằng những đề tài nghiên cứu về Văn hoá - bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống Việt Nam. Bảy giờ nhiều người cười ruồi bảo anh này hoang tưởng, chính các nghệ nhân, các ông bà chủ nhiệm hợp tác xã làng nghề đã cả đời sống chết với nghề tổ, họ còn chịu bó tay nữa là một anh thư sinh vừa chân ướt chân ráo ở xứ người “hồi hương” trở về. Nhưng, anh Kiên tin rằng, mình đang ấp ủ những ý tưởng, có thể góp phần chắp cánh cho hệ thống làng nghề của Việt Nam đi lên. Ban đầu, sau bao nhiêu chật vật, đứa con tinh thần của anh ra đời là một cửa hàng rộng 25m², được thành lập năm 1996. Qua nhiều cuộc bứt phá, hiện nay doanh nghiệp của anh đã là công ty TNHH Hoa Lư ở 17 - 19 Đặng Dung, Hà Nội, ít nhiều cũng có thể nói là một sự thành công lớn. Công ty Hoa Lư hiện có hơn 20 nhân viên, anh là Giám đốc, với cả một hệ thống nghệ nhân đông đảo ở khắp Việt Nam, họ được tập hợp trong 18 nhóm làng nghề. Việt Nam có hàng nghìn làng nghề, song cơ bản được kết tinh trong 18 nhóm làng nghề như: đồ bạc, mây tre, thêu ren, đồ đồng, sơn mài, tơ tằm, gốm sứ, gỗ, khảm trai... mà công ty Hoa Lư đang có hiện nay. Công việc của anh là tập hợp nghệ nhân có tài, tâm huyết ở các nhóm làng nghề trong những ý tưởng sáng tạo của mình để có được những sản phẩm có nghệ thuật, phù hợp thị hiếu thị trường. Tức là với từng nhóm nghề, anh đã

mời được các nghệ nhân đầu ngành cộng tác với mình, khi có sản phẩm anh đem đến tận nhà mời họ làm những phần mà anh tự biết là họ có thể làm tốt nhất. Anh trả lương họ theo sản phẩm khi cần, còn ngày thường họ vẫn ở làng và sống bằng nghề truyền thống của mình. Ví dụ khi cần làm một chiếc lư đồng theo ý tưởng thiết kế của một khách hàng, Hoa Lư có quan hệ chặt với cả hệ thống các làng đúc đồng truyền thống danh tiếng từ Đại Bái, Ngũ Xã, đến các làng đồng ở Ninh Bình, Hà Nam, Huế... Chính anh Kiên và các cộng sự của mình đã nghiên cứu nắm rõ thế mạnh của từng nghệ nhân để biết rõ ràng đúc đồng thế này thì nhờ ai, công đoạn trạm trổ, đánh bóng này thì cần yêu cầu người nào là “đầu bảng”... Thông qua quá trình lựa chọn đó, họ sẽ có một sản phẩm như ý với nhiều chất liệu, nhiều bàn tay nghệ nhân thật sự tinh túy cho riêng khách hàng của mình. Theo anh Kiên, cái khó là mình phải bằng tài, bằng đức, bằng thiện chí và tâm huyết của mình để chiêu mộ được các nghệ nhân. Không thể nói bằng một giọng thị trường, không phải cứ tung tiền ra là mua được các bí quyết, là tập hợp được các nghệ nhân. Chỉ có tấm lòng, sự hiểu biết, cảm thông và tôn vinh các giá trị của bà con thì các nghệ nhân sẽ chẳng tiếc sức mình cho một sản phẩm nào hết.

Càng đi mải miết trong hệ thống các làng nghề Việt Nam, anh càng nhận ra, ở một góc độ nào đó, vẫn còn không ít những khiếm khuyết trong sự phát triển

của các làng nghề truyền thống Việt Nam. Ví như vấn đề thiết kế mẫu cho sản phẩm của một số làng nghề đôi khi chưa thể là hoàn hảo. Đơn cử như việc các pho tượng thường có tỷ lệ kích thước không cân đối: như đầu tượng rất to, tay chân rất bé. Cần phải khắc phục điều này bằng một mẫu vẽ của chính mình đặt vào tay các nghệ nhân, rồi chọn kỹ từng nghệ nhân chuyên sâu: ai đục thô, ai tạc mặt tượng, ai đục bộ tượng và hoa lá xung quanh... nhằm có một sản phẩm hoàn hảo nhất, theo ý của mình!

Thực ra, lĩnh vực này không phải chỉ có một mình công ty Hoa Lư thực hiện. Đã có nhiều làng nghề mà nghệ nhân nhận làm “độc quyền” cho các đơn đặt hàng tâm huyết và... cao giá. Ví dụ như ở làng gốm Bát Tràng; một số làng đồng nổi tiếng đã có những nghệ nhân được người nước ngoài “bao tiêu”, nghệ nhân được trả lương cao để chỉ làm sản phẩm riêng cho họ. Sản phẩm nghệ nhân ấy làm ra, dùng được thì họ lấy, nếu trục trặc họ sẵn sàng huỷ bỏ nhằm giữ bản quyền cho người đặt hàng. Nhiều nghệ nhân chấp nhận sự độc quyền ấy đơn giản là muốn nâng cao tay nghề, muốn được làm những sản phẩm tinh xảo để tôn vinh các giá trị của tổ phụ để lại - chứ chưa hẳn chỉ vì đồng tiền công trả cao của những người đặt hàng. Thực tế giữa rất nhiều những khó khăn mà các làng nghề đang gặp phải hiện nay, đó là một giải pháp nâng cao thu nhập và... giúp bà con giữ nghề tốt nhất. Bởi, như anh Kiên phân tích, với 60.000 đồng

một chiếc bình gốm to bằng cả người ôm thì thử hỏi làm sao người làng nghề có thể chăm chút, giữ chất lượng cho sản phẩm được?

Tuy nhiên, có người hỏi: Liệu có thực hiện những thiết kế mẫu lưu niệm, mẫu trang trí như thế, công ty Hoa Lư có gì khác lắm so với các cửa hàng “Súvonia” không? Anh Kiên bảo: Thực tế của hàng mỹ ký chỉ là một nơi bán hàng ký gửi, những thứ làm quà được rập khuôn đại trà đơn giản, rẻ tiền. Còn công việc của Hoa Lư hiện nay, mỗi sản phẩm có một bản thiết kế riêng, có bản quyền hẳn hoi được thực hiện trực tiếp bằng bàn tay của chính các nghệ nhân nổi tiếng. Thậm chí khách hàng có thể tự vẽ mẫu thiết kế và yêu cầu thực hiện, để có được những sản phẩm từ chính ý tưởng của mình! Đây là một xu thế phát huy thế mạnh làng nghề, mà cả thế giới người ta cũng đang thực hiện. Thời gian tới, công ty Hoa Lư còn có ý định mở rộng hoạt động bằng cách thu hút lực lượng lao động trẻ ở các làng nghề; đưa cả các nghệ nhân nổi tiếng đến công xưởng của công ty nhằm trình diễn cho khách hàng xem các công đoạn của nghề truyền thống. Cùng với việc đó, là chủ trương tăng cường đội ngũ hướng dẫn viên giới thiệu sản phẩm và văn hóa làng nghề để khi có trong tay sản phẩm, cũng tức khách hàng có được cả nhiều yếu tố của một nền văn hóa làng nghề Việt Nam. Tức là không còn đơn giản là việc người ta mua một sản phẩm làng nghề nữa, vấn đề đáng nói hơn là những giá trị văn hoá kết tinh trong đó!

Thực tế thời gian qua, bằng những thành công của mình, anh Kiên và công ty Hoa Lư đã cho chúng tôi niềm tin vào khát vọng ấy. Trong đợt kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội cách đây chưa lâu, khi ban tổ chức mở cuộc thi thiết kế mẫu quà tặng cho khách trong nước và quốc tế, sản phẩm của công ty Hoa Lư đã vinh dự được bầu chọn. Nhiều mẫu quà tặng của Nhà nước ta, của Hà Nội nhân các dịp đón khách quốc tế, các hội nghị - hội thảo lớn... cũng là do Hoa Lư thiết kế. Vừa qua, Hoa Lư lại vinh dự được chọn đi dự *Triển lãm Hợp tác đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương* tổ chức tại Yên Đài, Sơn Đông, Trung Quốc, và đã được đánh giá cao với nhiều sản phẩm độc đáo xuất sắc! Hay trong đợt triển lãm *Hội chợ ngành nghề thủ công và đặc trưng văn hoá nông thôn* do Bộ NN&PTNT tổ chức mới đây, Hoa Lư cũng được đánh giá cao với nhiều sản phẩm khá hoàn hảo như mẫu thiết kế trống đồng khổng lồ có đường kính 81cm - một hình mẫu trống đồng có thể nói là lớn nhất ở Việt Nam hiện nay.

3. DU LỊCH VÀ TRÌNH DIỄN NGHỀ TRUYỀN THỐNG MỘT HƯỚNG ĐI MỚI.

Một hướng đi khác cho các làng nghề Việt Nam hiện nay là mở rộng hình thức du lịch văn hoá, du khảo văn hoá thu hút du khách về các làng nghề. Đây là một lĩnh vực nhiều hấp dẫn đối với du khách, cũng như đối với các nhà quản lý và tổ chức du lịch.

Tiềm năng du lịch ở các làng nghề hiện nay là rất lớn, mỗi làng nghề gắn với một vùng văn hoá, hệ thống di tích và truyền thuyết riêng, và cung cách sáng tạo sản phẩm riêng của mình. Có thể nói không quá rằng, du khảo qua các làng nghề truyền thống, bạn có thể thấy rõ bản sắc cũng như đặc trưng bộ mặt nông thôn (và một phần thành thị) Việt Nam! Trong xu thế hội nhập và mỗi quốc gia phát huy nội lực từ chính bản sắc văn hoá của mình hiện nay, hình thức phát triển du khảo văn hoá qua các làng nghề hiện nay mang trong mình đầy tiềm năng để phát triển. Nhất là ở nước ta có một hệ thống làng nghề, phố nghề nổi tiếng. Theo thống kê tương đối, cả nước hiện có 1450 làng nghề truyền thống các loại, thu hút hơn 450 nghìn hộ gia đình tham gia với 1,2 triệu lao động (chưa kể số lao động bán chuyên). Trong các làng nghề, tập trung ở vùng đồng bằng sông Hồng chiếm khoảng 1/3, tỉnh Hà Tây là nơi được xem như lắm làng nghề nhất.

Nhu cầu thực tế hiện nay là người ta muốn đến tận làng nghề nhìn cảnh cây đa - bến nước - sân đình, thăm các di tích của một làng truyền thống Việt Nam, tận tay thấp nén tâm nhang tìm hiểu về các vị tổ nghề (một THIÊN THẦN - thờ các vật, các hiện tượng của thiên nhiên như thần mưa, thần gió, sấm, sét hay núi non, sông hồ... - hay một NHÂN THẦN - một vị anh hùng, một nghệ nhân có tiếng...) đã có công khai sinh ra một thứ nghề vừa là văn hoá, vừa là lối kiếm kế

sinh nhai cho muôn đời con cháu. Làng nghề truyền thống Việt Nam chứa đựng tiềm năng dồi dào về du lịch, còn là bởi du khách muốn tận nơi xem các công đoạn kỳ khu của người nghệ nhân làm ra sản phẩm, muốn tận tay mình tham gia vào quá trình làm ra sản phẩm ấy, thậm chí đó là một sản phẩm theo ý tưởng, theo mẫu thiết kế riêng của du khách, có chữ ký của họ ở đó. Tìm hiểu về văn hóa và truyền thống làng nghề là điều mà nhiều người cả trong và ngoài nước rất quan tâm.

Đi dọc Việt Nam, chúng ta có thể thấy nhiều vùng quê mà mật độ làng nghề truyền thống dày đặc rải khắp từ Bắc vào Nam, những cái nôi của làng nghề như Hà Nội, Hà Tây, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Thái Bình, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Đồng Nai, Bến Tre...

Ví dụ như với làng Bát Tràng hiện nay, du khách có thể đi đường dọc bờ bãi sông Hồng trong một *tour* du lịch đường sông đang ăn khách (từ Hà Nội, Hà Tây về Hưng Yên, Hải Dương...) hoặc chỉ đi đường bộ trong mấy chục phút là đặt chân tới Bát Tràng. Tại đây, chúng ta có thể xem những nhà trưng bày gốm, gốm nghệ thuật và cả gốm gia dụng với rất nhiều mẫu mã, đồng thời được xem hình ảnh một Bát Tràng cổ qua các di chỉ khảo cổ mà các nhà khoa học vừa khai quật, một Bát Tràng trung tâm đô hội lớn với số tiền đầu tư hơn 6 tỷ đồng mà Trung ương và Nhà nước đã lập dự án đầu tư. Đặc biệt, các bạn có thể vào từng lò

gốm, cả lò gốm cổ với những nếp nhà cổ nắng chiếu rọi xiêu xiêu từng ô khoảnh (như một khu phố cổ Hà Nội hay Hội An); lại đồng thời có những lò gốm nung bằng ga với công nghệ hiện đại. Các bạn có thể tận tay cho đất lên bàn xoay, cầm bút viết một đôi câu thơ, ký tên mình vào sản phẩm đó, rồi chờ ở lò nung đợi gốm ra lò và... bỏ vào túi. Hình thức du lịch này thực sự đã thu hút được nhiều du khách góp phần tôn vinh và quảng bá văn hoá làng nghề; đồng thời bán sản phẩm với nhiều khoản thu dịch vụ du lịch khác. Điều này sẽ đặc biệt được phát huy khi mà vừa qua UBND TP Hà Nội đã có quyết định đầu tư hơn 6 tỷ đồng để thực hiện dự án tôn tạo và nâng cấp làng nghề gốm sứ Bát Tràng thành điểm Du lịch làng nghề. Theo đó, đến năm 2003, toàn bộ hệ thống giao thông trong làng nghề sẽ được nâng cấp cùng với việc xây dựng cảnh sống cho tàu du lịch, đồng thời tôn tạo các di tích lịch sử của làng, chỉnh trang quy hoạch kiến trúc, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Ngoài nguồn vốn ngân sách, dự kiến thành phố sẽ huy động bổ sung vốn từ bà con dân làng. Bà con Bát Tràng hưởng ứng dự án còn là vì quyền lợi của chính từng gia đình mình trong nay mai. Làng nghề này còn thêm một lần được cất cánh từ ngành công nghiệp không khói đó.

Không chỉ với Bát Tràng, ngay trong khu vực Hà Nội, có thể chỉ là tự phát, là nhu cầu du khảo văn hoá của du khách, đã hình thành những tuyến du lịch kiểu như thế từ lâu nay. Bên cạnh một hệ thống dày

đặc các làng nghề trong khu vực nội thành, phố cổ (mà ai cũng đã biết), chúng ta còn cả một loạt các vành đai làng nghề xung quanh cũng đã rất quen thuộc và danh tiếng trong cả nước, đó là các làng hoa Ngọc Hà, Quảng Bá, Nghi Tàm; làng chuyên trồng đào Nhật Tân, làng bao đời ươm quýt Tứ Liên, cốm làng Vòng, đậu phụ Hoàng Mai; còn Xuân La, Xuân Đình thì chuyên làm bánh kẹo, trồng cây giống; làng kim hoàn Định Công; quê hương nhiều đời làm nón, làm dệt may, phát trần là làng Triều Khúc; bắt rắn và bán đặc sản thịt rượu rắn là làng rắn Lệ Mật.

Dọc chút nữa về cửa ngõ phía Tây của thủ đô, chúng ta gặp một hệ thống các làng trong nhóm làng nghề dệt thêu. Đó là Lụa Vạn Phúc, từ một làng nhỏ có cái nghề danh tiếng, đến nay cả một làng quê cách mạng Hà Tây này đã được người đời quen gọi thân thương là xứ Lụa, đất Lụa, người quê Lụa. Người Vạn Phúc vinh dự còn giữ được những kỷ vật liên quan đến những ngày Bác Hồ sống ở đây và viết lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến tháng 12 năm 1946. Vẫn những căn nhà cổ, đường làng lát gạch Bát Tràng xếp nghiêng, cây đa, bến nước, ao làng... vào Vạn Phúc bây giờ chúng ta được sống lại với cái thơ mộng, cái huyền thoại của những người ngâm kén quay tơ, với bà tổ là nàng công chúa truyền nghề dệt lụa cho dân làng từ mấy trăm năm trước. Tơ lụa óng ánh trên đường làng, cả những khung cửi cổ như một bảo tàng về truyền thống làng Lụa, cả những cỗ máy dệt chạy

âm âm đáng tiền triệu, tiền tỷ hiện đại thời cơ chế thị trường để làm cho kịp hàng cho khách đặt mối. Các cửa hàng găm vốc mọc lên khắp đường làng. Bây giờ thời buổi giao lưu hội nhập, thời buổi của ngành công nghiệp không khói (du lịch), cho nên vào Vạn Phúc thăm làng nghề người quê lụa sẵn sàng đem các bí quyết bao đời nay - vẫn chém dao lên cột nhà thề đến chết không truyền cho người ngoài - để mở lòng đón du khách. Đến Vạn Phúc, bạn còn được thăm một loạt Shop thời trang tơ lụa đa sắc, nguyên bản và “người thật việc thật” bán ngay tại khung dệt của các nghệ nhân nổi tiếng (các hàng lụa nơi khác bây giờ hay làm nhái lụa Vạn Phúc hoặc bán giá cao, lập lờ lừa khách muốn tìm mua “áo lụa Hà Đông”). Sự trở lại với mặt hàng tơ lụa, cũng như sự ưa chuộng lụa Vạn Phúc của thị trường nước ngoài đã đem lại sự khởi sắc cho làng nghề Vạn Phúc. Ông Thành là người chăm chút giữ được nguyên vẹn những kỹ nghệ ươm tơ nhuộm màu đúng ánh không đâu có được của đất nghề này, đã từng phải ôm nghề quý trong tay, sống những ngày đói khổ. Bây giờ, nghề lụa còn đang lo nơm nớp trước nguy cơ thất truyền, ông Thành phải dùng bàn tay pha chế màu nhiệm của mình đi chế tạo mực viết cho học trò để giữ nghề. Mực của ông màu đẹp, màu bền nổi tiếng trong giới học trò. Đợi khi làng lụa lên ngôi, ông đã đứng dậy chiếm lĩnh thị trường nhuộm tơ pha màu cho lụa. Cái quyến rũ đầu tiên của một vuông lụa, chính là màu sắc. Với lụa Vạn Phúc màu bao giờ

cũng danh, sắc bền và thật là tự nhiên, đó là những thứ màu được chiết xuất từ cây cỏ thiên nhiên bằng một bàn tay như có ma thuật. Ông Thành đã thành công với các lô hàng xuất ra nước ngoài các đơn đặt hàng từ Úc, Mỹ, Ai Cập... Có người còn vượt nửa vòng trái đất đem cậu con trai duy nhất của mình sang làng Vạn Phúc gửi ở nhà ông Thành mong được học nghề của ông Thành.

Rời làng lụa Vạn Phúc chúng ta có thể đến các làng dệt Hoà Xá, Tân Lập, La Khê. Cách đó không xa là làng thêu Quất Động, làng may Trạch Xá... Tất cả đã không hổ danh nghề tổ, tất cả “con đường tơ lụa” này nhất định sẽ đem đến cho du khách những ngày được sống trong những mạch nguồn văn hiến của xứ lụa Hà Đông!

Một trong những điều cuốn hút du khách nhất khi đến với các làng nghề là việc tham quan, nghiên cứu và tham gia vào các công đoạn của việc làm ra sản phẩm truyền thống của làng nghề đó. Một dẫn chứng cho điều này là sự thành công của Chương trình truyền thống dân gian của chúng ta do Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam phối hợp với nhiều đơn vị, tổ chức có liên quan thực hiện. Nhiều người yêu mến gọi họ là những người đã nỗ lực đem các giá trị di sản về thủ đô trình diễn cho khách trong và ngoài nước tìm hiểu và tham quan. Lâu nay đã thành lệ, đến hẹn lại lên vào một ngày nghỉ trong tháng, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam với một khuôn viên rộng và các điểm trình diễn

tuyệt vời của mình đã thực sự xứng đáng là một Mạnh Thường Quân cho các hoạt động kể trên. Mở đầu bằng một liên hoan rồi Quốc tế, rồi đến các chương trình trình diễn và phổ biến nghệ thuật thư hoạ, viết câu đối tết, kỹ thuật dập bia đá, làm giấy dó, làm thổ cẩm H'Mông với các nghệ nhân được mời về từ Hà Giang, Lai Châu...; rồi đến cuộc trình diễn các công đoạn nặn con giống bằng đất sét và giấy nện, quá trình từ cây cỏ tự nhiên làm giấy dó, in tranh Đông Hồ; đến những ngày Văn hoá của đồng bào Êđê tại Hà Nội... Các chương trình đó đều nhận được sự cổ vũ nồng nhiệt của dư luận. Với tư cách là một cuộc trình diễn văn hoá, nghệ truyền thống, quả là những nỗ lực của Ban tổ chức công việc này có thể nói là rất lớn. Họ đã mời những ông trùm đích thực từ các phường rối từ khắp nơi, kể cả ở vùng sâu vùng xa về biểu diễn ở Hà Nội. Họ đã khiêng cả một nếp nhà dài gần 50m nguyên bản của Đắc Lắc, với hơn 20 nghệ nhân Tây Nguyên mang nhiều nghi lễ truyền thống, công việc truyền thống, nghề dệt thổ cẩm truyền thống với cả hệ thống khung dệt cổ về trước mắt công chúng thủ đô. Những đêm dài nghe kể Khan bên bếp lửa trong nhà Dài, trong tiếng trầm hùng của giàn công chiêng, và những mâm thịt sống đỏ au, người kể là một già làng chưa biết nói tiếng Kinh vừa từ bản về, ai hỏi tên chỉ biết chìa Chứng minh thư ra ngơ ngác. Những đêm như thế ai cũng ước trong đời được lên Tây Nguyên, được sống một lần; nhưng, chúng ta đã được gặp

suốt... 2 ngày ở Hà Nội hồi cuối năm 2000. Theo ông Nguyễn Văn Huyền, Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam: “Thách thức lớn nhất đối với chúng tôi là làm sao tìm và mời được những nghệ nhân gốc, làm thế nào để chương trình không bị biến thành một sân khấu giả đơn mô phỏng các thao tác. Phải tạo ra sự hoà đồng giữa người thực hiện, và công chúng, phải cho họ thấy yêu quý các giá trị văn hoá, làng nghề truyền thống của chúng ta để rồi chính họ là người đứng ra bảo vệ các giá trị đó. Có thể nói, chương trình truyền thống dân gian của chúng ta thực chất là việc bảo tồn văn hoá, làng nghề truyền thống thông qua con đường du lịch và trình diễn làng nghề”.

II. NHỮNG NGƯỜI THẮP LỬA TRONG CÁC LÀNG NGHỀ

1. LÀNG TƯỢNG DƯ DỤ - THỔI HỒN MÌNH VÀO... GỖ

Dù khó khăn, về các làng nghề hiện nay, chúng ta dễ dàng gặp nhiều doanh nghiệp tư nhân phát huy thế mạnh tiến ra thị trường ngoài nước. Làng Dư Dụ, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây hiện nay có tới 70% bà con làm nghề tạc tượng, thu hút tới 1.500 lao động trong và ngoài làng, nhiều hộ vừa sản xuất nông nghiệp vừa tạc tượng kiếm thêm, nhưng cũng có nhiều hộ chỉ sống rồi làm giàu chính bằng nghề tạc tượng đã có những ngày tưởng như thất truyền của cha ông mình. Chị Lê Thị Duyên hiện nay là một

trong những chủ hộ sản xuất lớn nhất trong làng tượng Dư Dụ. Nhiều người đã sớm nắm bắt được thực tế đầu là nghề truyền thống quý giá do tổ phụ để lại nhưng điểm yếu của làng nghề là sản xuất ra đồ thủ công có mẫu mã chưa phong phú, trang trí hoa tiết không... hợp thời, không bắt mắt với thị hiếu của thị trường hiện nay. Chị Duyên cùng một số người dân Dư Dụ đã mạnh dạn đi đầu trong việc cải tiến này. Qua tham khảo các địa phương, sách báo và tự tìm tòi trong nghề, nay họ đã làm rất thành công các mẫu tượng như Di Lặc đứng, Di Lặc ngồi, tượng các nhân vật trong Tam Quốc, Thủy Hử, Bao Thanh Thiên... Riêng cơ sở sản xuất của chị Duyên hiện đã có tới 60 hợp đồng lao động, thu nhập bình quân của người lao động đến 700.000 đồng/tháng. Hơn chục hộ kinh doanh trong làng đã liên kết gom hàng đồ cho các mối ở tận Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan.

2. NGHỆ NHÂN TRẦN BÁ DINH: HAI BÀN TAY VÀNG - MỘT BẦU NHIỆT HUYẾT

Năm nay đã ngoại lục tuần, mắt hơi mờ, chân hơi chậm đi tí chút, nhưng nghệ nhân Trần Bá Dinh vẫn đầy nhiệt huyết, không hổ danh là người duy nhất đã hai lần đạt Huy chương bàn tay vàng của xứ sở khảm trai huyền thoại Chuyên Mỹ. Hiện ở làng khảm nổi tiếng đất Chuôn Ngọ, xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, Hà Tây có tới 10 nghệ nhân vinh dự được Nhà nước tặng Huy chương bàn tay vàng. Nhưng, ông

Dinh vẫn chiếm giải quán quân là người duy nhất hai lần được đón nhận sự tôn vinh này. Từ nhỏ sống trong cái nôi nghề khảm trai xứ Đoài, cậu bé Dinh đã được bố mình là cụ Trần Bá Truyền - một nghệ nhân tài hoa nức tiếng trong cả vùng truyền dạy cho những ngón nghề tinh xảo của nghiệp bóc trai, tách gỗ khảm hồn mình vào cái truyền thống vàng son từng đón hàm cửu phẩm, từng là Bắc đẩu bội tinh của trời Nam này. Có những ngón nghề chỉ cha mới dạy con, Dinh đều được ông cụ thân sinh truyền cho cả, cụ dặn rằng, cái thiên nghiệp của nghề khảm mà ông gìn giữ bấy lâu nay đã lại mắc cả vào người con Nguyễn Bá Dinh này rồi. Cậu bé Dinh bấy giờ lại thêm bản tính thông minh, khéo tay nhanh mắt, nên cha nói gì cậu đều lĩnh hội được cả. Năm 1949, khi mới 10 tuổi đầu, Dinh đã trở thành một thợ lành nghề có tiếng. Khảm trai là một công việc khó, cần nhiều hoa tay và sự tinh xảo thiên phú. Những thể loại khó như khảm chân dung, khảm truyền thần xưa nay luôn là một thách thức đối với các bàn tay vàng làng khảm, khâu nào cũng khó, và chỉ một sơ xuất nhỏ trong toàn bộ quá trình thực hiện công phu cũng có thể làm bao công người nghệ nhân đổ xuống sông xuống biển. Ông Dinh nghiệm ra rằng, người thợ cả đeo bánh xe không chóng thì chầy, nếu đã thực sự có TÂM với nghề thì không có khâu nào là dễ, cũng chẳng có khâu nào là khó với một nghệ nhân thú thiệt cả. Nên mới có những người học đến mờ mắt, còng lưng, vẫn chưa được ông Tổ cho biết hết

cái vi - diệu của nghề. Sự công phu hầu như đòi hỏi ở tất cả các công đoạn. Từ chọn mảnh trai, ốc cho thật phẳng phiu rồi hoạ hình lên gỗ; sau đó của trai ốc thành những miếng nhỏ, đóng lên gỗ rồi mới tới khảm, tĩa, tách để nét nào ra nét đó. Các công đoạn của nghề khảm kể ra chỉ có vậy, nhưng không phải cứ biết lý thuyết như thế là có thể làm được. Nếu tay nghề yếu nét vẽ sẽ gãy, run tay hoặc to thô nhám đi là coi như “hết khách”, hết duyên với nghề.

Vì có được những chiêm nghiệm đó, vì sự kỳ khu của nghề khảm trong tay ông Dinh; theo nhiều chuyên gia, và theo sự bầu chọn của các nghệ nhân trong giới, Bàn tay vàng Trần Bá Dinh là một trong 5 nghệ nhân hàng đầu của Việt Nam trong kỹ nghệ khảm xà cừ vừa nhanh vừa khéo, những nét khảm đạt đến độ có hồn, cổ cây trong bức khảm như phát phơ được trong ngọn gió thổi tới từ phía người chiêm ngưỡng. Từ năm 1961-1962, nghệ nhân Trần Bá Dinh đã thực hiện được hai bức khảm trai nổi tiếng thể hiện chân dung Hồ Chủ tịch. Hiện nay hai bức khảm trai khổ rộng, khảm trên nền gỗ quý ấy đang được đặt ở hai nơi trang trọng: một ở Phủ Chủ tịch, một ở Tỉnh uỷ Hà Tây. Bác Hồ lúc sinh thời rất thích hai bức khảm trai chân dung Người kể trên. Từ sự “tín nhiệm” đó, được biết, sau này Bác đã “đặt hàng” ông Dinh làm bức khảm trai chân dung Chủ tịch Mao Trạch Đông, để Người đem tặng đồng chí nhân chuyến sang thăm và làm việc tại Trung Quốc. Tiếp

đó, ông Dinh cũng chính là người thực hiện bức khảm trai chân dung Chủ tịch Phiden để Bác Hồ tặng cho người anh hùng lỗi lạc ấy nhân một chuyến sang thăm Cu Ba. Ông Dinh cảm động kể về sự kiện những ngày ông thực hiện bức khảm chân dung đồng chí Phiden vì công việc gấp gáp, dồn tâm huyết vào suy nghĩ, lại thêm việc thức khuya dậy sớm, làm ngày làm đêm, nên cuối cùng đang dang dở thì ông bị ốm. Lần đó, ông đã vinh dự được Bác hỏi thăm và tặng quà động viên nghệ nhân “bồi dưỡng cho khoẻ để hoàn thành công việc”. Sau này, ông Dinh còn dành tâm huyết thực hiện các bức khảm chân dung Bác Tôn Đức Thắng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đồng chí Phạm Văn Đồng...

Ngày nay đời sống của bà con khảm khá lên, thị trường khảm trai Chuôn Ngọ có tiếng ở nhiều quốc gia, đơn đặt hàng đến với ông ngày càng nhiều. Nhưng điều ông Dinh trăn trở là làm sao giữ được cái tuyệt diệu của nghề tổ, không thể vì những đơn đặt hàng tiền triệu ngày càng nhiều ấy mà có thể biến những bức khảm thành một món hàng thương mại thuần túy. Mỗi bức khảm trai phải khảm được cái hồn người nghệ sĩ vào đó, khảm được lòng say mê và sự kỳ diệu của nghề tổ vào đó. Năm, bảy triệu đồng một bức thật, nhưng đó là bức khảm phải công lưng mờ mắt làm trong hai đến ba tháng trời. Vào thăm nhà ông Dinh, chúng ta như lạc vào một thế giới lung linh, sống động của những bức “tùng cúc trúc mai”, “ngư

tiêu canh mực”, “Kiều đi thanh minh”, “Kim Kiều sơ ngộ”, “Kiều gặp Từ Hải”... Đó thực sự là một triển lãm nghệ thuật, là minh chứng thuyết phục cho một bàn tay vàng, một bàn tay chưa bao giờ bị thô vụng đi trước sức hút của tiền tài và danh vọng. Có một niềm đam mê tôn vinh các giá trị độc nhất vô nhị của nghề tổ được thắp lửa trong nghề nhân Trần Bá Dinh. Sử sách ghi rằng, nghề khảm trai Chuyên Mỹ đã có được hơn 900 năm nay, 900 năm để cho những ngày cắt cánh bây giờ.

3. NHỮNG PHÙ THỦY LẮNG TIẾNG CỦA NGÀN XUA

Đó là chuyện về nghề đúc đồng ở xã Điện Phương, Điện Bàn, Quảng Nam. Sử sách kể rằng, ông tổ nghề đúc đồng nơi đây là một vị quốc sư sống vào thời Lý Nhân Tông, chính là vị Không Lộ Thiền sư. Hiện nay dấu tích quá khứ còn đọng ngay trên ngôi nhà thờ tổ, nơi còn bảo tồn một đại hồng chung 49kg, có tuổi thọ hàng trăm năm, được nhìn nhận là bảo vật của phường nghề. Bên cạnh bàn thờ tổ Không Lộ, còn có bàn thờ các vị tiên hiền của 9 tộc phái nghề đúc. Trên địa bàn làng đúc hiện nay có 60 hộ hoạt động dịch vụ. Phía sau 24 gian hàng bày bán sản phẩm là cơ sở hành nghề của 50 gia đình trực tiếp đúc đồng. Trong lịch sử phát triển làng nghề đã từng qua thời hoàng kim vào những thập niên 60 của thế kỷ trước, lúc đó sản phẩm đồng Phước Kiều được nhìn nhận như một

thương hiệu mang tính chất bảo chứng về chất lượng, hàng vào Nam ra Bắc, sang các nước. Hoạt động phường đúc tấp nập, mấy chục lò lúc nào cũng đỏ lửa. Ông Dương Ngọc Sang, 64 tuổi là người duy nhất được nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân làng đúc. Sinh ra trong một tộc phái phường đúc, ông Sang theo học nghề truyền thống từ tuổi 16. Gần nửa thế kỷ sống với công việc làm khuôn, xây lò đúc lu đồng, chuông, nổi... Ngoài việc thuần thực như hàng trăm người thợ khác, ông Sang còn có bàn tay vàng tài hoa đặc biệt, chuyên việc lấy tiếng cho các loại nhạc cụ bằng đồng. Nghề nghiệp đã dắt ông đi khắp nơi để ban phát khả năng tạo âm cho những công chiêng, chuông, thanh la... Từ Hiên, Giàng, Trà My (Quảng Nam) đến A Sao, A Lưới, Lao Bảo và có khi ông được mời vào tận Bình Dương, lên Pleiku, Đắc Lắc, để lấy tiếng cho những sản phẩm nhạc cụ các dân tộc miền núi. Ngay trong kho nhà, ông đem ra một cặp thanh la và trình bày một vài phép lạ. Chỉ cần vỗ nhẹ vào sản phẩm đã thay đổi cấu trúc trên bề mặt thì tiếng kêu của thanh la đã khác hẳn, âm vọng kéo dài, nhỏ dần... Nhưng trước khi tắt hẳn, tiếng ngân bỗng òa ra, tự thoát lên thêm một cung bậc. Một cặp thanh la để đối xứng, ông đánh vào cái bên trái, nhưng tiếng ngân lại vang lên từ chiếc thanh la còn lại. Những trò ảo thuật này trông thật đơn giản, nhưng trong hàng trăm tay thợ đúc mới có một vài người biết lấy tiếng,

tạo âm một cách thần kỳ như thế. Ngoài chuyện pha chế các chất liệu hợp kim giữa các loại đồng, thau, vàng được xem là bí mật nhà nghề, một người thợ phải mất hàng chục năm học hỏi mới thông thạo. Hơn nữa, bản thân họ còn phải có thiên khiếu trong việc tạo vẻ đẹp thẩm mỹ cho các khuôn mẫu.

Trong những năm gần đây, cùng với việc hồi sinh các lễ hội truyền thống mang bản sắc văn hóa dân tộc, nhu cầu trang bị và phục hồi các loại nhạc cụ truyền thống của bà con đã tạo cơ hội quan trọng cho sự phục hồi của làng đúc. Tuy nhiên, gần ấy cũng vẫn là chưa đủ để làng đúc Phước Kiều có thể vực dậy được. Hiện nay, ngay cả các nghệ nhân lành nghề ở làng cũng khó lòng có được một nguồn thu từng tiếm để nổi lửa giữ nghề của Không Lộ quốc sư. Bởi hoạt động của hầu hết các lò đúc đều phụ thuộc vào các hợp đồng bao tiêu sản phẩm. Điều đáng phẩn khởi là sự quan tâm của chính quyền cũng như của các cấp, các ngành về một sự hồi sinh trở lại của nghề đúc Phước Kiều, điều này được thể hiện bằng một cuộc hội thảo mới được triển khai tìm hướng vực làng đúc này trở dậy. Hy vọng, mong muốn của những người từng miệt mài giữ ngọn lửa kỳ diệu trong các bếp lò ở Phước Kiều sẽ sớm thành hiện thực. Chừng nào một làng nghề may mắn còn lại được những người yêu, say và rèn mình đến độ tinh thông với nghề như nghệ nhân Dương Ngọc Sang thì chúng ta còn hy vọng vào sự phát triển của làng nghề này trong tương lai.

4. CÓ MỘT HUYỆN CHỌN ĐIỂM ĐỘT PHÁ LÀ ĐÀO TẠO NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Chuyện xảy ra ở huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây, theo báo Hà Tây thống kê trước khi kiên quyết tập trung đào tạo nghề cho giới trẻ huyện nhà, toàn huyện có 85% lao động nông thôn; vậy mà hằng năm huyện chỉ đào tạo cho độ hơn 200 em được học nghề. Đây là một điều vô lý mà ai cũng dễ dàng nhận ra, nhất là trong hoàn cảnh các em học xong cấp 3, thi nhau thi vào đại học, cao đẳng, chẳng cần xét đến học lực và năng khiếu của mình. Sự sai lầm này đôi khi không chỉ là bị kịch cho từng cá nhân mà hậu quả của nó cả gia đình và xã hội cũng phải gánh chịu. Thêm nữa là hệ thống làng nghề truyền thống của huyện đã nổi danh trong toàn vùng, nhân lực trẻ khỏe, năng động dành cho làng nghề lại quá yếu, quá thiếu. Hai mâu thuẫn này đã được giải quyết trong một chiến lược đào tạo nghề cho giới trẻ của huyện. Điều này lại vấp phải cái khó nữa là hệ thống đào tạo nghề của cấp huyện (không chỉ với huyện Ứng Hoà) xưa nay hoạt động mang nặng tính hình thức và hiệu quả chưa cao. Năm 2000, huyện có 65 lao động đăng ký đi học làm mi tóc nhân tạo, nhưng chỉ có 20 người đi. Hơn 60 lao động được đưa đi học nghề sành sứ cao cấp thì các bạn bỏ dở chừng mất non nửa. Trước hoàn cảnh đó huyện đã quyết định cho ra đời trung tâm hướng nghiệp kỹ thuật tổng hợp dạy nghề với mục đích thay đổi tâm lý của người lao động, giúp lao động được học nghề. Một

trong những hoạt động mang nhiều ý nghĩa của trung tâm là việc phối hợp với Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh mở các lớp dạy nghề mộc, may, khảm trai... cho hàng vạn thanh niên. Hiện nay, với chức năng cơ bản là cơ quan tham mưu cho chính quyền huyện thực hiện chương trình giải quyết việc làm và xoá đói giảm nghèo, Phòng LĐTBXH hiện đang cùng các xã lập kế hoạch đào tạo nghề cho lao động trẻ ở một loạt các làng nghề truyền thống như: mở rộng nghề may công nghiệp ở Hoà Xá, phát triển nghề may truyền thống ở Hoà Lâm và một số xã khác...

5. HỘI TỤ TINH HOA TỪ CÁC LÀNG NGHỀ VÀO MỘT THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT MỚI

Một trong những cơ sở, những bộ sưu tập tài hoa từ các làng nghề truyền thống để có một bước thăng hoa mới chính là nhà trưng bày và bán sản phẩm Nghệ Xương ở thành phố Hồ Chí Minh. Như chúng ta đã biết, việc thành lập các cơ sở trưng bày sản xuất đồ mỹ nghệ tinh xảo cao cấp với đội ngũ nghệ nhân tài hoa được chiêu mộ từ khắp các vùng miền của cả nước về trong một diễn đàn, dưới một bàn tay đạo diễn đầy cá tính như thế là không còn xa lạ với nhiều người. Chúng ta ghi nhận đó là một hướng đi mới cho các làng nghề trong thời buổi kinh tế thị trường với tốc độ giao lưu hội nhập như vũ bão hiện nay. Ông Châu Văn Xương cũng nằm trong số những ý tưởng thức thời đó. Có điều ông thức thời, đam mê, táo bạo và

thành công, nổi tiếng hơn. Vốn là người Việt gốc Hoa, năm 1978 phải chạy loạn từ Campuchia sang, từ khi cơ chế thoáng hơn, năm 1990, ông mạnh dạn vay vốn mở một xí nghiệp tư doanh thuộc vào dạng sớm nhất của huyện Bình Chánh. Với một mặt bằng rộng và hơn 500 sản phẩm độc đáo được trưng bày, cơ sở của ông đã thu hút đông đảo khách mua và tham quan như là một bảo tàng về giá trị của nghề truyền thống Việt Nam. Các sản phẩm kỳ công mang đậm chất mộc mạc của ruộng đồng và sự giao lưu ảnh hưởng sâu sắc lẫn nhau của hai nền văn hoá Việt và Hoa. Chúng ta gặp ở đây những bức tranh tượng nổi tiếng như *Trâu cày ruộng*, *Ông Địa*, *Tôn Ngộ Không*, *Cung Hằng*... phỏng theo các giá trị của văn học cổ Trung Quốc. Thâm trầm, sâu sắc, lại man mác thấm đẫm suy tư triết lý về văn hóa Phương Đông là những điều mà chúng ta dễ dàng gặp ở các bức bình phong tuyệt vời mang những cái tên hào hoa: “Kiết Tường như ý”, “Khổng tước thượng bình”... Tất cả bật lên là cái tài hoa, biến hoá của các bàn tay vàng được mời gọi về từ khắp các vùng miền trong cả nước. Nghe nói để hoàn thành được những bức chạm khắc kỳ công này, các thợ giỏi đã phải thực hiện trong hàng năm trời với từng công đoạn khắt khe, riêng thời gian xử lý gỗ phải mất từ 3 - 6 tháng. Trước đó, các nghệ nhân đã được tuyển chọn kỹ từ những cái nôi làng nghề danh tiếng. Nguyên liệu gỗ quý, trước khi đem ra thực hiện các bức tranh đã được xử lý bằng nhiều phương pháp cổ truyền như ngâm nước, sấy tẩm, phơi nắng, phơi gió,

ngâm bùn... Các loại gỗ để thực hiện các tác phẩm quý giá này thường là các báu vật của rừng, tối thiểu cũng phải là các loại trám anh một chút như: trắc gụ, cẩm lai, pơ mu, giáng hương, mun sọc... Cũng vì sự chăm chút quý phái này mà mỗi năm Nghệ Xương chỉ cung cấp cho thị trường được vài trăm sản phẩm. Có điều là những sản phẩm đệ nhất của các làng nghề, chủ yếu chúng được xuất ra thị trường Trung Quốc, Đài Loan, Singapo, Indonesia... và một số nước khác thông qua xuất khẩu trực tiếp. Trong số nhiều khách trong và ngoài nước đến với cơ sở Nghệ Xương, đặc biệt có ông Lý Thụy Hoàn - Chủ tịch Chính trị Hiệp thương Trung Quốc đã đề tặng cơ sở Nghệ Xương những dòng lưu niệm như sau: “Với sản phẩm Nghệ Xương, nghệ thuật cổ truyền của hai nước, hai nền văn hóa Việt Nam và Trung Quốc đã được phát huy, góp phần làm cho dân giàu, nước mạnh”. Đó cũng là món quà quý mà xã hội và những người mê tranh khắc phù điêu nghệ thuật đã dành cho một nghệ nhân tài hoa đã biết tận dụng các giá trị của nhiều thế hệ nghệ nhân vào một thế giới nghệ thuật đa sắc mới.

6. NGHỆ ĐÚC LƯ HƯƠNG Ở TÂN HOÀ ĐÔNG

Đã trở nên quen thuộc khi nhắc về nghề đúc đồng thủ công truyền thống của Việt Nam ta. Khắp từ Nam chí Bắc, các làng nghề trải rộng với những sản phẩm đồ thờ và đồ gia dụng của mình. Tuy nhiên, một làng đúc ở TP Hồ Chí Minh chỉ đúc mỗi một sản phẩm

thiên mà tinh diệu như chiếc lư hương ở làng đúc Tân Hoà Đông thì đúng là chỉ có một. Theo sử sách để lại, thì nghề đúc lư ở đây xuất hiện vào khoảng thế kỷ XVIII, bấy giờ, một khu dân cư ở Tân Hoà Đông mới hình thành. Họ sống bằng nhiều nghề, trong đó độc đáo hơn cả là nghề đúc đồng của người Việt. Các gia đình nổi bề thế thấp lủi gìn giữ nghề này qua nhiều bước thăng trầm cho đến tận bây giờ. Quả thật, nhu cầu về lư hương của xã hội không phải lúc nào cũng sôi động như ở các làng đúc khác, vì thế cuộc sống của bà con nhiều khi chật vật và bấp bênh. Những người trụ lại ngoài chuyện miếng cơm manh áo, đúng là họ cần phải có một cái đức say nghề. Ngay từ thế kỷ XIX, nghề đúc ở đây đã rất phát triển, sản phẩm của làng có tiếng trong vùng Gia Định, Đồng Nai, toả ra khắp vùng Đông Nam Bộ. Theo đường thủy, lư hương Tân Hoà Đông được chuyển từ Sài Gòn tới bán tại các chợ miền Tây, Sa Đéc, Mỹ Tho, ra tận Phú Quốc; ở phía Bắc, theo xe ngựa lư hương được vận chuyển ra bán ở Phan Thiết, Phan Rang.

Người sau này chỉ cần nhìn vào chiếc lư tre như một vật thờ tổ ở làng là đã đủ thấy hết cái tinh diệu của nghề đúc xứ này, đây đúng là một đỉnh cao nghệ thuật. Trên lư, cây tre được biến hóa thành toàn bộ các họa tiết hình hài trang trí từ thân, nắp, đế chân đến quai của lư... Tre được đúc lõng trên nắp, trên đế lư. Tre được đúc nổi trên thân lư; tre biến thành hình con lân, đầu lân là gốc tre, mình lân là thân tre, bốn chân là cành tre nhiều ngành và đuôi lân là chùm lá tre. Tre còn được thể hiện thành

trang trí uyển chuyển trên quai lư, trên bốn mặt viên đế, quanh nắp. Đây là chiếc lư thờ nổi tiếng được đặt vào một vị trí trang trọng trong đình - năm Tự Đức thứ 5, đình Tân Hoà Đông được sắc thân, đó là năm 1852 (chưa rõ lư tre đúc năm nào). Nhìn chiếc lư thấy một rừng tre bao phủ quanh lư, cây tre truyền thống Việt Nam hiện lên ở đây không rậm rạp hay thô phác. Mọi trang trí hình tre làm nền cho cây tre đã biến hóa thành lân. Đây là một sản phẩm làng đúc được đánh giá là có một không hai, chiếc lư tre được đúc hoàn toàn bằng nguyên liệu đồng đỏ, tức là đồng nguyên chất. Hiện nay, mỗi năm làng đúc Tân Hoà Đông cung cấp cho thị trường hàng nghìn chiếc lư hương độc đáo, mang dấu ấn của các nghệ nhân của khu đình làng có cổ lư tre “độc nhất vô nhị”. Đặc biệt trong xu thế phát huy bản sắc văn hoá làm động lực cho công cuộc giao lưu hội nhập hiện nay, trong công cuộc tu tạo đình chùa miếu mạo, chấn hưng vai trò của các đại gia đình, dòng tộc hiện nay, nghề đúc lư hương đang được xem là nghề mang nhiều dấu ấn văn hoá cổ truyền xứ sở, một nghề khá cổ khá “thời thượng”!

III. NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA LÀNG NGHỀ HIỆN NAY:

1. TRƯỚC HẾT LÀ NỖI LO NGHỀ TỔ BỊ MAI MỘT

Những khó khăn trong đầu ra của sản phẩm đã khiến cho nhiều bạn trẻ nản, họ đi kiếm những nghề cần nhiều lao động để theo, dần phải ly hương, ví dụ

như đi làm phu hồ, đi xây dựng thủ công trong các công trình nhỏ cho chủ thầu với đồng lương phập phù. Họ chấp nhận như thế bởi dầu sao công việc đó cũng cho họ bát cơm manh áo trước mắt. Cái họ cần hơn là cuộc sống hằng ngày, chứ không hoàn toàn là việc giữ nghề hay giữ nét son văn hóa gì đó như sách vở báo chí vẫn nói. Đó là một sự thực mà chúng ta cần thông cảm với họ, và nếu có giải pháp cho các làng nghề đi lên phải được thực hiện từ chính thực tế này. Có một số người đã mạnh dạn đứng ra thành lập tổ hợp sản xuất, công ty tư nhân mong vực ngành nghề sản xuất dậy thì bản thân họ cũng lại gặp nhiều khó khăn. Cho nên điều phổ biến ở hầu khắp các làng nghề hiện nay là các làng nghề không thu hút được nhân lực, nhân tài ở lại để có thể phát triển. Tức là không phải chỉ có nguyên nhân lo mất nghề vì bị lộ bí quyết cho người ngoài như trước kia nữa, chuyện mất nghề bây giờ còn do không có mấy ai có tài, có tâm để kế tục nghề, nên các kỹ năng và bí quyết nhà nghề có nguy cơ bị mai một đi. Vì thế mới có tình trạng, những người còn trụ lại với các làng nghề, chủ yếu chỉ còn một số người già, trẻ em, họ kiếm thêm nhờ làng nghề bằng việc tham gia trong các công đoạn đơn giản của việc làm ra sản phẩm. Khó khăn này làm cho công việc cải tiến mẫu mã nâng cao chất lượng rất khó thực hiện vì thiếu rất nhiều lực lượng trẻ khỏe năng động thực sự tâm huyết với các làng nghề. Thêm nữa, từ nhiều đời nay, phương thức đào tạo ở các làng nghề thường thực hiện bằng cách kèm cặp cha dạy cho con (theo một thống

kê, việc truyền tay cha dạy con chiếm tới 60,15% ở các làng nghề, số thợ ở làng nghề được đào tạo chính quy chỉ chiếm 0,78%). Đáng rằng, phương thức truyền nghề này xưa nay vẫn tồn tại và vẫn là con đường duy nhất để các thế hệ nghề nhân ở các làng nghề nối nghiệp cha ông. Nhưng nay cuộc sống, cũng như mạch vận động của nguồn nhân lực trong các làng nghề đã thay đổi, đòi hỏi việc đào tạo phải bài bản hơn, chính quy hơn giúp thế hệ tiếp nối được truyền thụ kỹ năng nghề một cách hoàn hảo hơn, đồng thời để kéo các bạn trẻ về với làng nghề.

Muốn được như vậy, phải phát triển hệ thống trường dạy nghề trong toàn quốc. Trong khi đó, cả nước chúng ta mới chỉ có 7 trường đào tạo nghề thủ công. Tổng cục dạy nghề đã rất chú trọng việc phát huy giá trị các làng nghề bằng việc dạy nghề gắn với khôi phục các làng nghề, với tình hình phát triển kinh tế ở từng địa phương. Theo đó, việc đào tạo nghề gắn với việc sản xuất tại các làng nghề với những lớp học ngắn hạn nhằm phổ biến nghề truyền thống. Cùng với nó là việc hình thành một mạng lưới các trung tâm, các điểm đào tạo nghề thủ công ngay tại các làng nghề đào tạo trên cơ sở kiến thức và kỹ năng vốn có của các nghề nhân trẻ sinh ra lớn lên tại chính làng nghề đó, như thế sẽ có tác dụng cụ thể thiết thực hơn. Việc bổ sung các chương trình tài liệu, việc đưa ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào hệ thống nghề truyền thống cho các lớp học này đang được đặt ra

như một yêu cầu cấp bách. Vấn đề huy động mọi nguồn vốn cho việc đào tạo này, kể cả ở quỹ quốc gia giải quyết việc làm và ở quỹ xoá đói giảm nghèo cho việc đào tạo nghề thủ công truyền thống cũng là rất cấp bách để tháo gỡ khó khăn này. Nói khác đi, chúng ta phải tính nhiều hơn đến chuyện xã hội hoá việc tổ chức dạy nghề, chứ không thể chỉ phát triển dạng chính quy tại các trường vì nguy cơ thừa cung thiếu cầu về nguồn nhân lực tại các làng nghề là một thực tế rất bức xúc.

Về chính sách ưu đãi phát triển làng nghề, rõ ràng gần đây, Đảng, Nhà nước và các tổ chức của chúng ta đã có sự quan tâm thích đáng bằng các chính sách khuyến khích phát triển làng nghề nông thôn. Trên cơ sở Nghị quyết của Thủ tướng Chính phủ về vấn đề này, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam đã triển khai kế hoạch khuyến khích các làng nghề nông thôn phát triển. Cơ quan này sẽ tham gia cùng Bộ NN&PTNT xây dựng quy hoạch, kế hoạch và đề xuất các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển cơ sở kinh tế hợp tác, HTX trong ngành nghề nông thôn. Tham gia cùng với Bộ NN&PTNT, Bộ Khoa học Công nghệ - Môi trường và các Bộ, ngành liên quan triển khai công tác khuyến khích đối với các cơ sở kinh tế hợp tác, HTX ngành nghề nông thôn hướng dẫn thành lập các hiệp hội ngành nghề, cung cấp thông tin thị trường, trao đổi kinh nghiệm quản lý, sản xuất mua sắm trang thiết bị và tiêu thụ sản phẩm. Phối hợp với

các Bộ, ngành liên quan, nghiên cứu, lập quy hoạch, kế hoạch bảo tồn và phát triển ngành nghề và các làng nghề thủ công truyền thống ở nông thôn, đề xuất các cơ chế, chính sách giúp các cơ sở kinh tế hợp tác, HTX ngành nghề thủ công truyền thống, tìm hiểu thị trường, tiêu thụ sản phẩm. Nghiên cứu xây dựng quy định danh hiệu và cơ chế chính sách, tôn vinh nghệ nhân giỏi, thợ giỏi.

2. THIẾU VỐN, ĐÁU LÀ LỐI RA?

Như đã nói ở phần trên, một trong những khó khăn lớn của các làng nghề hiện nay là việc thiếu vốn sản xuất. Tạp chí *Mỹ nghệ kim hoàn* số tháng 4-2001 đăng kết quả điều tra của Bộ NN&PTNT trên 18 tỉnh thành thì vốn ở các đơn vị sản xuất trong hệ thống làng nghề rất khác nhau, chỉ có trên 22% số cơ sở sản xuất có vốn trên 500 triệu đồng,; 4% cơ sở sản xuất có vốn trên 5 tỷ đồng và có tới 22% số cơ sở có vốn dưới 50 triệu đồng. Đối với các hộ sản xuất trong làng nghề thì có quy mô rất nhỏ bé, có tới 87% số hộ có vốn dưới 50 triệu đồng, trên 37% số hộ có vốn dưới 10 triệu đồng. Điều này lý giải cho thực tế tại sao các làng nghề đang ngày càng bị thu hẹp, sản phẩm của nhiều làng nghề không có đầu ra và sút kém về chất lượng. Người dân làng nghề không có vốn để đầu tư cho sản xuất, theo đó chất lượng hàng sản xuất ra không đảm bảo chất lượng, giá thành lại cao do đó khó được khách hàng chấp nhận. Cái vòng luẩn quẩn cứ tiếp

diễn cho đến khi nhiều hộ, nhiều cơ sở sản xuất, nhiều làng nghề buộc phải bỏ nghề, chuyển sang làm nghề khác. Chúng ta phải công nhận rằng, trong thời gian qua, các chính sách tín dụng của Nhà nước và các ngân hàng đã mở ra những cơ hội cho các hộ, các cơ sở sản xuất trong các làng nghề được vay vốn phát triển nghề. Có hơn 41% số cơ sở sản xuất được vay vốn của Nhà nước với mức vay bình quân là 361 triệu đồng và 22% số hộ được vay ở mức xấp xỉ 10 triệu đồng/hộ. Trong các nguồn vốn các nghề đã vay thì tỷ lệ vay từ ngân hàng của các cơ sở sản xuất nông thôn chỉ có 32% và có trên 15% số hộ các nghề tới vay tiền tại ngân hàng. Các nỗ lực từ phía Nhà nước là rất đáng ghi nhận, tuy nhiên tình trạng thiếu vốn vẫn đang diễn ra rất phổ biến ở hầu khắp các làng nghề, các vùng miền nói chung. Có tới 70% số hộ, số cơ sở sản xuất trong các nghề đang mong được vay vốn để phát triển sản xuất. Không chỉ cần được vay vốn mà các làng nghề còn cần cơ chế thích hợp hơn trong việc vay vốn sản xuất kinh doanh theo đặc trưng của mình (như đã trình bày ở phần khó khăn của làng nghề trong việc hướng ra thị trường xuất khẩu).

3. VẤN ĐỀ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở CÁC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG VÀ VIỆC QUY HOẠCH CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ

Ví dụ như làng sắt Đa Hội, Bắc Ninh, hiện ở đây có 1.200 hộ gia đình với gần 7.000 nhân khẩu. Trong

số đó, có tới 200 hộ sản xuất chuyên nghiệp với quy mô là những xí nghiệp, đây là chưa kể đến hàng ngàn hộ sản xuất thủ công với quy mô nhỏ có tổng sản lượng lên đến 500-700 tấn sắt thương phẩm mỗi ngày. Những đơn vị sản xuất này, đã thải ra môi trường từ 2,5 đến 3,5 tấn gỉ sắt mỗi ngày, cùng với 3.500 - 4.000m³ nước thải. Đặc biệt, theo thống kê, có ít nhất 20 cơ sở sản xuất dây thép bằng công nghệ mạ kẽm được thực hiện ngay trong khu vực dân cư. Chất thải của khu vực sản xuất này thường là các loại sút, axit, các kim loại nặng; thế mà chúng không hề được xử lý qua bất cứ khâu nào, cứ thế được đổ thẳng ra sông Ngũ Huyện Khê.

Cùng con sông này, nó còn phải gánh thêm lượng chất thải thô khổng lồ của làng nghề ô nhiễm trầm trọng bậc nhất Bắc Ninh nằm ngay bên cạnh đó nữa. Đó là chuyện ô nhiễm môi trường ở làng giấy Phong Khê, Bắc Ninh. Trước tình trạng nguy cấp, ảnh hưởng sâu sắc đến sức khỏe người dân từ các vấn đề xuống cấp môi trường sản xuất và sinh sống ở đây, vừa qua UBND xã Phong Khê đã đứng ra làm chủ dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp sản xuất giấy Phong Khê (huyện Yên Phong). Theo đó, khu công nghiệp này rộng gần 13 ha, với tổng số vốn đầu tư là hơn 20 tỷ đồng, có xây dựng hệ thống cấp thoát nước và xử lý chất thải rắn, khí thải, nước thải. Đồng thời chú trọng trồng nhiều cây xanh nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Số tiền hơn 20

tỷ đồng cho một khu công nghiệp cấp xã là một điều mơ ước đối với tất cả các làng nghề. Khi dự án đi vào hoạt động, đây sẽ là một mô hình tốt cần nhân rộng và là một lối đi hợp thời cần thiết cho các làng nghề đang đứng trước nguy cơ ô nhiễm. Hiện nay, theo thống kê, Phong Khê là làng nghề có nguồn nước thải ô nhiễm và to lớn vào bậc nhất. Khu vực sản xuất giấy tái chế này (cùng với khu Phúc Lâm - Tiên Du kế bên) có khoảng 50 xí nghiệp với trên 70 phân xưởng sản xuất đã tạo ra một khối lượng từ 18-20 ngàn tấn sản phẩm hàng hoá một năm và oái oăm thay hai cái nôi giấy này cũng lại trả vố với môi trường sống của chúng ta từ 1.200 - 1.500m³ nước thải mỗi ngày! Kết quả phân tích ở lưu vực sông Ngũ Huyện Khê chảy qua đó cho thấy hàm lượng BOD và COD lớn gấp 7-8 lần mức cho phép, tức là rất nguy hiểm cho tính mạng con người.

Trước tình trạng đó, đất nghề Bắc Ninh đã triển khai thực hiện các cụm công nghiệp tại các huyện thị trên địa bàn toàn tỉnh. Hiện nay có 5 cụm công nghiệp làng nghề đã và đang được xây dựng là: cụm sản xuất giấy Phong Khê, cụm đồ gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ, cụm công nghiệp Đại Bái huyện Gia Bình, cụm sản xuất da nghề xã Đình Bảng. Ngoài ra còn 4 cụm làng nghề khác cũng đang bắt đầu triển khai xây dựng là các cụm công nghiệp Hạc Tĩnh huyện Tiên Du, Tác Đồi huyện Lương Tài, Phố Mới huyện Quế Võ, Thanh Khương huyện Thuận Thành. Việc hình thành các

cụm công nghiệp cho các làng nghề là một bước nhằm tổ chức quản lý tốt các làng nghề, tạo điều kiện nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo thuận lợi cho người lao động trong các làng nghề ổn định sản xuất, đồng thời bảo vệ tốt môi trường. Tỉnh Bắc Ninh cũng giao cho các sở Công nghiệp, sở Tài chính vật giá hướng dẫn đầu tư xây dựng, áp dụng chính sách trả chậm thuế đất nhằm giúp đỡ các doanh nghiệp giải quyết khó khăn ban đầu về vốn. Đây là hướng phát triển phù hợp với tỉnh Bắc Ninh, nơi tập trung nhiều nghề truyền thống để phát huy các lợi thế tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.



PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

LÀNG NGHỀ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (ĐBSH)

*Bảng 1: Số làng nghề và lao động trong
những làng nghề ở các tỉnh ĐBSH (năm 1998)*

Tỉnh	Số làng nghề			Lao động làm nghề
	Tổng số	Truyền thống	Mới	
Thái Bình	82	14	68	88.505
Ninh Bình ⁽¹⁾	161	20	141	87.221
Nam Định	90	19	61	52.132
Hà Nam	37	16	21	38.802
Hải Dương	42	30	12	34.440
Hưng Yên	39	11	28	22.391
Hải Phòng ⁽²⁾	80	15	65	33.762
Bắc Ninh	58	31	27	34.120
Hà Nội ⁽³⁾	40	20	20	68.679
Hà Tây	88	20	68	113.956
Vĩnh Phúc	14	9	5	20.595
Tổng số	731	215	515	594.303

(1) Số liệu của Ninh Bình là những làng có nghề

(2) Số liệu của Hải Phòng chỉ gồm 26 xã điều tra

(3) Số liệu ở Hà Nội chỉ gồm 4 huyện ngoại thành

Nguồn: Báo cáo tổng hợp của các Ban Kinh tế, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn và Hội đồng liên minh các HTX các tỉnh.

- 1988 thống kê (chưa đầy đủ) ở 11 tỉnh DBSH có 731 làng nghề, chiếm khoảng 50% tổng số làng nghề của cả nước, bình quân mỗi tỉnh có trên 66 làng nghề có khoảng 813 lao động làm nghề. Số làng nghề truyền thống chỉ chiếm 29,4% (215) còn lại là các làng nghề mới.

Nguồn: TS. Dương Bá Phượng (2001, TLTK số 5, tr.68).

PHỤ LỤC 2

CÁC NHÓM NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Ở nước ta có các làng nghề chủ yếu thuộc những nhóm nghề⁽¹⁾

THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

1. Nghề gốm
2. Nghề chạm khắc đá
3. Nghề đúc đồng
4. Nghề rèn
5. Nghề dệt (vải, lụa)
6. Nghề đóng thuyền
7. Nghề kim hoàn
8. Nghề dệt chiếu
9. Nghề may mặc
10. Nghề thêu - ren - đăng ten
11. Nghề chạm khắc gỗ

(1). Theo Ths. Bùi Văn Vương - Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam - Nxb Văn hoá, 1998.

12. Nghề làm nón
13. Nghề làm giấy dếp
14. Nghề dệt thảm
15. Nghề làm giấy (giấy dó)
16. Nghề làm tranh dân gian
17. Nghề in (mộc bản)
18. Nghề khảm trai
19. Nghề sơn mài
20. Nghề thủy tinh
21. Nghề ngọc (ngọc trai, đá quý)
22. Nghề làm quạt giấy
23. Nghề làm trống
24. Nghề làm đồ chơi
25. Nghề làm con rối (múa rối)
26. Nghề làm ô - dù - lọng
27. Nghề làm mây, tre đan
28. Nghề làm đàn - nhị - sáo...
29. Nghề làm trang phục sân khấu
30. Nghề mộc
31. Nghề kiến trúc, xây dựng
82. Nghề tiện (gỗ)
33. Nghề làm lược
34. Nghề làm hương nến v.v...

CÔNG CỤ SẢN XUẤT, VŨ KHÍ:

35. Nghề làm cày, bừa

36. Nghề làm súng, cung, nỏ v.v...

LÀM THUỐC VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

37. Nghề Đông y

38. Nghề thuốc Nam

39. Nghề nấu rượu

40. Nghề làm tương

41. Nghề làm nước mắm

42. Nghề làm muối

43. Nghề muối dưa - cà

44. Nghề làm nha - mật - đường

45. Nghề làm bánh - mứt - kẹo

46. Nghề làm cốm

47. Nghề làm bún

48. Nghề làm giò - chả

49. Nghề làm đậu phụ

50. Nghề ép, chưng cất dầu thực vật

51. Nghề yếm sào.

PHỤ LỤC 3

SỰ PHÂN BỐ MỘT SỐ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM

(Sưu tầm - tổng hợp)

1. NGHỀ DỆT

- An Giang: Tân Châu: dệt lụa
- Cao Bằng Lạng Sơn, Bắc Kạn: thổ cẩm dân tộc Tày
- Đắc Lắc: thổ cẩm Êđê
- Hà Nam: làng Nha Xá (Duy Tiên)
- Hà Tây: làng Vạn Phúc, làng La Khê (TX Hà Đông); làng La Cẩ, làng La Nội (Hoài Đức); làng Phùng Xá (làng Bùng) (Thạch Thất); làng Vân Sa (Ba Vì); làng Hoà Xá (Ứng Hoà): dệt lụa
- Hải Phòng: làng Cổ An (Vĩnh Bảo)
- Hoà Bình: thổ cẩm dân tộc Mường
- Hưng Yên: làng Rồng (Châu Giang); xã Vân Phương (Phù Tiên): dệt lụa
- Nam Định: làng Quần Anh (Hải Hậu)
- Ninh Thuận: thổ cẩm Chăm hàng mỹ nghệ
- Quảng Nam - Đà Nẵng: dệt lụa
- Thái Bình: làng Phương La hay làng Mẹo (Hưng

Hà); làng Bộ La (Vũ Thu), Nam Cao (Kiến Xương): dệt lụa tơ tằm

- Sơn La, Lai Châu: thổ cẩm dân tộc Thái

2. NGHỀ GỐM SỨ:

- Bình Dương: Lái Thiêu (Thủ Dầu Một): gốm
- Bình Định: Vân Sơn, Nhạn Tháp (An Nhơn)
- Bắc Ninh: làng Phù Lãng
- Đồng Nai: Biên Hoà: gốm
- Hà Nam: làng Đan Xá (Kim Bảng)
- Hà Nội: làng Bát Tràng (Gia Lâm)
- Hà Tây: làng Viên Sơn (Ba Vì)
- Hải Dương: Cậy (Cẩm Bình); làng Quao (Nam Thanh); gốm Chu Đậu (Nam Sách) có từ thế kỷ XV
- Nghệ An: làng Chợ Bông, tức làng Viên Sơn (Yên Thành)
- Quảng Ninh: thị trấn Đông Triều, Mạo Khê, Móng Cái

- Vĩnh Phúc: làng Hương Canh
- Sơn La: Mường Chanh: gốm Thái đen

3. NGHỀ CƠ KHÍ:

- Bắc Ninh: làng Đa Hội: rèn; làng Đại Bái (Gia Bình): đúc đồng; làng Đông Xuốt (Yên Phong)
- Hà Nội: làng Ngũ Xã (Q.Ba Đình): đúc đồng
- Hà Tây: làng Đa Sĩ: rèn

- Hưng Yên: làng Vân Dương (Mỹ Văn): rèn; làng Đại Đồng (Mỹ Văn): đúc đồng

- Nam Định: làng Vân Chàng, làng Đồng Côi (Nam Ninh): rèn.

- Quảng Nam: làng Phước Kiều (Điện Bàn): đúc đồng

4. NGHỀ MỘC MỸ NGHỆ:

- Bắc Ninh: xã Phù Khê, xã Kim Sơn (Tiên Sơn): chạm gỗ; làng Đồng Kỵ (Tiên Sơn): mộc mỹ nghệ trang trí.

- Hà Nội: làng Thiết Úng (Đông Anh)

- Hà Tây: làng Vạn Điểm (Thường Tín), làng Chàng Sơn (Thạch Thất): mộc; làng Nhị Khê (Thường Tín): tiện; làng Nhân Hiền (Thường Tín): chạm; làng Chuyên Mỹ (Phú Xuyên): khảm trai

- Nam Định: làng La Xuyên (Ý Yên)

- Thái Bình: làng Riệp (Hưng Hà)

- Thừa Thiên – Huế

5. SƠN MÀI:

- Bình Dương: làng Tương Bình Hiệp (TX. Thủ Dầu Một).

- Hà Tây: làng Chuôn tước Chuyên Mỹ, làng Giã Thượng (Phú Xuyên); làng Bình Vọng (Thường Tín)

- Nam Định: làng Cát Đằng (Ý Yên).

6. DỆT CHIẾU CỎI:

- Dăklăk: buôn Tơlơ (Buôn Ma Thuột): dệt chiếu Tây Nguyên.

- Đồng Tháp: Định Yên (Thanh Bình)
- Hải Dương: huyện Thanh Hà
- Hải Phòng: Lạc Dương (Tiên Lãng)
- Nam Định: Xuân Thủy
- Ninh Bình: làng Kim Chính (Kim Sơn)
- Ninh Thuận: An Hải (Ninh Phước)
- Thái Bình: làng Hối tức Hải Triều (Hưng Hà);
làng Thanh Quang (Kiến Xương).
- Thanh Hoá: làng Nga Bạch (Nga Sơn)

Đan đồ cỏi:

- Nam Định: Xuân Thủy, Hải Hậu
- Ninh Bình: Kim Sơn
- Thái Bình: Thái Thụy

7. NGHỀ ĐAN MÂY, TRE, GIANG:

- Bắc Giang: làng Tăng Tiến (Việt Yên)
- Bắc Ninh: làng Tân Hồng (Tiên Sơn)
- Hà Nội: làng Cáo, làng Vẽ, Yên Sở
- Hà Tây: làng Quảng Bị, làng Phú Vinh (Chương Mỹ); làng Ninh Sở (Hoài Đức); làng Xóm (Thanh Oai).
- Hải Dương: làng Thư Sĩ, làng Luông, làng Nội Lễ, làng Thị Tranh, Bùi Xá, Đỗ Thượng, Đào Xá, Công, Mao Điền.

- TP. Hồ Chí Minh: Củ Chi, Cây Trâm, An Hội.

8. NGHỀ THÊU:

- Bắc Ninh: làng Hoa Mai, làng Hoa Bắc (TX. Bắc Ninh)
- Hà Tây: làng Quất Động (Thường Tín); Bình Minh, Thanh Cao, Cao Viên.
- Hải Dương: làng Xuân Nổ (Chí Linh)
- Huế: lập làng thêu cổ đô từ thế kỷ XIX.
- Thái Bình: làng Kinh Lãng (Vũ Thư)

9. NGHỀ REN:

- Hà Tây: Bình Đà (Thanh Oai)
- Ninh Bình: Văn Lâm (Hoa Lư): thêu - ren

10. ĐAN NÓN:

- Bình Định: nón Gò Găng
- Hà Tây: làng Chuông (Thanh Oai); làng Phương Trung
- Huế: nón bài thơ
- Nghệ An: nón Nghệ
- Quảng Nam: nón Quảng

11. NGHỀ DỆT THẢM:

- Hà Nam

- Hà Tây
- Hải Phòng: Tràng Kênh: dệt thảm len
- Phú Thọ
- TP. Hồ Chí Minh
- Thái Bình

12. NGHỀ LÀM GIẤY:

- Bắc Ninh: làng Dương Ổ, Phong Khê (Yên Phong)
- Hà Nội: Yên Thái (Bưởi, Nghĩa Đô)
- Hà Tây: làng An Cốc (Phú Xuyên)

13. NGHỀ LÀM TRANH DÂN GIAN:

- Bắc Ninh: làng Đông Hồ (Thuận Thành)
- Hà Nội: Hàng Trống
- Hà Tây: làng Kim Hoàng (Hoài Đức)

14. NGHỀ LÀM QUẠT GIẤY:

- Hà Tây: Quạt Vóc Canh Hoạch (Thanh Oai)
- Hưng Yên: Đào Xá (Kim Thi)

15. NGHỀ ĐÓ ĐÁ:

- Đà Nẵng: làng nghề chạm khắc đá xóm Chùa (Ngũ Hành Sơn)
- Hải Dương: Kinh Chủ (Kinh Môn)
- Ninh Bình: làng Hệ (Hoa Lư)

- Thanh Hoá: làng Nhồi (Đông Sơn)

16. NGHỀ LÀM TRỐNG:

- Quảng Nam: Lam Yên (Đại Lộc)
- Tây Nguyên: trống của người Êđê và M'nông

17. NGHỀ KIM HOÀN:

- Hà Nội: Kiều Kỵ (Gia Lâm)
- Hải Dương: làng Châu Khê (Cẩm Giàng)
- Ninh Bình
- Thái Bình: làng Đồng Sâm (Kiến Xương) và nhiều cơ sở ở TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố khác.

18. NGHỀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

- Làm bún: Mễ Trì, Hà Nội
- Mạch nha: làng Nghĩa Đô - Hà Nội
- Làm tương: làng Bần – Hưng Yên
- Bánh đậu xanh: thị xã Hải Dương
- Bánh gai: Ninh Giang – Hải Dương
- Làm cốm: làng Vòng – Từ Liêm – Hà Nội
- Bánh cuốn: Thanh Trì - Hà Nội
- Làm đường mật: Bãi giữa, Cậy – Hải Phòng
- Mứt sen: làng Nành – Ninh Hiệp – Gia Lâm – Hà Nội
- Kẹo mè xừng: Thừa Thiên – Huế

- Nấu rượu: Phú Lộc, Cẩm Bình (Hải Dương); làng Vân (Bắc Ninh)

- Nước mắm: Nam Ô (Đà Nẵng); Phan Thiết (Bình Thuận); Phú Quốc (Kiên Giang); Cát Hải (Hải Phòng); Vạn Phần (Diễn Châu – Nghệ An)

- Mắm tôm: Thanh Hoá, Nghệ An

- Mắm tôm chua: Thừa Thiên – Huế

- Giò, chả: Hà Nội.

PHỤ LỤC 4

VỐN HOẠT ĐỘNG VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÁC NGÀNH NGHỀ, LÀNG NGHỀ

**Bảng 1: Quy mô vốn bình quân của các cơ sở
ngành nghề nông thôn (1997)**

Đơn vị: triệu đồng

	Doanh nghiệp	Hộ chuyên	Hộ kiêm
1. Tổng số vốn đầu tư của 1 cơ sở	700,32	25,73	16,1
2. Vốn cố định bình quân	432,7	14,7	9,1
3. Vốn lưu động bình quân	267,62	11,03	7,0
4. Vốn tự có bình quân	339,32	15,89	10,98
5. Mức vốn vay bình quân của 1 cơ sở	361,0	9,84	5,12
Trong đó:			
- Tỷ trọng vốn vay ngân hàng (%)	76,8	61,04	72,43
- Tỷ trọng vốn vay của tư nhân (%)	8,57	20,24	19,92
- Tỷ trọng vốn vay từ các chương trình Nhà nước (%)	4,36	1,09	0,94
- Tỷ trọng vốn vay từ các nguồn khác (%)	10,27	17,63	6,71
- Tỷ lệ cơ sở có vay vốn (%)	55,06	32,15	22,38

Nguồn: *Ngành nghề nông thôn Việt Nam 1997.*
NXB Nông nghiệp, H.1998, tr 98-100.

**Bảng 2: Vốn đầu tư ban đầu
và suất đầu tư cho một chỗ làm việc
trong một số nghề (1996)**

Đơn vị: nghìn đồng

Ngành nghề	Toàn bộ vốn đầu tư của một số cơ sở	Trong đó dùng mua sắm		Vốn đầu tư BQ 1 chỗ làm việc
		Thiết bị	Nguyên liệu	
1. Gốm sứ	30.000	25.000	5.000	5.000
2. Thêu, ren	500	200	300	500
3. Hàn, rèn	2.000	1.500	500	700
4. Dệt chiếu	1.000	800	200	1.000
5. Dệt đũi	4.500	1.500	3.000	1.500
6. Chằm nón đan rổ rá	200	0	200	200
7. Mây tre đan	200	120	80	200
8. Làm bún, bánh	1.500	1.450	50	750

*Nguồn: Số liệu khảo sát của Trung tâm Dân số và
nguồn lao động (Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội).*

**Bảng 3: Lao động và cơ cấu chất lượng
lao động trong các làng nghề
(1997)**

	Đơn vị tính	Doanh nghiệp	Hộ chuyên	Hộ kiêm
1. Lao động sử dụng thường xuyên bình quân của 1 cơ sở.				
- Trong đó Nữ bình quân	Người	26,5	2,61	2,91
2. Lao động thuê ngoài thường xuyên bình quân của 1 cơ sở	Người	11,5	1,05	1,39
- Trong đó Nữ bình quân	Người	-	0,71	0,25
3. Tiền công tháng bình quân của 1 lao động thuê ngoài thường xuyên.	Người	-	0,22	0,07
4. Cơ cấu chất lượng của lao động thường xuyên:	1.000	-	318,67	181,25
4.1 Trình độ học vấn:				
- Tỷ lệ chưa tốt nghiệp cấp 1	%	4,53	9,99	13,22
- Tỷ lệ tốt nghiệp cấp 1	%	14,45	21,76	26,43
- Tỷ lệ tốt nghiệp cấp 2	%	46,65	43,54	43,3
- Tỷ lệ tốt nghiệp cấp 3	%	34,37	24,71	15,93

	Đơn vị tính	Doanh nghiệp	Hộ chuyên	Hộ kiêm
4.2 Trình độ chuyên môn kỹ thuật:				
- Tỷ lệ không có chuyên môn kỹ thuật	%	36,15	54,71	78,76
- Tỷ lệ công nhân kỹ thuật:	%	54,05	40,09	17,62
Trong đó:				
+ Thợ giỏi	%	9,76	6,53	1,21
+ Nghệ nhân	%	0,06	0,22	0,04
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp	%	6,00	3,55	2,27
- Tỷ lệ tốt nghiệp cao đẳng, đại học.	%	3,8	1,55	1,35

*Nguồn: Ngành nghề nông thôn Việt Nam 1997.
Nxb Nông nghiệp, H.1998, tr.158 - 160*

PHỤ LỤC 5

QUYẾT ĐỊNH

***Số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24-11-2000
của Thủ tướng Chính phủ
về một số chính sách khuyến khích
phát triển ngành nghề nông thôn***

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ngành nghề nông thôn và đối tượng áp dụng

1. Ngành nghề nông thôn được quy định trong Quyết định này bao gồm:

- a. Sản xuất tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn:
 - Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản;

- Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ ở nông thôn;

- Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn;

b. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ;

c. Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất và đời sống dân cư nông thôn.

2. Đối tượng áp dụng:

a. Hộ gia đình, cá nhân;

b. Tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh.

Sau đây gọi chung là Cơ sở ngành nghề nông thôn.

Điều 2. Chủ trương phát triển ngành nghề nông thôn

1. Nhà nước có quy hoạch và định hướng phát triển các cơ sở ngành nghề nông thôn theo cơ chế thị trường, bảo đảm phát triển bền vững, giữ gìn tốt vệ sinh môi trường nông thôn, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, đồng thời có quy hoạch các cơ sở ngành nghề truyền thống phải gắn với phát triển ngành du lịch văn hoá.

2. Nhà nước có chính sách khuyến khích việc tiêu thụ và sử dụng các loại sản phẩm ngành nghề nông

thôn, nhất là các sản phẩm sử dụng nguồn nguyên liệu tự nhiên trong nước (gỗ, mây, tre, lá...) nhằm hạn chế một phần tác hại đến môi trường của các sản phẩm chất thải hoá chất nhựa công nghiệp.

3. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện và có chính sách bảo vệ quyền lợi hợp pháp các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 1 của Quyết định này, nhất là các ngành nghề truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, thu hút nhiều lao động, góp phần giải quyết việc làm ở nông thôn, xoá đói, giảm nghèo, giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc.

4. Nhà nước bảo hộ quyền lợi hợp pháp, bảo vệ quyền sở hữu về tài sản, bí quyết công nghệ, phát minh sáng chế, bản quyền và quyền sở hữu công nghiệp, mẫu mã, kiểu dáng công nghiệp của các cá nhân, tổ chức đầu tư phát triển ngành nghề ở nông thôn.

5. Khuyến khích việc tự nguyện thành lập các hiệp hội theo ngành nghề hoặc theo địa phương nhằm hỗ trợ thiết thực cho các cơ sở ngành nghề phát triển, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của cơ sở, tham gia ý kiến với cơ quan Nhà nước trong việc hoạch định cơ chế, chính sách phát triển ngành nghề nông thôn.

6. Khuyến khích và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân huy động các nguồn lực xã hội triển khai các hoạt động trợ giúp, tư vấn, thông tin, tiếp thị, đào tạo nghề, khuyến công, nghiên cứu công nghệ, kiểu dáng, mẫu mã cho phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 3. Đất đai

1. Các cơ sở ngành nghề nông thôn đang sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp thì được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền (tỉnh, huyện) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để họ yên tâm đầu tư phát triển sản xuất.

2. Hằng năm, theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Nhà nước cho phép chuyển một phần diện tích đất nông nghiệp, lâm nghiệp để phát triển ngành nghề nông thôn.

Đối với địa phương có nhiều cơ sở ngành nghề nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp xã quy hoạch đất đai, đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm tiểu thủ công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở ngành nghề nông thôn thuê đất đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất.

3. Các cơ sở ngành nghề nông thôn có nhu cầu sử dụng đất để di dời các cơ sở sản xuất cũ chật hẹp, ô nhiễm môi trường hoặc có nhu cầu thuê đất để xây dựng cơ sở sản xuất mới, để bảo vệ, chăm sóc, phục hồi, gây trồng vùng nguyên liệu thì được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ưu tiên cho thuê đất với mức giá thuê đất thấp nhất.

4. Thủ tục thuê đất:

Đơn xin thuê đất gồm các nội dung sau:

- Tên tổ chức hoặc cá nhân (không phân biệt người có thuê đất hay không có hộ khẩu thường trú tại địa phương).
- Mục đích sử dụng đất.
- Địa điểm và diện tích đất cần thuê.
- Thời hạn thuê đất.
- Cam đoan sử dụng đất đúng mục đích.

Sau khi nhận được đơn xin thuê đất của các cơ sở ngành nghề trong thời gian 15 ngày, Ủy ban nhân dân cấp xã nhận xét và đề nghị lên Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu là đơn của hộ gia đình, cá nhân, tổ nhóm hợp tác, hợp tác xã) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu là đơn của doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh).

Sau khi nhận được đơn xin thuê đất của các cơ sở ngành nghề và ý kiến đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc tỉnh trong thời gian 15 ngày phải trả lời và hướng dẫn cơ sở ngành nghề làm các thủ tục tiếp theo về thuê đất.

5. Tiền cho thuê đất được để lại ngân sách xã để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Tổng cục Địa chính và Bộ Tài chính có trách nhiệm theo dõi và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện thủ tục thuê đất và chính sách sử dụng tiền thuê đất quy định tại Điều này.

Điều 4. Nguyên liệu phục vụ sản xuất

1. Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào yêu cầu phát triển ngành nghề nông thôn của địa phương mình, lập quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản để bảo đảm nguồn nguyên liệu tại chỗ, ổn định cho ngành nghề nông thôn phát triển.

2. Cơ sở ngành nghề nông thôn có nhu cầu khai thác nguyên liệu thuộc tài nguyên khoáng sản được ưu tiên cấp giấy phép khai thác và sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Đối với nguyên liệu thuộc tài nguyên rừng, ngoài phần nguyên liệu từ rừng tự nhiên do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối trong kế hoạch khai thác và sử dụng hằng năm, khuyến khích các cơ sở sử dụng nguyên liệu từ rừng trồng và nguyên liệu nhập khẩu.

Đối với các sản phẩm lâm nghiệp không thuộc danh mục cấm xuất khẩu thì khi xuất khẩu, cơ sở không phải khai báo về nguồn gốc nguyên liệu và không bị hạn chế hạn ngạch xuất khẩu.

4. Khuyến khích phát triển công nghệ, tiểu, thủ công nghiệp sản xuất hoặc sơ chế nguyên liệu phục vụ cho ngành nghề nông thôn.

Điều 5. Đầu tư tín dụng

1. Các cơ sở ngành nghề nông thôn được hưởng ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10.

2. Cơ quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký ưu đãi đầu tư có nhiệm vụ xác định rõ quyền được hưởng ưu đãi đầu tư của các cơ sở ngành nghề nông thôn trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư; các cơ quan thực thi tiếp theo có trách nhiệm bảo đảm các quyền đó cho cơ sở ngành nghề nông thôn không được đòi hỏi thêm bất cứ thủ tục gì khác.

3. Đối với các cơ sở ngành nghề nông thôn có dự án đầu tư tốt, được Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, sẽ được Quỹ hỗ trợ phát triển cho vay đầu tư; hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; bảo lãnh tín dụng đầu tư theo các điều kiện, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 43/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1999 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Bộ Tài chính hướng dẫn các điều kiện cụ thể để các cơ sở ngành nghề nông thôn được hưởng chính sách này.

4. Cơ sở ngành nghề nông thôn không đủ điều kiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản cầm cố, thế chấp thì được vay vốn theo quy định về hoạt động bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba.

5. Cơ sở ngành nghề nông thôn được vay vốn của các tổ chức tín dụng dưới hình thức bảo lãnh bằng tín chấp của tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội theo quy định tại Điều 26 của Nghị định số 178/1999/NĐ - CP ngày 29 tháng 12 năm 1999 về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các tổ chức tín dụng hướng dẫn cơ sở ngành nghề nông thôn biết thủ tục vay vốn đơn giản, thông báo công khai, có hình thức cho vay thích hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở này vay vốn phát triển sản xuất.

Điều 6. Thuế và lệ phí

1. Cơ sở ngành nghề nông thôn được hưởng mức thuế ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 51/1999/NĐ - CP ngày 8 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10 về thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật thuế tài nguyên.

2. Cơ sở ngành nghề nông thôn thực hiện việc đóng phí, lệ phí theo quy định tại Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30 tháng 1 năm 1999 của Chính phủ, bãi bỏ và nghiêm cấm việc thu các loại phí và lệ phí khác trái pháp luật đối với các cơ sở ngành nghề nông thôn.

3. Đối với phí và lệ phí giao thông nông thôn do địa phương tự đầu tư có liên quan đến các cơ sở ngành

nghề nông thôn, Bộ Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT có hướng dẫn và quy định thích hợp.

Điều 7. Thông tin, thị trường tiêu thụ sản phẩm

1. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp tạo điều kiện để các cơ sở ngành nghề nông thôn tiếp cận với các thông tin về thị trường, giá cả, quy cách và tiêu chuẩn sản phẩm theo nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

2. Cơ sở ngành nghề nông thôn được giảm 50% trở lên về chi phí thuê diện tích tham gia hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm ở trong nước. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục xuất nhập cảnh và tài trợ một phần chi phí cho các cơ sở ngành nghề nông thôn và nghệ nhân được đi tham quan, học tập, tham gia hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm và tìm hiểu thị trường ở nước ngoài.

3. Cơ sở ngành nghề nông thôn được phép liên doanh, liên kết với cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

4. Bộ Thương mại chỉ đạo các tham tán thương mại ở nước ngoài tìm hiểu thị trường nước sở tại, giới thiệu với các cơ sở ngành nghề trong nước để mở rộng quan hệ giao dịch xuất khẩu; quy định điều kiện thuận lợi cho các cơ sở ngành nghề nông thôn được phép xuất khẩu trực tiếp. Bộ Thương mại chủ trì cùng

các cơ quan liên quan xem xét tổ chức khen thưởng hằng năm cho các cơ sở có thành tích xuất sắc trong việc xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ.

Điều 8. Khoa học, công nghệ môi trường

1. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức, chỉ đạo và dành nguồn kinh phí cần thiết trong kế hoạch hằng năm cho việc nghiên cứu, đổi mới công nghệ, cải tiến mẫu mã, sử dụng tác nguồn nguyên liệu trong nước; hướng dẫn việc áp dụng các loại công nghệ phù hợp để nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành, đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao giá trị thẩm mỹ và độ tinh xảo của sản phẩm làng nghề; nghiên cứu và chuyển giao công nghệ xử lý chất thải, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường trong ngành nghề nông thôn.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hoá - Thông tin, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn, chọn lọc, hoàn thiện, bảo tồn các công nghệ truyền thống mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc.

3. Nhà nước có chính sách khen thưởng và trợ giúp cá nhân, tổ chức triển khai các hoạt động nghiên cứu, thiết kế, cải tiến mẫu mã, tạo dáng sản phẩm, chuyển giao công nghệ cho các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và khoa học công nghệ.

4. Nhà nước khuyến khích cơ sở ngành nghề nông thôn nhập khẩu máy móc, trang thiết bị, dây chuyền công nghệ tiên tiến để hiện đại hoá sản xuất.

5. Cơ sở ngành nghề nông thôn phải có biện pháp xử lý chất thải, bảo đảm vệ sinh môi trường, thực hiện việc di chuyển cơ sở gây ô nhiễm môi trường đến địa điểm thích hợp.

Điều 9. Về chất lượng sản phẩm

1. Các cơ sở ngành nghề nông thôn phải không ngừng nâng cao chất lượng, đa dạng hoá sản phẩm, làm cho sản lượng thủ công mỹ nghệ ngày càng tinh xảo hơn, thể hiện đậm đà bản sắc văn hoá, truyền thống dân tộc, nâng cao sức cạnh tranh trong nước và xuất khẩu.

2. Các cơ sở đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn tự chịu trách nhiệm đối với người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất ra.

3. Hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn có trách nhiệm đăng ký tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, mẫu mã bao bì, kiểu dáng công nghiệp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại địa phương.

Điều 10. Lao động và đào tạo

1. Về lao động: Ưu tiên đào tạo và sử dụng lao động

đối với những hộ gia đình mà Nhà nước thu hồi đất để phát triển ngành nghề, lao động là người địa phương.

2. Về đào tạo:

a. Các nghệ nhân được tổ chức truyền nghề trực tiếp và được thu tiền học của học viên trên nguyên tắc thoả thuận; được miễn các loại thuế trong hoạt động truyền nghề.

b. Khuyến khích các nghệ nhân, hợp tác xã, tổ chức, hiệp hội mở các lớp truyền nghề, dạy nghề cho lao động.

c. Các trường dạy nghề của Nhà nước ưu tiên đào tạo nghề cho các cơ sở ngành nghề nông thôn; các trường Mỹ thuật công nghiệp phải chú trọng nâng cao chất lượng giảng dạy về thiết kế mẫu mã, tạo dáng sản phẩm các mặt hàng tiểu, thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu.

d. Tùy điều kiện và khả năng của từng địa phương, mỗi huyện có thể lập một trung tâm dạy nghề, nhất là nghề truyền thống của địa phương.

3- Nhà nước ghi nhận và có chính sách tôn vinh các nghệ nhân, thợ giỏi có công đào tạo, giữ gìn và truyền dạy nghề truyền thống cho thế hệ trẻ; các chủ cơ sở ngành nghề có nhiều sản phẩm được thị trường chấp nhận, thu hút được nhiều lao động và đóng góp nhiều cho Nhà nước được Nhà nước định kỳ xét và phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân” và “Thợ giỏi”.

- Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận

lợi cho các nghệ nhân, chuyên gia nước ngoài truyền dạy nghề, kinh nghiệm, bí quyết sản xuất các nghề tiểu, thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ truyền thống của các nước cho Việt Nam.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Văn hoá - Thông tin, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quy định danh hiệu và cơ chế, chính sách tôn vinh nghệ nhân, thợ giỏi.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch và đề xuất các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn trong cả nước trình Chính phủ quyết định. Hướng dẫn các địa phương triển khai xây dựng quy hoạch, lập dự án phát triển ngành nghề, nông thôn; xác định tiêu chí ngành nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống để thực hiện các chính sách ưu đãi trong việc bảo tồn và phát triển ngành nghề này.

b. Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tiến hành quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn phục vụ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

c. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan: Công nghiệp, Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam triển khai công tác

khuyến nông theo địa bàn từng địa phương và các hiệp hội theo ngành nghề, cung cấp thông tin thị trường, trao đổi kinh nghiệm quản lý, sản xuất mua sắm trang thiết bị, tiêu thụ sản phẩm cho các cơ sở ngành nghề nông thôn.

d. Hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề và nghiệp vụ quản lý kinh doanh cho các cơ sở ngành nghề nông thôn.

2. Bộ Thương mại chủ trì cùng Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu và thực hiện các cơ chế, chính sách giúp các cơ sở ngành nghề nông thôn, nhất là nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống tìm hiểu thị trường, tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong nước và xuất khẩu với các thủ tục đơn giản và mức thuế ưu đãi nhất.

3. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tham gia với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng và tổ chức triển khai; đồng thời hướng dẫn, tuyên truyền và trợ giúp các cơ sở ngành nghề thực hiện các quy hoạch, kế hoạch và chính sách của Nhà nước về phát triển ngành nghề nông thôn.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a. Quy hoạch chi tiết phát triển các làng nghề, các ngành nghề nông thôn, chỉ đạo cấp cơ sở lập các dự án phát triển khu vực ngành nghề cụ thể.

b. Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn phục vụ

cho phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; chỉ đạo huyện, xã xây dựng các cụm tiểu, thủ công nghiệp có qui mô nhỏ để tạo mặt bằng cho các cơ sở ngành nghề nông thôn phát triển.

c. Chỉ đạo các địa phương và cơ sở ngành nghề nông thôn bảo đảm trật tự, an ninh, bảo vệ sản xuất, vệ sinh môi trường trên địa bàn.

d. Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề trong việc chấp hành pháp luật và quy định của Nhà nước.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ, hướng dẫn thực hiện các chính sách của Nhà nước theo Quyết định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

PHÓ THỦ TƯỚNG

NGUYỄN CÔNG TẠ

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Đảng Cộng sản Việt Nam

- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX

- Văn kiện Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần 5 (khoá VII), lần 4 (khoá VIII)

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Sách giáo khoa Kỹ thuật 6. Thủ công đan lát - Kỹ thuật phục vụ (tái bản lần thứ 10)

Các tác giả: Đào Tố Nga, Phạm Thị Vy, Nguyễn Hùng.

NXB Giáo dục, H. 1999

3. Bùi Văn Vượng

Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam

NXB Văn hoá Dân tộc, H. 1998

4. Chương trình đào tạo một số nghề truyền thống tại trường Thủ công Mỹ nghệ - 27 Hàng Chuối - Hà Nội và các trường Mỹ nghệ Hà Tây tháng 4/2001.

5. TS. Dương Bá Phượng

Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình công nghiệp hoá.

NXB Khoa học Xã hội, H. 2001

6. Hoàng Đạo Thúy

Hà Nội thanh lịch

NXB Giáo dục, H.1996

7. Luật Bảo vệ môi trường và nghị định hướng dẫn thi hành

NXB Chính trị Quốc gia, H. 1997

8. Quyết định số 132/2000/QĐ - TTg ngày 24-11-2000 của Thủ tướng Chính phủ

9. Chủ biên: Nguyễn Văn Đại, Trần Văn Luận

Tạo việc làm thông qua khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống

NXB Nông nghiệp, H. 1997

Các báo: Nhân Dân, Tiền Phong, Thanh Niên, Nông thôn Việt Nam, Thương mại, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, Báo ảnh Việt Nam, Bắc Ninh, Hà Tây.

Tạp chí: Thời trang trẻ, Mỹ nghệ kim hoàn, Dân tộc thời đại.

Mục lục

Lời giới thiệu	7
Lời mở	11

PHẦN I. NGHỀ TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

I. Tìm hiểu chung về nghề truyền thống Việt Nam	16
II. Vai trò, ý nghĩa của nghề truyền thống Việt Nam	19
III. Đặc trưng nghề truyền thống Việt Nam	20
IV. Những yêu cầu về đào tạo nghề và hành nghề truyền thống Việt Nam	23
V. Hướng tới nghề truyền thống Việt Nam	27

PHẦN II. TÌM HIỂU VỀ MỘT SỐ NGHỀ TRUYỀN THỐNG THUỘC LĨNH VỰC MỸ NGHỆ

I. Nghề khảm trai	31
II. Nghề chạm khắc gỗ	38

III. Nghề làm hoa nghệ thuật	46
IV. Nghề kim hoàn	55
V. Nghề thêu	66
VI. Nghề gốm	71
VII. Nghề đan mây, tre, nứa	77
VIII. Nghề dệt truyền thống	82

PHẦN III. ĐỊNH HƯỚNG KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG

I. Chủ trương của Đảng và Nhà nước về khuyến khích khôi phục và phát triển ngành nghề thủ công truyền thống Việt Nam	92
II. Định hướng phát triển ngành nghề thủ công truyền thống	94
III. Định hướng phát triển và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh trong các làng nghề truyền thống	101
IV. Một số nét về thực trạng công nghệ, môi trường và bảo tồn bản sắc dân tộc trong ngành nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống	110
V. Một số giải pháp cụ thể đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống	112

VI. Một số hướng dẫn thủ tục thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh	117
---	-----

PHẦN IV. SÔI ĐỘNG LÀNG NGHỀ TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

I. Làng nghề truyền thống Việt Nam - tìm hướng để phát triển	126
II. Những người thắp lửa trong các làng nghề	146
III. Những khó khăn của làng nghề hiện nay	159

PHẦN V. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Làng nghề vùng đồng bằng sông Hồng	168
Phụ lục 2: Các nhóm nghề thủ công truyền thống Việt Nam	170
Phụ lục 3: Sự phân bố một số làng nghề truyền thống ở Việt Nam	173
Phụ lục 4: Vốn hoạt động và cơ cấu lao động các ngành nghề, làng nghề	181
Phụ lục 5: Quyết định số 132/2000 QĐ - TTg ngày 24-11-2000 của Thủ tướng Chính phủ...	185
Tài liệu tham khảo chính	200

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: (84.04). 8229413. 9439364

Fax: 04.9436024. E-mail: nxbthanhvien@vnn.vn

Chi nhánh: 270 Nguyễn Đình Chiểu - Quận III - TP Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 9305243. Fax: 08.9305243

**TUỔI TRẺ
VỚI NGHỀ TRUYỀN THỐNG
VIỆT NAM**

(IN LẦN THỨ HAI)

PGS, TS NGUYỄN VIỆT SỰ (Chủ biên)

Chịu trách nhiệm xuất bản: MAI THỜI CHÍNH

Biên tập: THANH BÌNH

Biên tập mỹ thuật: MAI HƯƠNG

Bìa: THU AN

Sửa bản in thử: PHAN THẮNG

In 1000c, khổ 13x19cm, tại Nhà in Hà Nội.

Số đăng ký KHXB: 266-2006/CXB/176-22/TN ngày 13/4/2006.

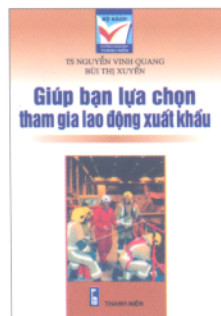
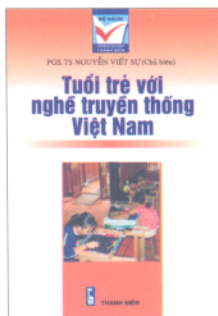
Số in: 294/3. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2006.



Bộ sách “HƯỚNG NGHIỆP THANH NIÊN” đưa đến các bạn những thông tin chính của từng ngành nghề:

- Chiến lược phát triển và tầm nhìn đến năm 2020
- Nhu cầu tuyển dụng nhân lực từng thời kỳ.
- Hệ thống ngành nghề cơ bản.
- Điều kiện lao động nghề nghiệp cụ thể.
- Nhu cầu đào tạo, hướng giải quyết việc làm.

Nhà xuất bản Thanh Niên xin trân trọng giới thiệu.



tuổi trẻ với nghề truyền



24.000 VNĐ



GIÁ: 24.000Đ